

THERAVADA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Pháp Khó Hiện Hữu
Trên Thế Gian
Cầm Nang Tạo Trữ Thiện Thí

Tỳ kheo *Khải Minh*
(*Bhikkhu Jotivādī*)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHÁP KHÓ HIỆN HỮU
TRÊN THẾ GIẠN
_____ và _____
CẨM NANG TẠO TRỮ THIỆN THÍ

THERAVADA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

**PHÁP KHÓ HIỆN HỮU
TRÊN THẾ GIAN**

_____ và _____

CẨM NANG TẠO TRỮ THIỆN THÍ

Phật lịch 2055 - Dương lịch 2011

Tác giả: SADDHAMMA JOTIKA

Tỳ kheo KHẢI MINH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỜI TỰA

Traï qua bao thăng trầm giữa cái tốt và cái xấu tôi bất chợt nhận ra đời sống của mình thật vô vị khi thật sự mình có khả năng thực hiện một đời sống hữu vị. Hữu vị ở đây là vốn quý sống còn để tái tạo lại cái thật mà chúng ta đã quên lãng đi trong rất nhiều kiếp luân hồi.

Để nhận ra được khả năng quý báu ấy rồi tự mình hồi hã tìm lấy phương pháp thoát sinh. Tất cả những điều đó được gói gọn trong hai dịch phẩm *Pháp khó hiện hữu trên thế gian và Cẩm nang tạo trũ thiện thí* và cũng là điều mà tôi đã từng nâng niu, trân trọng, ôm ấp rồi tranh thủ và cần trọng thực hiện.

Với tấm chân tình chia sẻ pháp thí, tôi trao tặng đến quý vị Phật Tử gần xa nói chung và Phật Tử trong hệ phái Theravāda nói riêng. Mong rằng lời dạy của ngài Saddhamma Jotika, là vị giáo thọ sư có trí tuệ và uy tín rất được nhiều Phật Tử tại các nước quốc giáo cũng như những học giả nghiên cứu Phật Học trên toàn cầu biết đến.

Những lời giảng giải tràn trề bằng cả tấm lòng nhân hậu của ngài trong hai dịch phẩm mà tôi đã

chuyển từ Thái Ngữ sang Việt Ngữ này sẽ là món quà tinh thần đắt giá nhất trên vạn dặm đường xa tìm về chân hạnh phúc vĩnh hằng của quý vị.

Với phước báu phát sanh từ thiện sự này tôi cũng xin chân thành hồi hướng đến quý vị ân nhân cùng với song thân đã quá vãng, và một số Phật Tử đã đóng góp phần công đức về vật chất lẫn tinh thần nhờ vậy tác phẩm này mới thành tựu tốt đẹp và được chuyển tặng đến tay quý vị. Cầu xin cho tất cả đều thọ lãnh quả phước để hằng được tấn hóa, an vui lâu dài.

Và cũng với thiện sự nhỏ nhoi này xin cho tôi trong vòng luân hồi luôn được độc lập, có Chánh Kiến và không bao giờ bị lệ thuộc vào một ai cả. Một khi tôi kiến tạo thiện sự thì không có một tác nhân nào có thể làm trở ngại hoặc rơi vào những trường hợp nguy biến khốn cùng khiến cho tôi phải thối chuyển thiện pháp.

Khi được nghe và biết đến Chánh Pháp xin cho tôi thông suốt nhanh chóng để làm duyên sớm chấm dứt sanh hữu trong thời Đức Phật vị lai.

Tỳ kheo KHẢI MINH

NAMATTHU RATANATTAYASSA

**PHÁP KHÓ HIỆN HỮU
TRÊN THẾ GIAN**

VẤN ĐÁP VỀ PHÁP KHÓ HIỆN HỮU TRÊN THẾ GIAN

1. Vấn: *Bậc Chánh Đẳng Giác thuyết cho tất cả hàng Thanh Văn về pháp khó tiến hành được trên thế gian như thế nào?*

*** Đáp:** Ngài thuyết: “Bhikkhave appamādena sampādettha dullabho buddhuppādo lokasmiṃ dullabho manussapaṭilābho dullabhā saddhāsampatti dullabhā pabbajjā dullabhaṃ saddhammasānaṃ”

(trong số giải Tăng Chi Kinh pháp 1 chi)

“Bhikkhave Đây các tỳ kheo! Appamādena sampādettha các người hãy thực hành pháp không để duôi để đem lại lợi ích cho mình và lợi ích cho người bởi vì:

- Dullabho buddhuppādo lokasmiṃ bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là điều khó hiện hữu.

- Dullabho manussapaṭilābho Được sanh làm người trên thế gian là điều khó hiện hữu.

- Dullabhā saddhāsampatti Làm người mà giữ được đức tin là điều khó hiện hữu.

- Dullabhā pabbajjā Hàng tín đồ có được cơ hội xuất gia là điều khó hiện hữu.

Dullabhaṃ saddhammasānaṃ Có được cơ hội được nghe pháp của các bậc chân nhân là điều khó tìm được trên thế gian”.

2. VẤN: *Lời giáo huấn của bậc Chánh Đẳng Giác đã thuyết như thế nào và có bao nhiêu trường hợp?*

* **ĐÁP:** Năm pháp duy nhất khó hiện hữu được trên thế gian được Đức Phật thuyết lên để hàng tứ chúng hiểu và biết trân trọng sự hạnh phúc có được của mình:

1. Sự xuất hiện của Chư Phật
2. Được sanh làm người.
3. Đầy đủ đức tin.
4. Được xuất gia trong Phật Giáo.
5. Được nghe pháp của bậc chân nhân.

3. VẤN: *Điều thứ 1 - Bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là điều khó hiện hữu như thế nào?*

* **ĐÁP:** Vật quý tốt có giá trị thường rất hiếm hoi nhưng nó đem lại niềm an vui và lợi ích cho người sở hữu nó. Ví như hiện tượng “mưa vàng mưa bạc” khó có thể xảy ra, nhưng nếu vùng đất nào có hiện tượng này thì dân chúng ở nơi đó thật sự là người vô cùng may mắn. Cũng vậy, khi bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian thì tất cả chúng sanh mới nhận được sự giáo hóa toàn hảo từ Đức Phật. Có cơ hội kiến tạo 37 pháp giác phần (bodhipakkhiyaddamma) là nhân tác chứng được 4 Đạo, 4 Quả, Níp Bàn trong kiếp này hoặc trong kiếp tiếp. Phận sự của 37 pháp giác phần này bao gồm, bố thí, trì giới, tu tiến thuộc ly luân hồi (vivattaṇissita) và là pháp chủ (dhammādhipateyya).

Bố thí, trì giới, tu tiến thuộc ly luân hồi (vivaṭṭanissita). Nghĩa là việc tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến chỉ tịnh và tu tiến minh quán của người đó chỉ hướng đến một loại tuệ giác (bodhiñāṇa) nào đó và Níp Bàn chứ không mong cầu thành tựu tài sản hay sanh hữu cao quý nào cả. Bố thí, trì giới, tu tiến là pháp chủ (dhammādhipateyya). Nghĩa là khi bố thí, trì giới hoặc tu tiến chỉ tịnh hay minh quán cũng không lấy mình hoặc lấy thế gian làm chủ mà chỉ lấy pháp và lợi ích của giáo pháp làm chủ. Như chỉ ước vọng duy nhất một loại tuệ quán nào và Níp Bàn mà thôi. Nhóm thiện pháp này gọi là thiện ly luân hồi.

Nói về bố thí, trì giới, tu tiến thuộc luân hồi hoặc lấy thế gian làm chủ (lokādhipateyya) cũng như lấy mình làm chủ (attādhipateyya). Trong thời kỳ không có Phật Giáo thì mọi người cùng nhau tạo loại thiện pháp không khó. Bởi tất cả chúng sanh khi tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến chỉ tịnh thường bị thường cận y duyên dẫn dắt. Chính vì thế nên luôn cầu mong cho mình được sung túc về tài sản (bhogasampatti) như vàng, bạc, danh lợi, địa vị, an lạc... Và sanh hữu được viên mãn (bhavasampatti) như mong được sanh làm người, chư thiên hay phạm thiên. Nhóm thiện bố thí, trì giới, tu tiến này gọi là thiện luân hồi.

Đôi khi tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến lại tự mình chọn lựa địa điểm, kén chọn người và tự sắp đặt thời gian mà không nghĩ đến lợi ích của Phật Giáo hay ân đức giới, ân đức định, ân đức tuệ của người đó. Chủ yếu nghĩ đến sao cho thỏa mãn tâm tham của mình mà thôi.

+ *Việc kén chọn địa điểm có 2:*

1. Nơi có dạy về pháp học được đầy đủ hay là nơi có sự thực hành chỉ tịnh, minh quán theo đúng đường lối của Phật Giáo.

2. Nơi có dạy về nghề nghiệp có liên quan đến thế gian hay có sự thực hành theo đường lối không đúng theo Phật Giáo.

Thường thì ta chỉ nghĩ đến danh tiếng và quyền lợi của riêng mình mà không nghĩ đến lợi ích của giáo pháp. Vì vậy dù một nơi có lợi ích cho giáo pháp hoặc sẽ nhận được lợi ích về nghề nghiệp, mở mang sự hiểu biết liên quan đến pháp thế gian đi nữa. Nhưng nếu như ta vun tạo bố thí, trì giới, tu tiến học tập rồi mà không nhận được điều mà mình mong muốn thì ta cũng không đến. Nếu như có cơ hội bố thí, cúng dường để tạo phước cũng miễn cưỡng làm chút ít chứ không có chủ tâm tạo thật sự.

Nói đến một nơi nữa cũng có lợi ích cho giáo pháp nhưng khi tiếp xúc sẽ nhận được sự tán thán. Như danh tiếng hoặc sẽ nhận được sự tâng bốc từ nhóm người đó thì cũng sẵn lòng đi đến nơi đó để tạo trử bố thí, trì giới, tu tiến dù có phải tốn kém, vất vả. Hoặc bất luận con đường sẽ đi đến đó có xa, có cách trở bao nhiêu cũng mặc. Loại thiện bố thí, trì giới, tu tiến này gọi là lấy mình làm chủ.

+ *Việc kén chọn người có 2:*

1. Nhóm có giới đức, định đức, tuệ đức có sự thực hành tốt người đi tìm cầu liên hệ sẽ được lợi ích liên

đới đến sự hiểu biết về Đạo Pháp hoặc hiểu biết về phương pháp thực hành đúng đắn nhưng không có sự khen ngợi tâng bốc hay vị nể, tán thán nhau bằng sự tốt đẹp.

2. Nhóm có giới đức, định đức, tuệ đức có sự thực hành tốt người đi tìm cầu liên hệ sẽ được lợi ích liên đới đến sự hiểu biết về Đạo Pháp hoặc hiểu biết về phương pháp thực hành đúng đắn nhưng có sự khen ngợi tâng bốc hay vị nể, tán thán nhau bằng sự tốt đẹp.

Phần lớn ai cũng nghĩ về mình và yêu thương chính mình nên thường ưa thích tìm đến nhóm người thứ hai. Bởi nơi này họ sẽ nhận được những lời tán thán vừa lòng. Đó là điều thúc đẩy họ mạnh tay bố thí, trì giới, tu tiến cho dù tốn kém bao nhiêu hay bất luận vất vả như thế nào. Loại thiện bố thí, trì giới, tu tiến này gọi là thiện lấy mình làm chủ.

+ *Việc kén chọn thời gian*: Như sắp xếp thời gian bố thí, trì giới, tu tiến phù hợp với thời điểm có nhiều người đến tham dự đông đảo để khoe khoang và phô trương thanh thế. Loại thiện này là thiện lấy mình làm chủ.

Thiện pháp thuộc thiện luân hồi, thiện lấy thế gian làm chủ và lấy mình làm chủ như đã đề cập trên là hai loại thiện mà mọi người vẫn thường cùng nhau kiến tạo trong thời kỳ còn Phật Giáo.

Đối với thiện ly luân hồi và lấy pháp làm chủ liên quan đến 37 pháp giác phần chắc chắn không được kiến tạo được trong thời kỳ không có Phật Giáo. Bởi vì việc hiểu biết về nhân quả của tất cả chúng sanh

trong thời kỳ đó vẫn không được trọn vẹn. Cho nên các vị có được cơ hội thiện ly luân hồi và lấy pháp làm chủ là do sự hiểu biết nhân quả đầy đủ. Mà trong sự kiện hiểu biết nhân quả đầy đủ phải nương vào giáo pháp của bậc Chánh Đẳng Giác. Phật Giáo cũng còn duy trì được 2500 năm nữa sau đó là thời kỳ không có Phật Giáo. Thời gian ấy rất lâu không ước tính được cho đến khi giáo pháp của Đức Phật Sirīriyametteyya (Di Lạc) xuất hiện trên nhân giới. Do đó bậc Chánh Đẳng Giác mới thuyết: “Dullabho buddhuppādo lokasmiṃ”. Thời kỳ mà bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là điều khó tìm được.

4. Vấn: Điều thứ 2 - Được sanh làm người trên thế gian cũng là điều khó hiện hữu là như thế nào? Xin hãy giải thích liên quan đến lãnh vực của giáo thọ sư bậc cao?

* **Đáp:** Được sanh làm người phải nương vào thiện pháp có đầy đủ sức mạnh làm nhân. Sức mạnh của thiện pháp này phải đối kháng lại được với bất thiện thì thiện pháp của người đó mới có thể dẫn sanh làm người được. Nếu không sanh làm người thì phải sanh vào nhóm chúng sanh khổ cảnh như bàng sanh...

Điều này được các ngài giáo thọ sư dẫn chứng số lượng nhân loại và số lượng bàng sanh. Ai cũng phải công nhận là nhóm bàng sanh có số lượng nhiều hơn nhóm nhân loại hàng ngàn lần. Ngay bên trong nhà của chúng ta thôi, mỗi một nhà số người thì đếm được, nhưng bàng sanh sanh lên ở bên trong nhà

của chúng ta, chúng ta không thể tính được số lượng của chúng. Vì vậy cho thấy rằng sự sanh lên của loài bàng sanh dễ dàng như người bơi xuôi theo dòng nước, nhưng sự được sanh làm người khó giống như người bơi ngược dòng nước.

Bậc Chánh Đẳng Giác thuyết: “Dullabho manussappaṭilābho lokasmim” Đức Phật không nhấn mạnh đến sự an lạc hiện hữu trong nhân giới. Nếu như Đức Phật nhấn mạnh đến sự an lạc thì Đức Phật thuyết: “Dullabho manussappaṭilābho” và phải thuyết: “Dullabho devappaṭilābho” hoặc “Dullabho brahmappaṭilābho” bởi vì sự an lạc trong thiên giới và phạm thiên giới có vô số không ước lượng được. Cho dù sự an lạc của vua Chuyển Luân là an lạc tột đỉnh nhưng nếu đem ra so sánh với an lạc của nhóm chư thiên và phạm thiên thì không thể so sánh được đừng nói chi sự an lạc của người thông thường. Cho nên ý nghĩa của câu “Được sanh làm người là điều khó hiện hữu” là muốn nói đến sự được sanh làm người có cơ hội được tạo trử thiện pháp.

Trong tất cả 31 cõi nhóm được thọ hưởng lạc chư thiên, lạc phạm thiên chính là do quả nhận được từ thiện pháp mà mình kiến tạo trong lúc làm người rồi ước muốn được sanh làm nhân loại cao sang, thành chư thiên, phạm thiên. Hoặc muốn trở thành Đức Phật Toàn Giác, Đức Phật Độc Giác, bậc Chí Thượng Thịnh Văn, bậc Đại Thịnh Văn, bậc Thịnh Văn thường thì cũng phải sanh làm người trước rồi tạo trử thiện pháp, vun bồi ba la mật theo tương ứng từ ước nguyện đó. Chính do nhân này, các vị bồ tát khi sanh lên thiên

giới hoặc phạm thiên giới thường không sống hết tuổi thọ của cõi đó mà phải chú nguyện cho mệnh chung từ cõi đó sanh xuống làm nhân loại để tiếp tục kiến tạo ba la mật. Do đó, các bậc hiền trí có ước lệ là được sanh làm người giống như được một cây thần ước. Vì suy nghĩ ước muốn điều tùy thuộc nơi mình, ước điều tốt cũng được, ước điều không tốt cũng được. Cũng vậy khi được sanh làm người, ta rất dễ dàng thực hiện điều tốt cũng như điều xấu. Vì vậy, xin các vị đừng nguy cơ bị lỗ vốn ập đến mà phải cố gắng làm cho có lợi thu thường xuyên theo đường lối của các bậc hiền trí. Bởi vì thông thường các bậc hiền trí không chấp giữ các sự an lạc mà mình nhận được để khinh suất buông thả nỗ lực. Mà các vị chấp nhận từ bỏ an lạc mà mình đang nhận được, để tinh cần tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến mong cầu lợi ích tốt đẹp cao thượng hơn cho đến khi đạt được an lạc tối thượng tức 9 pháp siêu thế gồm có 4 Đạo, 4 Quả và Níp Bàn.

Do đó, người có suy nghĩ sâu sắc về nhân quả như đã đề cập mới không chấp nhận bỏ mất cơ hội này để đánh rơi lợi ích của cơ hội này. Chính là được sanh làm người, bởi vì mỗi lần được sanh làm người không phải được dễ dàng. Như Đức Phật thuyết: “Dullabho manussatta paṭilābho” Được sanh làm người trên thế gian là điều khó tìm được.

5. Vấn: Điều thứ 3 - Là người đầy đủ đức tin cũng là điều khó hiện hữu được trên thế gian là như thế nào?

* **Đáp:** Đây đủ đức tin nghĩa là hội đủ đức tin vững chắc về ân đức Tam Bảo. Tin nghiệp tức hành động, tin quả của nghiệp tức quả nhận được từ hành động. Nghĩa là làm tốt thì nhận được quả an vui, làm xấu thì nhận được quả đau khổ. Tin trong đời này và đời sau như nói đến sự chết rồi sẽ tái sinh lại nữa. Các sự tin tưởng này khó mà có được. Nếu trong quốc gia nào hoặc trong địa phương nào mà tất cả mọi người đều có lòng tin như thế, thì chắc chắn tỳ kheo, sadi ngụ trong quốc gia đó hoặc nơi đó sẽ không vất vả về vấn đề tứ vật dụng. Nhưng xin các vị hãy thử suy xét xem trên thế gian này mà tìm kiếm người có đầy đủ đức tin như đã đề cập trong 100.000 người thì có được bao nhiêu người? Chỉ có được một người, số còn lại đức tin của họ chỉ là sự tin tưởng bằng cách bắt chước theo nhau. Bởi họ chỉ làm theo người đứng đầu trong dòng tộc của mình để không làm mất đi truyền thống mà thôi. Nếu có một người nào đó chống đối thì cũng chỉ lại là thêm một chủ trương khác nữa, và người thiện tín chỉ có tên gọi đó họ cũng tạo trử bố thí, trì giới, tu tiến mà cũng nói là họ không có đức tin như thế hay chăng?

Trong điều này xin giải thích: Thật vậy cho dù nhóm đó họ có biểu hiện những hành vi tương tự nhưng cũng chỉ theo cách thức của nhân loại mà thôi. Bởi vì trong xã hội nào cũng có ban hành pháp luật, quốc gia nào cũng có hiến pháp riêng. Sống trong cộng đồng họ phải tuân thủ những qui tắc chung để có sự liên kết hài hòa và trật tự. Tất cả những điều lệ ấy chính là quy luật của nhân giới không phải là đức tin

thật sự. Như có một số trẻ con cùng sống chung trong một nhà được sự chăm sóc dạy dỗ như nhau. Chúng thật sự chưa có hiểu biết nhưng chúng cũng biết đối xử thuận hòa và thương yêu lẫn nhau. Chúng biết chia sẻ quà bánh cho bạn của mình và còn biết nâng đỡ phụ giúp bạn trong công việc. Đôi khi chúng cũng có tâm thương xót người nghèo khó đói kém và còn giúp đỡ họ trong khả năng nhỏ bé của mình. Sự việc mà trẻ con làm được như vậy không phải nương sanh từ trí tuệ hoặc đức tin. Bởi vì, nhóm trẻ con này chưa hiểu biết và tin tưởng ân đức Tam bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tin đời này đời sau. Tuy nhiên, những biểu hiện tương thân tương ái của chúng hay người thiện tín của nhóm có chủ trương khác có những hành động tốt cũng đều được xếp vào là thiện. Nhưng thiện sanh khởi như vậy là quy luật thông thường của nhân giới chưa được gọi là thiện bậc cao thượng. Vì vậy các bậc hiền trí mới nói rằng người nào thật sự có giới cùng với đức tin thì người đó giống như được thừa hưởng tài sản to lớn. Bởi tài sản này làm điều kiện cho an lạc, danh tiếng, quyền thế cùng tăng trưởng. Cũng vậy, người thật sự đầy đủ đức tin luôn nhận được an lạc trong đời này và cả đời sau như nhân sản, thiên sản và Níp Bàn sản. Và còn có thể hưởng được tài sản siêu thế như trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, Đức Phật Độc Giác... Những thành quả ấy chính nương vào nhân có đức tin. Cho nên, Đức Phật mới thuyết: "Dullabhā saddhāsampatti" Người đầy đủ đức tin khó có được trên thế gian.

6. Vấn: Điều thứ 4 - Hàng tín đồ được cơ hội xuất gia trở thành tu sĩ cũng khó hiện hữu được trên thế gian, khó được như thế nào?

* **Đáp:** Xuất gia trên thế gian này có 5 loại:

- 1- Xuất gia bằng trí tuệ (paññāpabbajita).
- 2- Xuất gia bằng đức tin (saddhāpabbajita).
- 3- Xuất gia do sự sợ hãi (bhayāpabbajita).
- 4- Xuất gia do ái dục (taṇhāpabbajita).
- 5- Xuất gia do si mê (mohāpabbajita).

1. *Xuất gia bằng trí tuệ:* Xuất gia do thấy được lợi ích trong việc xuất gia và thấy được tai hại của đời sống cư sĩ. Người xuất gia bằng trí tuệ thì gìn giữ tứ thanh tịnh giới được vững vàng và cố tâm học Tam Tạng, số giải, hậu số giải. Khi học hiểu biết được thì sẵn lòng chỉ dạy lại cho người khác. Gọi là thực hành phạm sự pháp học.

2. *Xuất gia bằng đức tin:* Xuất gia có đức tin nơi ân đức Tam Bảo, tin nghiệp, tin quả của nghiệp, tin đời này và đời sau sẽ sanh lên tiếp tục. Vị xuất gia bằng đức tin thì gìn giữ Tứ Thanh Tịnh Giới cũng được vững vàng rồi cố tâm thực hành tu tiến chỉ tịnh và minh quán. Gọi là thực hành phạm sự pháp hành.

3. *Xuất gia do sợ hãi:* Xuất gia không liên quan đến trí tuệ và cũng không liên quan đến đức tin. Loại người này sợ khổ cực do nuôi mạng khó khăn hay lười biếng tâm kế mưu sinh, phạm tội lẩn trốn pháp luật. Loại xuất gia này tiến hành theo năng lực của tham,

sân, si, hôn trầm, thụy miên nên khi đã xuất gia rồi không quan tâm học pháp và hành pháp. Là người thiếu nhân nại có tâm nhu nhược dù cho có thiện bạn hữu dắt dẫn động viên học pháp hoặc hành pháp cũng bê trễ không thông suốt. Cố tình né tránh phận sự kẻ xuất gia bằng đủ mọi cách bởi bị quan kiến sợ hãi khổ sở vất vả bao trùm.

4. *Xuất gia do ái dục*: Xuất gia bởi mãnh lực ái dục, ngã mạn, tà kiến không liên quan đến đức tin và trí tuệ. Vị ấy khi đến thấy hoặc nghe rằng người xuất gia trở thành tu sĩ sẽ được đầy đủ lợi lộc cúng dường, có người cung kính đánh lễ, có nơi ăn chốn ở khang trang, có danh tiếng, địa vị và quyền lợi cũng hơn người. Vị ấy phát sanh sự thích thú rồi xuất gia vào tầm cầu lợi lộc, cúng dường, danh tiếng, địa vị bằng con đường bất chánh. Vị ấy không quan tâm đến việc học tập pháp học và thực hành pháp hành thật sự và luôn lợi dụng việc học tập pháp học và thực hành pháp hành này làm công cụ cho việc tầm cầu lợi lộc, cúng dường, địa vị, danh tiếng mà thôi. Loại người này sẵn sàng vượt qua Pháp Luật là quy củ chín chắn để xuôi theo lợi lộc. Lòng tham che án, quyền lực doanh vẫy làm cho vị ấy quên mất trách nhiệm trực tiếp của một vị tu sĩ và còn trở lại là người cản trở đạo lộ chơn chánh của người thực hành pháp học và pháp hành. Vị ấy là mầm mống khai sinh hay còn là thành viên tích cực cho nhóm xuất gia do ái dục giống như mình nảy nở, là mối nguy hại hệ trọng thật sự đối với Phật Giáo.

5. *Xuất gia do si mê*: Vị tu sĩ xuất gia không hiểu được sự thật, không phải tu bằng đức tin theo đường

lối Phật Giáo và cũng không phải tu bằng trí tuệ thấy được khổ, sợ hãi vòng luân hồi lần không thấy được lợi ích trong việc tu tập. Thường thì người này chỉ tu theo truyền thống hay bị đốc thúc, bắt buộc cho nên khi xuất gia rồi không hề quan tâm trong việc học, hành chi cả bỏ mặc thời gian trôi qua một cách lãng phí. Khi được thấy được nghe người này người kia tiến bộ trong pháp học và an lạc trong pháp hành cũng không phát sanh đức tin mà chỉ quan tâm đến những điều không nằm trong phận sự của mình. Vì ấy đánh mất sa môn hạnh, không hổ thẹn tội lỗi lao vào thú vui thế gian quên bẵng đi mình là người tu sĩ. Hạng người này thường bị lôi kéo trong đường lối sai quấy dễ dàng chính nường từ sự thiếu trí tuệ để nhận định đúng sai.

7. Vấn: *Hãy giải thích chi tiết về năm loại xuất gia?*

* **Đáp:** Cả năm loại xuất gia vừa đề cập đối với hàng tín đồ khó được cơ hội dự trong hàng xuất gia là Đức Phật nói đến loại xuất gia do trí tuệ và xuất gia do đức tin mà thôi. Còn xuất gia do sợ hãi, xuất gia do ái dục, xuất gia do si mê không có trong điều này.

Nếu như quốc gia nào hay địa phương nào có loại người tu xuất gia bằng trí tuệ hoặc xuất gia bằng đức tin nhiều thì trong quốc gia đó hoặc trong địa phương đó pháp học, pháp hành, pháp thành chắc chắn có hiệu năng và phát triển chói sáng. Nếu có người phê bình chỉ trích Tam Tạng và miệt thị giáo thọ sư số giải thì nhóm giáo thọ sư hậu số giải cùng các tín đồ càng miệt mài học tập về pháp học và rèn luyện pháp

hành đến hoàn chỉnh bằng thái độ khiêm cung chứ không có đấu tranh.

Nhưng người tu xuất gia bằng trí tuệ, xuất gia bằng đức tin rất hiếm hoi. Còn xuất gia do sợ hãi, xuất gia do ái dục, xuất gia do si mê thì lại đầy dẫy. Do đó, pháp học giáo pháp (pariyattisāsanā), pháp hành giáo pháp (paṭipattisāsanā), pháp thành giáo pháp (paṭivedhasāsanā) cũng dần dần suy thoái. Hiện nay các quốc gia là trọng tâm của Phật Giáo cũng dần dần suy giảm, chánh quyền địa phương cũng không lưu tâm. Lúc này chỉ còn lại hơi hướng Phật Giáo ở vùng Châu Á phía đông nhưng rất là ít ỏi. Tình trạng này làm cho chủ thuyết khác có cơ hội xâm nhập truyền bá thuận lợi.

Sư kiện như vậy bởi vì thiếu người truyền thừa tốt chính là người xuất gia bằng trí tuệ và đức tin. Vì sao? Vì người xuất gia do sợ hãi, xuất gia do ái dục, xuất gia do si mê cho dù rất đông có đến hàng ngàn vị nhưng suy ra cho cùng thì cũng không có giá trị bằng một vị xuất gia bằng trí tuệ và đức tin. Người xuất gia bằng trí tuệ hoặc xuất gia bằng đức tin có thể gìn giữ và truyền bá Phật Giáo được hoàn hảo và có cơ hội vun bồi pháp tu ba la mật được nhiều hơn nhóm cư sĩ. Cho nên bậc Chánh Đẳng Giác mới thuyết: “Dullabhā pabbajjā” Hàng tín đồ khó được cơ hội xuất gia trên thế gian.

8. Vấn: Điều thứ 5 - Được cơ hội thính pháp của các bậc chân nhân lại khó hơn trên thế gian là như thế nào?

* **Đáp:** Pháp của bậc chân nhân còn được gọi là chánh pháp là pháp mà người có cơ hội nghe hoặc đọc hay học rồi thì làm cho ngũ quyền như tín, tấn, niệm, định, tuệ chưa sanh sẽ sanh lên, đã sanh khởi thì có thể tăng trưởng và trong sát na đó các phiền não thuộc loại thô không khởi lên được, phiền não cũ đang có cũng giảm dần. Vì vậy pháp nào có thể làm lợi ích cho người nghe, người đọc, người học có được sự tấn hóa thì pháp đó được gọi là chánh pháp. Chánh pháp gồm có “Thắng Pháp và một số Kinh trong Tạng”. Chánh pháp này là pháp “khó được nghe, khó được đọc, khó được học” cho dù vẫn còn đang hiện hữu nhưng bởi khuynh hướng của tất cả chúng sanh trong thời điểm này làm cho họ không quan tâm, ưa thích nghe, đọc, học một chút nào. Đây cũng là sự vận hành theo mãnh lực của ba tâm sở tham phần tức tham, tà kiến, ngã mạn đang có trong thân của chúng ta. Là kẻ xấu mà chúng ta luôn ôm ấp mang theo bên mình.

Do nhân nào mà người đã từng có đức tin mạnh mẽ trong Phật Giáo về sau thì đức tin bị lung lay lại tin tưởng chủ thuyết khác. Và người xuất gia bằng trí tuệ, bằng đức tin nhưng sau đó hành vi hoặc tâm của người đó trở thành người xuất gia do sợ hãi, xuất gia do ái dục, xuất gia do si mê?

Điều này bởi do không được cơ hội được nghe, được đọc và được học chánh pháp hoặc có cơ hội nhưng lại không chú tâm để nghe, đọc, học. Đây là nhân tố làm cho thay đổi tánh tình.

Vốn kiến thức mà chúng ta đã tích lũy đây không phải chỉ một kiếp này mà chúng ta đã từng học tập

vun bồi bằng vô vãn kiếp sống. Nhưng chúng không giúp chúng ta thoát khỏi khổ đau, hoặc sẽ thoát khỏi những muộn phiền vây bủa. Đây cho thấy được rằng các kiến thức... mà ta từng nghe, từng đọc, từng học không làm cho chúng ta phát sanh được trí tuệ cao thượng chỉ làm cho phát sanh sự nhay bén trong việc mưu sinh, để giao lưu quan hệ với nhau bởi vì các kiến thức đó không phải thật sự là chánh pháp.

Còn đối với chánh pháp thì không chỉ có tín đồ Phật Giáo được nghe, được đọc, được học mà cho dù người theo chủ thuyết khác đi nữa nếu có cơ hội được chú tâm nghe, chú tâm đọc, chú tâm học cho hoàn hảo cũng có thể làm cho năm quyền sanh khởi và phát triển lên được như nhau. Từ đó người ấy rời bỏ chủ thuyết sai lầm để trở thành phật tử thật sự. Hoặc người tu xuất gia do sợ hãi, xuất gia do ái dục, xuất gia do si mê nếu có được cơ hội nghe, đọc, học chánh pháp cho được hoàn chỉnh rồi cũng có thể thay đổi bản chất làm cho mình trở thành người xuất gia bằng trí tuệ hoặc xuất gia bằng đức tin.

Chánh pháp tức Thắng Pháp và một số Kinh Tạng có ân đức giá trị cao thượng đã đề cập như trên nên Đức Phật mới thuyết: “Dullabham saddhammasānam” Được cơ hội thính pháp của các bậc chân nhân khó tìm được trên thế gian.

Kết thúc vấn đáp 5

Pháp Hiện Hữu Khó Được Trên Thế Gian

PHÁP AN BÌNH CỦA THẾ GIAN

1. Vấn: *Pháp an bình của thế gian có bao nhiêu?*

*** Đáp:** Pháp an bình của thế gian có 4:

1. Từ (mettā).
2. Bi (karuṇā).
3. Hỷ (mudītā).
4. Xả (upekkhā).

Cả bốn pháp này là pháp phạm trú (brahmavihāradhamma).

1. Từ nghĩa là thương mến người khác và thể hiện cử chỉ hiền hòa, đáng hân hoan.

2. Bi là thương xót người khác đang gặp đau khổ và sẽ gặp vất vả trong tương lai.

3. Hỷ là vui mừng hài lòng đối với người đang được an thân lạc tâm và sẽ nhận được an lạc thân tâm trong những ngày sắp tới.

4. Xả là bình thản đối với người khác mà không liên quan đến sự thương mến hay lòng xót xa.

2. Vấn: *Trong các chi phần của bốn pháp phạm trú chi nào là quan trọng nhất ?*

*** Đáp:** Từ là chi pháp quan trọng nhất vì người nào có tâm từ thì tâm bi, tâm hỷ cũng sẽ cùng sanh

khởi lên một cách dễ dàng đó là lẽ thường trong thế gian. Nếu không có lòng từ thì cơ hội bi, hỷ sanh lên thật sự là rất khó, cho dù sanh lên được cũng không vững vàng.

Người không có tâm từ với người khác có 2 trường hợp:

1. Tâm xả.
2. Không ưa thích.

Đối với người có tâm xả vẫn tốt hơn, bởi vì tâm bi và tâm hỷ vẫn có cơ hội sanh lên. Nhưng nếu có tâm không ưa thích thì tâm bi không có cơ hội sanh lên mà chỉ có sự thỏa mãn khi thấy người đó đang nhận lãnh khổ đau. Và cơ hội thích hợp cho hỷ sanh lên cũng không có nếu có sanh lên cũng chỉ là sự ganh tỵ, khinh rẻ, chỉ trích mà thôi. Khi suy xét sự diễn tiến đời sống trong thế gian này cho thấy trong bốn pháp phạm trú thì từ là chi pháp quan trọng nhất. Nhưng nếu không thể trái tâm từ cho nhau thì các hàng tín đồ hãy cố gắng cư xử với nhau bằng tâm xả.

3. Vấn: *Tại sao lại cho rằng pháp phạm trú là pháp an bình của thế gian?*

* **Đáp:** Trong nhóm, trong đoàn thể, trong làng hay trong quốc gia nào nếu mỗi cá nhân không đối đãi với nhau bằng pháp phạm trú thì sự tranh cãi, khinh khi, chỉ trích, xuyên tạc sẽ phát sanh và dần dần đến chửi bới, ấu đả, giết chóc lẫn nhau. Nhóm người này luôn bị sự nóng nảy ngự trị làm cho thân tâm luôn bất an, sự sinh hoạt mất thăng bằng và ăn ngủ không

yên. Đây là tác hại sanh lên chính do họ thiếu pháp phạm trú. Ngược lại, trú xứ nào tỉnh thành hay thị trấn nào có pháp phạm trú thì có sự đoàn kết hòa thuận sẽ làm nẩy nở tình thương yêu gắn bó giúp đỡ nhau. Đời sống của họ bình yên là môi trường cho sự tấn hóa thăng hoa. Đây là các thành quả phát sanh chính do các pháp phạm trú nhân và quả, lợi ích và tai hại như đã đề cập là nhân trình bày nêu lên cho thấy được rằng mối tương thân tương ái và sự đoàn kết với nhau trong mỗi quốc gia hay một cộng đồng nào đó là hiện thân của pháp phạm trú trong Phật Giáo. Như vậy pháp phạm trú này là pháp an bình thật sự của thế gian.

4. Vấn: *Pháp phạm trú có bao nhiêu hãy giải thích?*

* **Đáp:** Pháp phạm trú có 2:

1. Pháp phạm trú có thể làm cho tất cả nhân loại có sự an lành.
2. Pháp phạm trú có thể làm cho đắc thiên.

Giải thích: Pháp phạm trú làm cho nhân loại có sự an bình sanh lên phải nương vào đức tin tức lòng tin đối với người khác mà tham ái tức tình thương là nhân tố đầu tiên khởi sanh lên trước.

Gòn pháp phạm trú có thể làm cho đắc thiên phải nương vào tứ thanh tịnh giới và cận định (upacārasamādhī) là nhân đầu tiên sanh khởi.

Nếu không có đức tin và tham ái thì pháp phạm trú có khả năng làm cho tất cả nhân loại đạt đến

an bình cũng không phát sanh được. Người thiếu tứ thanh tịnh giới và cận định là nhân đầu tiên thì pháp phạm trú có khả năng làm cho đắc thiền cũng không thể sanh lên. Cho nên các vị nếu muốn được bình an hoặc đắc thiền xin hãy thực hành theo phương pháp đã giải thích thì sẽ thành tựu như ý. Đó là sự khác biệt của hai pháp phạm trú này vậy.

5. Vấn: Theo như ngài giáo thọ sư Jotikadhammācariya trình bày kệ ngôn pháp trong nơi đây có ý như thế nào?

*** Đáp:** Ngài chỉ nhắm đến việc giảng rộng về pháp phạm trú có thể làm cho tất cả nhân loại an bình tin tưởng và thương yêu lẫn nhau. Vậy nhân ban đầu của pháp phạm trú như thế nào?

Đối với đức tin thì sự tín nhiệm trong công việc liên quan đến thân hoặc tâm cũng có. Như tin tưởng rằng các công việc của người đó đang làm chắc chắn sẽ mang lại lợi ích. Nếu không có niềm tin với nhau thì tham ái tức sự kết thân cũng không khởi sanh được mà chỉ tạo cơ hội cho ái dục (rāga) liên quan đến ngũ dục hoặc của cải, vàng bạc sanh lên. Cho nên đức tin cũng là điều quan trọng đối với pháp phạm trú tâm từ vì làm cho phát sanh an bình.

Đối với tham ái cũng có 2 loại:

- Tham ái phát sanh do nương vào của cải, vàng, bạc, vật thực, vật dụng, nơi trú ngụ trực tiếp.
- Tham ái sanh khởi do nương vào người có hành vi làm cho khởi sanh sự thương mến, hài lòng.

Trong cả hai loại này thì tham ái phát sanh do nương vào của cải, vàng, bạc, vật thực, vật dụng trực tiếp sử dụng không thể làm cho pháp phạm trú từ khởi sanh sự an bình được mà chỉ phát sanh sân hận, tà kiến.

Tham ái sanh khởi trực tiếp nương vào người có hành vi làm cho khởi sanh sự thương mến, hài lòng thì có thể làm cho pháp phạm trú từ khởi sanh sự an bình được. Bởi vì cảnh của bốn phạm trú sanh lên được phải nương vào chúng sanh chế định (sattavapaḍḍatti) còn tài sản, của cải, vàng, bạc... sẽ không là cảnh cho pháp phạm trú sanh lên được. Người hiểu pháp thực tánh không sâu rộng thì sự hoài nghi có thể phát sanh lên rằng: “Làm thế nào mà tham ái (taṇhālobha) liên quan đến bản thân người này làm cho pháp phạm trú có thể sanh lên được?” Điều này bậc Chánh Đẳng Giác thuyết trong bộ Vị Trí (Mahāpaṭṭhāna) phần thường cận y duyên: “Akusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayena paccayo” Pháp bất thiện trợ cho pháp thiện bằng thường cận y duyên.

Giải thích: Pháp thiện là đức tin, giới, từ, bi, hỷ... sanh khởi do pháp bất thiện như tham... bằng mãnh lực của thường cận y duyên.

Tình trạng của hai loại tham ái như đã đề cập trên cũng chỉ là tâm từ giả chưa phải là tâm từ thật. Nhưng nếu như thật sự đó là tâm từ giả thì chính tham ái hiện thân của tâm từ giả này có thể làm cho tâm từ thật sanh lên về sau. Thích hợp theo lời các bậc hiền trí đề cập: “Yassa puggalassa katthaci piyāgāyacariya kammaṃ upanissaya saddhāmūlakena uppannataṇhā lobho mettā pātukusasassa karaṇaṃ hoti”.

Người nào tham ái sanh lên do nương vào hành vi đáng thương mến, hài lòng của người khác bằng đức tin đang có là nhân của sự ước muốn khởi sanh pháp phạm trú từ.

6. Vấn: *Làm thế nào để làm cho đức tin và tham ái làm cho tâm từ giả sanh lên được?*

* **Đáp:** Nguyên nhân làm cho đức tin sanh lên có 4:

1. Giúp đỡ lẫn nhau.
2. Hỗ trợ lẫn nhau.
3. Tán thán khen ngợi lẫn nhau.
4. Làm cho lợi ích lẫn nhau.

Giúp đỡ lẫn nhau nghĩa là trong lúc người đó đang tiếp xúc cảnh xấu không được an lạc thân mà đến giúp đỡ bằng cách sửa đổi hoàn cảnh để cho được an lạc thân tâm.

Hỗ trợ lẫn nhau nghĩa là lúc người đó đang tiếp nhận cảnh hoàn toàn tốt đẹp thì đến hỗ trợ để làm cho tâm thêm vững vàng.

Tán thán khen ngợi lẫn nhau nghĩa là biểu dương công trạng hay ân đức của người đó để ngăn chặn mọi hành động xâm phạm lợi lạc cũng như nhân cách của người đó.

Làm lợi ích lẫn nhau nghĩa là lợi ích nào có thể sẽ phát sanh cho người đó được thì cố gắng làm phát sanh đến người đó.

7. Vấn: Khi hội đủ bốn chi như đã đề cập trên thì chi nào chắc chắn sẽ làm cho phát sanh lên?

* **Đáp:** Khi đã hội đủ bốn chi thì chi nào cũng làm cho đức tin lẫn nhau sanh lên được.

8. Vấn: Tham ái thuộc tâm từ giả phát sanh phải có những nhân tố nào?

* **Đáp:** Phải hội đủ 2 nhân:

1. Liên đới lẫn nhau.

2. Nói lời dịu ngọt.

+ Liên đới lẫn nhau nghĩa là:

a. Liên đới bởi tánh tình và sở thích.

b. Liên đới bởi cho hay tặng nhau những phẩm vật kịp thời.

c. Liên đới bởi có cùng một kiến thức theo đường lối thế gian hay đường lối pháp.

+ Lời dịu ngọt nghĩa là nói bằng lời nói lịch thiệp pha lẫn sự kính trọng tương xứng với địa vị của người.

Khi hội đủ hai nhân này thì tham ái thuộc tâm từ giả làm nhân cho tâm từ sanh lên chắc chắn.

Đức tin mạnh mẽ và tham ái thuộc tâm từ giả có mặt trong nhóm hay đoàn thể nào thì pháp phạm trú từ chắc chắn sẽ sanh khởi và sự bình an cũng đồng hiện hữu. Sự gắn bó có được giữa cha mẹ với con cái, chồng với vợ, anh với em, thầy với trò, bạn với bạn, quyến thuộc với quyến thuộc... là từ sự quan tâm thương mến và lòng tin đối với nhau nên pháp phạm

trú tâm từ và sự an bình rất dễ dàng sanh lên và có nhiều hơn các nhóm khác.

9. Vấn: *Làm sao để vun bồi lòng tin và chan hòa tình thương yêu?*

* **Đáp:** Thường thì giữa cha mẹ với con cái, chồng với vợ, thầy với trò... có mối liên quan mật thiết nên dễ dàng nói lời dịu ngọt với nhau, có sự nâng đỡ, khen ngợi và sẵn lòng làm điều lợi ích cho nhau nên sự tin tưởng và thương mến mới phát sanh nhiều. Cho nên muốn quả an bình sanh khởi từ pháp phạm trú lan rộng trong đoàn thể, quốc gia hay nhân loại cần phải được có sự cố gắng liên đới lẫn nhau, nói lời lịch thiệp và thường giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau, tán thán khen ngợi nhau và làm lợi ích cho nhau. Nếu thực hành được như thế thì sự an bình là quả của pháp phạm trú chắc chắn sanh khởi.

10. Vấn: *Hãy dẫn chứng nguyên nhân cho thấy được như thế nào là pháp đối nghịch với pháp phạm trú?*

* **Đáp:** Pháp đối nghịch của pháp phạm trú như sau:

1. Sân hận mưu tính phá hoại lợi ích của nhau là pháp đối nghịch đối với pháp phạm trú tâm từ. Sát na nào mà tâm sân hận sanh lên sát na đó chắc chắn pháp phạm trú tâm từ không thể khởi hiện được.

2. Não hại (vihimsā) làm thiệt hại sanh mạng và chà đạp danh dự dòng họ nhau là pháp đối nghịch đối với pháp phạm trú tâm bi. Bởi vì trong sát na nào nếu não hại khởi hiện thì sát na đó pháp phạm trú tâm bi cũng không thể sanh lên được.

3. Ganh ghét đố kỵ và bảo thủ là pháp đối nghịch đối với pháp phạm trú tâm hỷ. Bởi vì trong sát na nào ganh ghét đố kỵ và bảo thủ khởi hiện sát na đó pháp phạm trú tâm hỷ không thể sanh lên được.

4. Dục ái (rāga) là pháp đối nghịch đối với pháp phạm trú tâm xả. Bởi vì trong sát na nào dục ái khởi hiện sát na đó pháp phạm trú tâm xả cũng không sanh lên được.

Người tánh ái hoặc tánh tín thường là người có thói quen thích đẹp đẽ, ưa thích lời nói dịu ngọt, thường vừa lòng đối với các cảnh nên tiếp xúc được dễ dàng. Cho nên người có tánh ái hoặc tánh tín khi liên hệ với người khác mà được thấy hay nghe vấn đề nào thì tâm từ và tâm hỷ dễ dàng sanh lên, nhưng về sau cũng cùng trường hợp như thế nhưng vấn đề đó thay đổi thì ganh ty, sân hận cũng sanh lên dễ dàng.

Người có tánh sân, tánh giác thường là người có thói quen hoài nghi và nhận thấy được đau khổ của người khác được dễ dàng. Nên người có tánh sân hoặc tánh giác khi liên hệ với người khác mà được thấy hay nghe vấn đề nào thì tâm bi rất dễ dàng sanh khởi, nhưng lúc về sau cũng cùng trường hợp như thế mà vấn đề đó thay đổi đi thì sự não hại (vihimsā) gây phiền nhiễu vẫn có thể sanh khởi lên được dễ dàng.

Người có tánh si hoặc tánh tầm thường thân nhiên đối với tất cả cảnh cho nên khi được thấy được nghe sự việc nào thì tâm xả rất dễ dàng sanh khởi. Nên người có tánh si hoặc tánh tầm khi liên hệ với người khác mà được thấy được nghe vấn đề nào thì dễ dàng

phát sanh tâm xả, nhưng lúc về sau cũng cùng trường hợp giống như vậy khi sự việc đó biến đổi thì tham ái cũng có thể phát khởi lên được dễ dàng.

11. Vấn: *Khi tất cả tín đồ đọc được tiêu đề câu pháp đề cập đến nhân làm phát sanh an bình và tin tưởng sự an bình đó, các vị làm thế nào để được phát sanh an bình thật sự?*

* **Đáp:** Nếu người nào thật sự muốn được an bình xin hãy tạo nhân phát sanh an bình cho mình và ngăn ngừa không cho pháp đối nghịch của sự an bình phát sanh. Chúng ta hãy tự ý thức và thiết lập cho mình một đơn thể bình an và cùng kết hợp thành một quần thể bình an, khi đó chúng ta sẽ có được một thế giới an bình. Thế giới ấy không có các điều tai hại rình rập mà chỉ có mọi mọi người và triệu triệu bàn tay yêu thương đang chực chờ giúp đỡ, che chở cho nhau. Sự bình an này khiến cho dòng tâm trong sáng mang đến cho đời sống của chúng ta mọi điều hạnh phúc và may mắn. Khi gần mãn tuổi thọ sống trong sự sáng suốt, thời khắc lâm chung cũng không có sự quên lẫn hay hoảng loạn. Sau khi mệnh chung nếu không sanh vào phạm thiên giới cũng được sanh lên cõi an vui như cõi chư thiên hay sanh làm người không có mầm mống tật bệnh và sống được trường thọ.

Kết Thúc Vấn Đáp Pháp An Bình Của Thế Gian

PHÁP PHỤ LỤC

1. Ván: Người sanh lên trong thế gian này thường có sắc tướng khác biệt nhau như một số người có dung sắc xinh đẹp, một số người thì không. Vậy do nhân nào?

* **Đáp:** Diễn tiến như vậy bởi vì tùy theo nhân duyên sắp xếp tác thành. Nhân duyên tốt tức căn thiện liên quan bố thí, trì giới, tu tiến sắp xếp cho người có sắc đẹp, về phần nhân không tốt thuộc căn bất thiện như tham, sân, si sắp xếp cho người không có sắc đẹp, xấu xí. Như vậy chúng không chọn lựa theo ý thích mà chúng ta được là tùy vào nghiệp quá khứ sắp xếp cho.

2. Ván: Hãy cho biết về hai mặt tích cực và tiêu cực của người có sắc đẹp và người không có sắc đẹp?

* **Đáp:** Người có dung mạo xinh đẹp thì chỉ được mọi người khen ngợi mà thôi, nhưng nếu có giới, có pháp kết hợp thì sẽ là nơi mên chuộng của nhóm người đó và còn làm tăng trưởng sự ngợi khen. Dù là người đẹp tuyệt trần nhưng mà không có giới pháp nơi tâm thì cũng không sánh bằng người không đẹp mà có giới pháp. Bởi người có giới pháp dễ gần gũi và luôn làm cho người tiếp cận được sự an tâm và thoải mái, ngược lại người không có giới pháp sẽ làm cho ta luôn phật phồng và căng thẳng. Tệ hơn nữa là người chẳng

những không có giới pháp mà còn có tâm ác xấu thì cái xấu càng tăng trưởng to lớn lên thêm. Giống như loài hoa có sắc lẫn mùi thơm thường được mọi người ưa chuộng, nếu hoa chỉ có sắc tươi đẹp nhưng không có hương thơm thì cũng không sánh bằng bông hoa có mùi thơm nhưng không có sắc. Bởi mùi khó ngửi sẽ làm mất đi giá trị của vẻ đẹp vốn có của loài hoa.

3. Vấn: *Việc sửa đổi sắc pháp với danh pháp mà ngài nêu lên thuyết như thế nào?*

*** Đáp:** Thường thì sắc pháp đã có hình tướng như thế nào rồi thì chỉ diễn tiến như thế đó không sửa đổi được, còn tâm cũng diễn tiến theo nguồn gốc ban đầu nhưng vẫn có cách sửa đổi cho tốt được bằng cách khéo chủ tâm. Giống như vật hoàn toàn không có mùi thơm nhưng người ta vẫn ướp cho thơm theo như ý muốn được. Nhưng thật ra tâm luôn thường xuyên thay đổi cho nên bậc hiền trí như Đức Phật... mới ban hành điều lệ căn bản để điều phục tâm. Ngài ấn định một tiêu chuẩn để thực hành theo, đó là việc chủ tâm theo điều chế định đó, còn gọi là giới. Giới có công năng làm cho tâm thực hành xuôi theo lẽ lối tốt. Bởi vì dù trước tiên có sự thực hành tốt nhưng không có gì làm nền tảng cho tâm được vững chắc thì có thể nghiêng về ác hạnh tức hành vi xấu vì bị si mê che ám. Siêng năng trau dồi thiện pháp trên nền tảng của giới pháp cho đến khi trở thành thói quen đạo đức rồi thì tiếp tục thực hành các ân đức khác cũng toàn hảo. Như người mới tập viết thời gian đầu phải nương

vào đường kẻ thẳng để nét bút không bị lệch lạc cong queo, khi đã thuần thục rồi thì tự viết không cần phải nương vào đường kẻ nữa. Chính việc chế định giới mới mang lại lợi ích thiết thực cho đời sống có sự tiến hóa theo trình tự.

4. Vấn: *Việc gây tổn thương đến sinh mạng thân thể hay phá hoại tài sản lẫn nhau cũng như gây sai trái trong việc tà dâm diễn tiến theo đường thân. Hoặc gây tổn hại bằng ngữ như nói dối... những hành động như đã đề cập trên nương từ đâu?*

*** Đáp:** Nương từ sự dễ dãi và sự dễ dãi đó nương từ nguồn gốc quan trọng nhất là uống rượu bởi uống rượu làm cho suy nghĩ mau chóng lệch lạc. Đức Phật nhìn thấy được tình trạng như vậy nên mới chế định giới có 5 điều:

1. Pāṇātipātā veramaṇī: Tránh xa sát sanh.
2. Adinnādāna veramaṇī: Tránh xa trộm cắp.
3. Kāmesumicchācāra veramaṇī: Tránh xa tà dâm.
4. Musāvādā veramaṇī: Tránh xa nói dối.
5. Surāmerayamajjapamādatṭhānā veramaṇī: Tránh xa việc uống rượu và các chất say.

5. Vấn: *Gọi là ngũ giới, ngũ pháp diễn tiến như thế nào?*

*** Đáp:** Mỗi một giới là một điều học. Có năm giới tức là có năm điều học, gọi là “ngũ giới”. Ngũ giới này được chế định lên theo tinh thần tự nguyện gìn giữ

bởi đã có suy xét và thực hành để làm cho lợi ích lẫn nhau. Như thế nên mới gọi là chế định chơn chánh là lời dạy có trong giáo pháp toàn hảo.

Ngũ giới có đức độ (kalyāṇadhamma) được gọi với nhau là ngũ pháp là pháp song hành. Như trong pāli: “Sīlakalyāṇadhammo” Người có giới có đức độ. Đức độ trong nơi đây là hành vi tốt đẹp làm điều kiện hỗ trợ cho ngũ giới được trong sáng hơn lên trong 5 điều học:

1. Từ, bi được trong điều học thứ 1: sát sanh.
2. Chánh mạng được trong điều học thứ 2: trộm cắp.
3. Thu thúc thân được trong điều học thứ 3: tà dâm.
4. Chân thật được trong điều học thứ 4: nói dối.
5. Niệm chu toàn được trong điều học thứ 5: uống rượu và các chất say.

Khi sắp xếp thành từng phần thì giới tức hành vi tránh xa điều ngăn cấm bằng pháp đức độ, là việc hành pháp chơn chánh song hành với nhau.

6. Vấn: *Ngũ giới nghĩa là gì, có bao nhiêu điều học và hãy lý giải điều ngăn cấm?*

*** Đáp:** Pañcasīla tức 5 giới hoặc 5 điều học như:

1. Sát sanh.
2. Làm tổn hại thân thể.
3. Hành hạ làm cho đau khổ.

Việc chế định điều học này lên là trọng yếu nhằm đến tâm từ.

Điều học thứ 2 lý giải 3 trường hợp ngăn cấm:

1. Trộm cắp (hành động trộm cắp).
2. Nuôi sống nương theo trộm cắp.
3. Thái độ làm bóng của trộm cắp.

Việc chế định điều học này lên trọng yếu nhằm đến hành vi chơn chánh đối với tài sản người khác.

Điều học thứ 3 lý giải điều ngăn cấm không cho làm sai quấy trong dục tình cả nam lẫn nữ.

Việc chế định điều học này lên trọng yếu nhằm đến hành vi không sai quấy về tình dục.

Điều học thứ 4 lý giải 3 trường hợp ngăn cấm:

1. Nói dối.
2. Nói theo lời nói dối.
3. Nhận lời rồi không làm theo.

Việc chế định điều học này trọng yếu nhằm đến sự chân thật.

Điều thứ 5 lý giải 2 trường hợp ngăn cấm:

1. Uống rượu và chất say.
2. Hút cần sa, thuốc phiện và chất say khác.

Việc chế định điều học này là trọng yếu nhằm đến không làm mất đi sự thu thúc và thiện pháp.

7. Vấn: *Virati dịch là gì? Cần thiết với người thực hành theo năm điều học như thế nào?*

*** Đáp:** Virati (ngăn ngừa) dịch là tránh xa ác bất thiện. Người thực hành theo năm điều học có sự ngăn

ngừa tức từ bỏ điều ngăn cấm. Có 3 trường hợp theo lãnh vực của người thực hành như:

1. Sampattiviratti: Tránh xa đối tượng ngay trước mặt không cho phạm vào.
2. Samādānaviratti: Tránh xa do mãnh lực thọ trì.
3. Samucchavedaviratti: Tránh xa bằng cách dứt tuyệt.

8. Vấn: Đúc độ (kalyāṇadhamma) nghĩa là gì, có bao nhiêu?

* **Đáp:** Đúc độ ám chỉ đến năm pháp gọi là ngũ pháp (pañcadhamma) cũng được như:

Điều học thứ 1: Lý giải bằng tâm từ với tâm bi.

Điều học thứ 2: Lý giải bằng chánh mạng.

Điều học thứ 3: Lý giải bằng cách thu thúc trong 2 dục:

a. Sadārasandosa: Vui thích với vợ của mình đối với người nam.

b. Paṭivattara: Thương yêu chồng của mình đối với người nữ.

Điều học thứ 4 lý giải bằng sự chơn thật theo 4 tình trạng:

1. Công bằng trong công việc theo phận sự.

2. Trung thực đối với bạn bè.

3. Trung thành đối với chủ của mình.

4. Tri ân đối với người có ân với mình.

Điều học thứ 5 lý giải bằng sự ghi nhớ cẩn trọng theo 4 tình trạng:

1. Biết ước lượng vật thực nên thọ dụng.
2. Không chểnh mảng trong công việc.
3. Có tỉnh giác đối với các hành động tốt.
4. Không để duôi trong pháp.

9. Vấn: Paṇātipāta veramaṇī trong điều học này dịch là gì?

* **Đáp:** Tránh xa việc làm cho mạng sống chúng sanh rơi xuống tức tránh xa sát sanh.

10. Vấn: “Chúng sanh” trong nơi đây muốn lấy loại chúng sanh nào?

* **Đáp:** “Chúng sanh” trong nơi đây nói đến cả người và bàng sanh vẫn còn mạng sống. Người ám chỉ cả nam lẫn nữ và cả người đang trong thai bào. Bàng sanh cũng vậy bất kỳ là loại bàng sanh nào, nếu vẫn còn có sanh mạng trong nơi đây đều được gọi là chúng sanh cả.

11. Vấn: Nguyên nhân mà ngài chế định điều học thứ 1?

* **Đáp:** Ngài chế định điều học thứ 1 để vun trồng tâm từ đối với mọi loài chúng sanh bởi vì tâm từ là pháp thiện mà nhân loại hay bàng sanh đều có. Như việc nuôi dưỡng thương yêu con cái của loài người và bàng sanh có sự khác nhau. Tâm từ của loài bàng sanh tự diễn tiến theo tự nhiên là điều kiện nuôi dưỡng bảo

tồn con của mình theo chủng loại. Còn tâm từ của loài người không hạn cuộc mà còn trải rộng ra cho đến nhân loại và cho đến các loài bàng sanh bằng sự tu tập. Khi trải rộng tâm từ ra bao nhiêu thì sự an lạc nhận lại cũng được nhiều lên bấy nhiêu.

12. Vấn: *Khi rải tâm từ rộng lớn như điều học ngăn cấm thứ 1 này có bao nhiêu loại?*

* **Đáp:** Như điều học ngăn cấm thứ 1 này tẩy trừ ra được 3 loại:

1. Sát sanh.
2. Làm tổn hại thân thể.
3. Hành hạ làm cho đau khổ.

13. Vấn: *Câu hỏi thứ 1 sát sanh là như thế nào?*

* **Đáp:** Sát sanh tức giết chết đối tượng có 2:

1. Giết người.
2. Giết bàng sanh.

14. Vấn: *Giết người có tội như thế nào?*

* **Đáp:** Giết người có tội nặng tùy theo đối tượng và có tội nhẹ cũng do theo sự chủ tâm. Về luật Phật tỳ kheo giết người bị phạm bất cộng trụ thì dứt lìa giới phẩm tỳ kheo. Về luật pháp nhà nước người phạm trọng tội này phạt tội tử hình hoặc cầm tù chung thân.

15. Vấn: *Giết người theo chủ tâm có bao nhiêu loại?*

* **Đáp:** Có 2 loại:

1. Cố ý.
2. Không cố ý.

16. Vấn: Thế nào là giết bằng cách cố ý và không cố ý?

* **Đáp:** Giết bằng cách cố ý tức có sự suy tính từ trước, bởi rơi tình huống bắt buộc:

1. Trường hợp tham lam như trộm cướp rồi giết chủ tài sản.
2. Trường hợp sân hận như giết người có thù oán với mình.
3. Bởi có nguyên nhân khác nên cố gắng dùng một loại dụng cụ hoặc mưu mẹo nào đó làm cho họ chết.

Giết bằng cách không cố ý tức không suy tính trước, nhưng:

1. Vô tình.
2. Do nổi giận như cãi vã với nhau.
3. Tự bảo vệ mình nên chống cự lại họ.
4. Do không cố ý như chỉ đánh nhẹ điểm nhược nên người bị đánh chết.

Giết không cố ý thì tội được giảm nhẹ cả về luật Phật lẫn luật pháp nhà nước.

Việc giết thành tự được do sự cố gắng có 2:

1. Tự mình giết.
2. Sai biểu người khác giết.

Giết bằng cách chủ mưu cho người khác làm thì người làm và người sai biểu đều có tội giết người cả về luật Phật lẫn luật pháp nhà nước.

17. Vấn: *Nói theo nghiệp có tội nặng nhẹ theo mức độ có bao nhiêu loại?*

* **Đáp:** Có tội nặng nhẹ theo mức độ có 3 loại:

A. Theo đối tượng được xếp thành 3 loại:

1. Giết người cho rằng đây là việc đáng phải làm vì người ấy có tội... thì có tội nhiều.
2. Giết người đang có trách nhiệm nuôi dưỡng người khác như cha mẹ nuôi dưỡng con cái... thì có tội nhiều. Bởi vì ngoài ra sự hủy diệt sanh mạng rồi còn cắt đứt lợi ích an lạc của người khác nữa.
3. Giết người có công đức thì có tội nhiều. Bởi vì không chỉ là hủy diệt sanh mạng một cách vô ích mà còn phá hủy công đức của người khác tạo trử.

B. Theo chủ tâm được xếp thành 3 loại:

1. Giết mà không có nhân cơ. Như giết người không có tội để bảo vệ mình thì có tội nhiều.
2. Giết do mãnh lực phiền não. Như vì tham tiền của nên nhận lời giết mướn thì có tội nhiều.
3. Giết do sân hận tàn bạo. Như trừ dập họ cho đến khi tàn tệt thì có tội nhiều.

C. Gắng sức tức giết cho chết một cách đau khổ.
Như đánh đập tàn nhẫn trước khi chết thì có tội

nhiều. Bởi vì người bị giết hứng nhận cảm thọ đau đớn khốc liệt.

18. Vấn: *Giết bàng sanh thì có tội như thế nào?*

* **Đáp:** Giết bàng sanh có tội nhẹ hơn giết người. Vị tỳ kheo phạm tội làm chết loài bàng sanh chỉ bị phạt tội ưng đối trị (pācittiya). Còn về luật pháp nhà nước cũng có quy định tội này nhưng là ngăn cấm giết các loài thú trong danh sách được bảo tồn mà thôi.

19. Vấn: *Nói theo nghiệp thì như thế nào?*

* **Đáp:** Nói theo nghiệp thì có tội nặng nhẹ theo mức độ có 3 loại:

A. Theo đối tượng được xếp thành 3 loại:

1. Giết thú được chủ quý trọng thì có tội nhiều. Bởi không những giết chết thú vật mà còn làm thiệt hại tài sản của người khác nữa.

2. Giết thú có công lao như thú vật làm phương tiện chuyên chở thì có tội nhiều. Bởi vì cắt đứt đi sự an lạc và phương tiện sống của người khác.

3. Giết thú to lớn được sử dụng mang lại nhiều lợi ích thì có tội nhiều. Bởi vì cắt đứt đi lợi ích của họ.

4. Giết thú của chính mình cũng có tội. Bởi vì làm cho chính mình giảm sút về tài sản và lòng từ cũng bị mai một dần đi.

5. Giết thú không có chủ cũng có tội dù là thú vật lớn hay nhỏ.

B. Theo chủ tâm (cetanā) được xếp thành 3 loại:

1. Giết không có nhân cơ như không để bảo vệ mình... có tội nhiều.

2. Giết do mãnh lực của phiền não như có chủ tâm tham chỉ thấy về phần mình thì có tội nhiều.

3. Giết do sân hận hoặc do bị chi phối bởi sân thì có tội nhiều.

C. Gắng sức giết cho chết một cách đau khổ như đánh thuốc vào trong nước để cho cá chết thì có tội nhiều.

Giết là hành động không có tâm từ nên có tội dù trong bất cứ trường hợp nào. Cho nên kết luận theo nghiệp thì có tội theo từng mức độ như đã trình bày.

20. Vấn: *Làm tổn hại thân thể có tội như thế nào?*

*** Đáp:** Mặc dù không tổn hại đến sanh mạng nhưng cũng vẫn dẫn đến đau khổ cho người thì có tội cả về luật Phật lẫn về luật pháp nhà nước. Về luật Phật thì khi phạm tội tức khắc nhận lãnh hậu quả tương xứng còn việc giết người theo luật pháp nhà nước thì phạt tội theo mức độ công cụ dùng để hành hung.

Phần này có 3 trường hợp:

1. Làm cho tật nguyên tức hủy hoại đi một phần thân thể như làm cho đui mắt, cụt tay, què chân...

2. Tàn phá dung nhan tức làm cho mất đi sắc đẹp nhưng không tật nguyên.

3. Làm cho mang bệnh khổ sở tức là làm cho họ sống trong sự dày vò của bệnh tật.

Nói theo nghiệp thì có tội nặng theo từng mức độ bởi đối tượng, chủ tâm và gắng sức như đã đề cập trong việc giết người.

21. Vấn: *Làm như thế nào mới gọi là hành hạ?*

*** Đáp:** Hành hạ nghĩa là hành vi tàn bạo đối với loài thú. Sự không xót thương được xếp vào trong 5 trường hợp:

1. Sử dụng, như sử dụng thú làm phương tiện chuyên chở để kéo xe, kéo cày... Người sử dụng súc vật phải chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ, nếu bỏ đói, bỏ khát, không cho nghỉ ngơi phù hợp mà còn bắt làm việc quá sức lực hay đánh đập. Như vậy gọi là hành vi tàn bạo đối với loài vật thì được xếp vào trường hợp là hành hạ trong việc sử dụng.

2. Giam cầm, như nuôi thú bằng cách nhốt trong chuồng, trong lồng để tiêu khiển nhưng người nuôi có sự chăm sóc chu đáo. Nếu nhốt hay buộc làm cho không xoay trở hay thay đổi tư thế được, thì được xếp vào trường hợp là hành hạ trong việc giam cầm.

3. Dẫn đi như cột thú rồi dẫn đi làm cho thú vật được thoải mái. Nhưng nếu buộc kéo, lộn đầu xuống xách ngược chân lên hoặc bắt cá sống rọng vào đồ chứa chen chúc lên nhau. Như vậy được xếp vào trường hợp là hành hạ trong việc dẫn đi.

4. Chơi đùa tức bắt lấy thú vật để đùa vui. Như trẻ con cột pháo vào đuôi chó rồi chích lửa hay bứt cánh nhỏ lông chim, châu chấu, dế. Như vậy được xếp vào trường hợp là hành hạ trong việc chơi đùa.

5. Bắt thú vật đấu đá hay cắn nhau để làm trò tiêu khiển. Như đấu bò, đấu trâu, đấu dê, đấu cừu, đua ngựa, chọi gà, đá cá, đá dế... Như vậy được xếp vào trường hợp là hành hạ trong việc bắt thú vật đối đầu nhau.

22. Vấn: *Các việc này nói theo nghiệp thì như thế nào?*

* **Đáp:** Tất cả hành vi này được xếp vào não hại (vihimsā). Tức hành động nhiều hay ít lần, về đối tượng, chủ tâm và gắng sức theo như cách thức đã đề cập mà có tội nặng nhẹ.

Chúng ta thương yêu thân mạng và trân trọng sự an lạc của chúng ta như thế nào thì người khác hay loài thú cũng thương yêu thân mạng và sự an lạc của họ cũng như thế ấy. Vì vậy, khi đã hiểu biết rồi thì hãy thu thúc đừng để phạm vào điều học thứ nhất này. Đừng có hành vi như hạ côn đồ, đừng giết và đừng làm tổn hại người khác và đừng có thái độ bạo tàn đối với loài vật. Chúng ta hãy đối đãi nhau bằng cả tấm lòng, trải rộng tâm từ mong cầu cho mọi người mọi loài luôn sống trong an lạc, không sợ hãi, không có kẻ thù.

Kết Thúc Vấn Đáp Về Điều Học Thứ 1

23. Vấn: Adinnādānā veramaṇī sikkhāpada thứ 2 dịch như thế nào?

* **Đáp:** Điều học này dịch là tránh xa việc lấy đồ vật mà chủ nhân không đồng ý cho.

24. Vấn: Hành vi nắm lấy nghĩa là gì?

* **Đáp:** Đồ vật mà họ không đồng ý cho có 2 loại:

1. Đồ vật có chủ cả tài sản hữu thức lẫn tài sản vô thức.

2. Đồ vật không phải của riêng ai nhưng có người đại diện gìn giữ. Như đồ vật cất giữ hay bày trí nơi thờ cúng và đồ vật của một nhóm người không thể phân chia nhau, tức của Chư Tăng của đại chúng trong nơi hội trường.

25. Vấn: Chỉ định lên điều học này có được lợi ích gì?

* **Đáp:** Điều học này được chế định lên để sự nuôi mạng được trong đường lối chân chánh, ngăn ngừa làm tổn hại lẫn nhau. Nếu vi phạm được gọi là hành vi sai quấy là khỏi pháp được liệt vào là tội lỗi.

26. Vấn: Có bao nhiêu điều để phân biệt hành vi đúng pháp về sự sở hữu tài sản của người khác trong điều học này?

* **Đáp:** Về điều học này có 3 điều ngăn cấm:

1. Trộm cắp.

2. Nuôi mạng thuận theo việc trộm cắp.

3. Hành vi núp bóng trộm cắp.

27. Vấn: *Trộm cắp là gì có bao nhiêu loại?*

* **Đáp:** Trộm cắp là hành vi lấy đồ vật mà không được sự đồng ý của người chủ đồ vật.

Tánh chất trộm cắp có 14 loại:

1. Ăn cắp là hành vi lén lấy đồ vật trong lúc vắng vẻ mà không cho họ biết. Như thấy đồ vật của họ rơi xuống, thừa lúc không ai thấy cầm lấy đồ vật đó gọi là trộm.

Lén vào bên trong nhà ẩn núp chờ cơ hội thuận tiện chộp lấy đồ vật của họ gọi là ăn trộm.

Cạy cửa, khoét tường, phá cổng vào rồi cầm lấy đồ vật của họ gọi là “khoét vách, đào ngạch”.

2. Cướp giật là hành vi cầm lấy đồ vật trong lúc chủ nhân lơ đãng. Như lợi dụng khi họ sơ ý giật lấy đồ vật chạy trốn gọi là “cướp giật”. Hoặc làm cho chủ nhân đau đớn rồi cầm lấy gọi là “hành hung cướp của”.

3. Dọa dẫm là dùng vũ lực làm cho chủ nhân sợ hãi để đồng ý đưa đồ vật hoặc dùng quyền lực bức bách như hăm dọa đánh, giết...

4. Cướp đoạt tụ tập băng đảng đi đoạt lấy đồ vật của người khác bằng vũ lực. Như băng cướp có trang bị vũ khí cùng nhau đi cướp làng phá xóm thu lấy tài sản, đôi khi cũng hành hung hay giết chết chủ nhân của tài sản...

5. Vu khống dựng chuyện không thật bắt người khác phải thừa nhận. Như thừa kiện để chiếm đoạt

đất đai của người khác, bôi nhọ tư cách danh dự của người khác để tranh giành quyền lợi...

6. Lừa đảo là lấy đồ vật của người khác đang gìn giữ bằng sự tráo trở. Như nhận giữ đồ cho người nhưng khi chủ nhân đến xin lại chối là không có nhận hay nói rằng đã trả lại rồi...

7. Dối gạt là dùng lời nói dối để gạt lấy đồ vật của người khác. Như tìm đến họ rồi nói rằng cho người họ mượn kia xin mượn vật này vật kia rồi lấy đi mất...

8. Đánh lừa là lấy đồ vật của người khác bằng cách làm cho người đó hiểu sai là đúng. Như người bán đồ cân đong thiếu bằng cách làm sai đi những tiêu chuẩn của đơn vị đong đo.

9. Giả mạo là làm đồ vật không thật giống với đồ vật thật. Như làm tiền giả...

10. Ăn giựt là hành vi mượn của người rồi lấy mất. Như mượn đồ của người dùng rồi không trả lại, mượn tiền rồi không trả...

11. Biển thủ là hành vi lấy tiền hay vàng bạc để làm của riêng cho mình. Như có người sai đi thu tiền lời thu được nhiều nhưng đưa lại thì ít...

12. Tráo đổi là hành vi lấy đồ vật của mình đem thay thế để lấy đồ vật của người khác...

13. Vụng trộm là lén lút làm những việc trái với quy định rõ ràng. Như hàng hóa nhập vào theo quy định phải nộp thuế nhưng khi vận chuyển hàng thì trốn không đóng thuế. Vận chuyển những mặt hàng mà nhà nước ngăn cấm như cây thuốc phiện, cất rượu

lậu... hoặc lén lút làm những việc sai phạm luật pháp của quốc gia.

14. Luồn lách là tìm cách chặn lại, giấu lại. Như lấy ra bớt một phần tài sản của mình vì một nguyên do nào đó bị nhà nước tịch biên sung vào công quỹ hoặc rơi vào hoàn cảnh bị phá sản nên phải trốn nợ bỏ đi...

28. Vấn: *14 loại trộm cắp như đã đề cập trên tự mình làm, sai biểu người làm hoặc chỉ cùng phe với họ mà không tự mình làm. Như thế có được gọi là trộm cắp hay chăng?*

* **Đáp:** Tất cả các hành vi trong 14 loại đó đều được gọi là trộm cắp có tội cả về luật Phật lẫn về luật của nhà nước. Về luật Phật thì mức độ phạm tội tùy theo đối tượng (ân đức, giới pháp) mà mình phạm đến, về luật nhà nước thì được quy định tùy theo hành vi phạm tội.

29. Vấn: *Khi nói về nghiệp thì có tội nhiều như thế nào?*

* **Đáp:** Có tội nặng theo 3 loại:

1. Theo đối tượng, nếu mức độ ưa thích chủ nhân về đồ vật trộm đó nhiều thì sự tiếc nuối của họ càng cao thì có tội nhiều.

2. Theo chủ tâm, nếu lấy bằng chủ tâm tham mãnh liệt thì có tội nhiều.

3. Theo gắng sức, nếu lấy bằng cách giết hay làm hại chủ nhân của tài sản hay làm thiệt hại nhà cửa và đồ đạc của họ thì có tội nhiều.

30. Vấn: *Người nuôi mạng theo đường lối chân chánh có được tài sản thì tài sản đó mang lại an lạc cho chủ nhân như thế nào?*

*** Đáp:** Ở giai đoạn đầu thì tài sản đó làm cho chủ nhân được thoải mái, tiếp sau đó sự an lạc khởi sanh. Bởi vì không phải mắc nợ không lo sợ người hay luật pháp bắt tội giam cầm.

Còn người nuôi mạng bằng việc trộm cắp thì cũng kiếm được tài sản, nhưng ngay sau đó thì sự lo lắng nóng nảy phát sanh. Bởi vì phải trốn tránh sợ bị bắt, phải cảnh giác, che đậy không cho ai thấy ai biết hành tung của mình. Mọi việc sai trái cũng chỉ là muốn được vật chất mà phải trở thành tội phạm, mặc cảm tội lỗi sẽ đeo bám suốt cho đến khi lãnh chịu hậu quả của việc trộm cắp đó. Vì vậy các bậc thiện nhân muốn được tấn hóa và an lạc nên tránh xa việc nuôi mạng bằng sự trộm cắp.

31. Vấn: *Nuôi mạng thuận theo việc trộm cắp là như thế nào?*

*** Đáp:** Là hành động tìm kiếm tài sản trong đường lối không trong sạch.

Tính chất trộm cắp có 3 loại:

1. Tương đương trộm cắp là hành vi ủng hộ cho việc trộm cắp. Như chấp nhận mua đồ đạc mà người khác trộm cắp đem đến coi như là mình trợ giúp cho bọn trộm cắp có tâm táo bạo lộng hành theo đường lối sai trái. Cùng dung túng bọn chúng sống nhởn nhơ trên sự đau khổ của kẻ bị mất cắp.

Khi nói theo nghiệp thì việc hành hạ được xếp vào nào hại có tội nặng theo mức độ ban đầu. Theo đối tượng, chủ tâm và gắng sức thì tăng hay giảm theo cách đã đề cập trong sát sanh.

2. Lừa đảo là hành vi lân la với người khác dùng mọi thủ đoạn rắp tâm đoạt lấy tài sản của họ. Làm cho họ tán gia bại sản đẩy họ vào cảnh khốn khổ rồi thì từ bỏ họ.

3. Nhận hối lộ là hành vi nhận tài sản hay tặng phẩm của người để giúp họ thực hiện những việc làm theo đường lối sai quấy. Tiếp tay cho kẻ có tâm ác xấu sống ngoài vòng pháp luật. Như quan tòa nhận hối lộ làm cho người thua kiện được thắng kiện và ngược lại làm cho người thắng kiện trở lại thua kiện...

32. Vấn: *Việc nuôi mạng thuận theo trộm cắp như vừa trình bày thuộc loại hành vi nào?*

* **Đáp:** Thuộc hành vi đáng chê trách cả về đường đời lẫn đường đạo. Được xếp vào là ác nghiệp có tội nặng ngay ở giai đoạn đầu và cũng còn tùy theo vật chủ tâm và gắng sức đã có so sánh theo lý đã đề cập trong trộm cắp.

33. Vấn: *Cái bóng của trộm cắp là hành vi như thế nào?*

* **Đáp:** Là hành vi làm cho tài sản của người khác mất mát hay rơi vào tay mình.

Hành vi này có 2 loại:

1. Phá hoại tài sản tức hành vi làm thiệt hại tài sản vật chất của người khác. Như suy tính hại người rồi tìm cách giết người để vu oan cho người đó hoặc lén đốt phá lúa trong ruộng người mà mình không ưa thích... mà không có chủ tâm trộm cắp chỉ làm thiệt hại tài sản của họ mà thôi.

2. Giựt lấy tức hành vi tùy tiện lấy tài sản của người khác. Như con cháu lấy tài sản của cha mẹ, ông bà nội, ông bà ngoại... đem đi tiêu dùng phung phí mà không nói cho chủ nhân biết. Hay dùng tài sản để giao tiếp trong việc làm ăn nhưng chủ tài sản không hài lòng. Chẳng những mất đi sự tính nhiệm mà còn phát sinh sự nghi ngờ là trộm cắp.

Do đó người mà có sự nuôi nấng và tâm cầu sự an lạc tiến hóa cho mình thì không nên tự nguyện làm cái bóng của trộm cắp.

Kết Thúc Vấn Đáp Về Điều Học Thứ 2

34. Vấn: *Kāmesumiccachārā veramaṇī sikkhāpada dịch như thế nào?*

* **Đáp:** Điều học này dịch là tránh xa tà hạnh trong các dục.

35. Vấn: *Từ “Kāma” ở đây có nghĩa như thế nào và chế định điều học này để được lợi ích ra sao?*

* **Đáp:** Từ “Kāma” (dục) ở đây tức hành vi ái luyến trong quan hệ nam nữ. Việc chế định điều học này để ngăn ngừa sự bất hòa trong xã hội loài người để cho họ cùng có sự hòa hợp trong chung sống. Bởi vì quan hệ tình dục ngoài chồng ngoài vợ sẽ làm cho phát sanh bất hòa giữa vợ chồng và cuối cùng thì làm cho đôi vợ chồng đó mâu thuẫn nhau. Từ đó một trong hai người họ lại có thêm một kẻ thù địch đó là người thứ ba. Nếu họ vẫn còn chịu đựng sống bên nhau thì tình cảm gia đình của họ trở nên tê nhạt, không khí luôn ngột ngột vì họ không còn niềm tin lẫn nhau.

Việc sai quấy trong dục này được xếp vào hành vi tội lỗi đối với cả nam lẫn nữ. Tức là dù nam hay nữ thì cũng chỉ có được mỗi một đối tượng riêng cho mình mà thôi.

36. Vấn: *Có bao nhiêu nhóm nữ nhân mà nam nhân khi quan hệ cần biết nếu vi phạm thì sẽ rơi vào sự sai quấy?*

* **Đáp:** Có 3 nhóm nữ nhân là đối tượng bị ngăn cấm đối với nam nhân:

1. Vợ người.
2. Nữ nhân đang được người bảo hộ.
3. Nữ nhân được ngăn cấm bởi đạo lý.

37. Vấn: *Vợ người tức nhóm nữ nhân như thế nào?*

* **Đáp:** Vợ người gồm có 4 nhóm nữ nhân:

1. Nữ nhân đã cưới gả cho nam nhân.

2. Nữ nhân chưa cưới gả nhưng chung sống công khai với nam nhân.

3. Nữ nhân nhận lấy của cải như tiền bạc... của nam nhân rồi ưng thuận chung sống với họ.

4. Nữ nhân mà được nam nhân cấp dưỡng trở thành vợ.

38. Vấn: *Nam nhân vi phạm như thế nào đối với nhóm nữ nhân thì trở thành tà dâm?*

* **Đáp:** Bốn nhóm nữ nhân này kể từ lúc làm vợ người rồi nếu nam nhân khác ngoại tình với họ thì trở thành tà dâm. Dù tán tỉnh hay biểu lộ cử chỉ luyến ái như liếc mắt đưa tình... cũng bị không được phép.

39. Vấn: *Nữ nhân đang được người bảo hộ hay nữ nhân được ngăn cấm bởi đạo lý là loại nữ nhân nào?*

* **Đáp:** Nữ nhân được người bảo hộ tức nữ nhân mà cha, mẹ, quyến thuộc, anh chị hoặc người cùng chung sống đang bảo hộ. Thường người bảo hộ nhóm nữ nhân này có vai vế hay lớn tuổi hơn nữ nhân đó. Nam nhân lén lút đến quyến rũ dẫn đi thì phạm tội tà dâm.

Nữ nhân được ngăn cấm bởi đạo lý gồm có 3 nhóm:

1. Nữ nhân được bảo hộ của dòng họ như mẹ, bà nội, bà ngoại, bà cố hay người có liên quan với mình như con, cháu, chắt.

2. Nữ nhân sống trong sự kiểm soát của tôn giáo như tỳ kheo ni trong thời kỳ trước hoặc tu nữ trong thời kỳ này.

3. Là người phụ nữ có danh tiết, pháp luật nhà nước quy định phạm tội đối với nam nhân nào vi phạm tiết hạnh của người ấy.

Nữ nhân được ngăn cấm bởi đạo lý này dù có đồng lòng hay không đồng lòng với nam nhân trong việc giao hợp, nếu vi phạm thì phạm tội tà dâm.

Trong trường hợp không có sự đồng tình của nữ nhân thì chỉ nam nhân phạm tà dâm.

40. Vấn: *Có bao nhiêu loại nam nhân bị ngăn cấm?*

* **Đáp:** Nam nhân bị ngăn cấm tức nam nhân là đối tượng ngăn cấm của nữ nhân thì cũng như nhau. Nhưng nếu đề cập cụ thể thì được 2 nhóm:

1. Nam nhân khác không phải chồng của mình là đối tượng ngăn cấm của nữ nhân có chồng.

2. Nam nhân được ngăn cấm bởi đạo lý là đối tượng phải ngăn cấm của tất cả nữ nhân.

Nữ nhân đã có chồng gặp nam nhân khác ngoại tình thì phạm tà dâm, ngoại trừ nữ nhân chồng chết hoặc đã ly dị. Nhóm nữ nhân này khi gặp nam nhân không thuộc nhóm bị ngăn cấm lấy làm chồng thì không phạm vào tà dâm.

41. Vấn: *Nam nhân được ngăn cấm bởi đạo lý gồm có những thành phần nào?*

* **Đáp:** Nam nhân được ngăn cấm bởi đạo lý tức tỳ kheo, sadi là người sống dưới điều luật chế định trong Phật Giáo. Pháp luật nhà nước không cho phép nữ

nhân có quan hệ tình dục với tu sĩ vì họ là người thọ trì sự ngăn ngừa tà dâm. Trong tôn giáo khác cũng vậy nữ nhân thông dâm với nam nhân bị ngăn cấm cũng phạm tà dâm. Trừ khi mình không ưng thuận nhưng nam nhân tự ý hành động mà mình thì không thể tự vệ hoặc tránh né được chỉ có nam nhân phạm tà dâm.

42. Vấn: Ngài thuyết giảng về tội của tà dâm như thế nào?

* **Đáp:** Tà dâm là một hành vi xấu có tội cả về đời lẫn trong đạo. Luật pháp của mỗi quốc gia hay quy định của từng địa phương đều có các hình phạt nặng đối với người vi phạm. Còn đối với tôn giáo thì người làm có tội, nói theo nghiệp có 3 loại tội nặng hàng đầu:

1. Theo đối tượng: Nếu hành động ác xấu ấy phạm đến đối tượng có ân đức thì có tội nặng.

2. Theo chủ tâm (cetanā): Nếu tiến hành mãnh liệt theo sức mạnh ái dục thì có tội nặng, như nữ nhân tự nguyện giao hợp với nam nhân cho dù hành vi ấy được thực hiện trong sự rụt rè che đậy.

Nếu sự giao hợp đó chỉ là miễn cưỡng chiều theo ý muốn của nam nhân thôi thì cũng có tội nặng giống như vậy.

3. Theo gắng sức: Nếu tự ý tiến hành thì có tội nặng về việc hành động.

Một lý khác nữa là khi đã tự ý tiến hành thì nếu đến giao hợp thì có tội nặng nhưng dù không đến giao hợp thì cũng có tội.

Kết Thúc Vấn Đáp Về Điều Học Thứ 3

43. Vấn: *Musāvādā veramaṇī sikkhāpada thứ 4 được dịch như thế nào?*

* **Đáp:** Điều học này dịch là tránh xa sự nói dối. Nói dối là *musā* hành vi nói dối hoặc biểu lộ tình trạng nói dối gọi là *masāvādā*.

44. Vấn: *Nguyên nhân và lợi ích khi chế định điều học này?*

* **Đáp:** Điều này được chế định lên để ngăn ngừa việc mất đi sự lợi ích trong lời nói. Trong sự giao tiếp thì sự chân thật luôn được mọi người ưa thích vì sự chân thật làm cho người ta dễ dàng xích lại gần nhau. Từ đó mọi sự lợi ích tăng trưởng cho cả ta và người xung quanh một cách thuận lợi. Còn nói lời không chân thật thường làm cho người nghe mất đi sự tin tưởng đối với mình, đôi khi còn làm mất lợi ích của người khác.

Người nào có cảm giác là mình cố gắng nói sai sự thật với người khác là họ đang làm mất đi lợi ích của người và của chính họ nữa. Chính vì thế mà ngài xếp vào tội lỗi.

45. Vấn: *Có bao nhiêu điều ngăn cấm về pháp chân thật này?*

* **Đáp:** Nói đến pháp chân thật trong điều học này có 3 điều ngăn cấm:

1. Nói dối.
2. Tùy thuận theo sự nói dối.
3. Thất hứa.

46. Vấn: Có bao nhiêu điều để xác định tánh chất của nói dối (musā)?

* **Đáp:** Để xác định biết được tánh chất trong điều nói dối này có 4:

1. Điều nói đó không thật.
2. Người nói có chủ tâm.
3. Nói sai lệch sự thật.
4. Người nghe hiểu sai.

Việc thể hiện sự nói dối này không chỉ riêng về đường ngữ mà ngay cả đường thân cũng có thể thực hiện được. Như viết thư để dối gạt hay lắc đầu cho hiểu “Phản bác trong việc không nên phản bác”.

47. Vấn: Hãy đưa ra vài điển hình cho biết sự nói dối (musā) có bao nhiêu loại?

* **Đáp:** Nói dối điển hình có 7 loại như sau:

1. Lừa dối tức lời nói không dựa vào chứng cứ như thấy nói rằng không thấy, biết nói rằng không biết. Dùng lời lẽ của chính mình nói theo ý muốn của người những điều trái ngược lại với sự thật.

Ngài thuyết vừa đủ 4 loại điển hình như:

- a. Nói để chia rẽ gọi là nói đâm thọc.
- b. Nói gian lận gọi là nói lừa đảo.
- c. Nói rồi không nhận gọi là tráo trở.
- d. Nói để tăng bốc gọi là nói nịnh bợ.

2. Thề thốt tức hành vi né tránh sự thật đồng thời khai mở sự nói dối. Dòng tâm không chân thật đó có sự dối trá thấp tùng theo tuần tự.

3. Bịp bợm tức hành vi khoác lác vẽ vời như thật để kiếm lợi lộc cho mình. Như khoe rằng mình có khả năng gồng chém không đứt, bắn không lủng và có thể dạy cho người khác.

4. Xảo trá tức hành vi biểu lộ tánh chất làm cho mọi người thấy sai sự thật, như người phá giới mà làm cho mọi người nghĩ rằng mình là người có giới.

5. Mưu mẹo tức nói dối xảo biện, như thấy có người đang bị truy đuổi vì không muốn người ấy bị bắt nên nhanh nhẹn chuyển tư thế của mình để khi được hỏi mình không bị tình nghi là nói dối rồi nói với người truy bắt rằng: Kể từ lúc tôi đứng tại nơi này thì không có người nào đến đây cả. Đây dù là lời nói thật nhưng lời nói của y làm cho người nghe hiểu rằng thật sự không có ai đến đường này.

6. Cường độ thêm nội dung tức nói dối dựa vào bằng chứng ban đầu nhưng làm cho nội dung công việc tăng lên nhiều hơn sự thật. Như quảng cáo công dụng thuốc của mình bào chế có khả năng điều trị bệnh trội hơn hiệu nghiệm thật của thuốc điều trị được.

7. Bưng bít nội dung tức nói dối như dùng bằng chứng lúc đầu để giấu nhem việc sau đó. Như xin phép đến nhà bạn nhưng sau đó cả hai cùng đi chơi lâu lổng... Khi trở về người nhà bạn hỏi thì cũng thưa thật là đến nhà bạn nhưng nói chỉ bấy nhiêu để cho

người nhà yên chí là y không đi chơi lông nhông vô bổ ngoài phố.

48. Vấn: Ngài thuyết giảng như thế nào về tội lỗi của nói dối?

* **Đáp:** Nói dối như thế loại đã trình bày trên là nói bằng miệng hoặc hành vi biểu hiện cử chỉ bằng thân để người khác tin hay không tin tùy theo mức độ không ước định được, đây gọi là nói dối. Trong điều học này có tội về luật Phật lẫn luật thế gian. Về luật Phật được kể từ tội nặng nhất là bất cộng trụ (pārājika), tội nhẹ thường thì là ung đối trị (pācittiya). Về luật thế gian thì tội lỗi được định theo mức độ làm mất đi lợi ích của người khác.

Nói theo nghiệp có tội nặng theo 3 bậc:

1. *Theo đối tượng:* Nếu sự việc đó là vấn đề làm mất lợi ích của người, như người thê thốt, nói dối, vu khống để chiếm đoạt tài sản... thì có tội nặng. Hoặc nói dối với bậc có ân đức như cha mẹ, thầy tổ, chủ hay bậc có giới có pháp... thì có tội nặng.

2. *Theo chủ tâm:* Nếu người nói có suy tính ác xấu với người như nói vu khống thì có tội nhiều.

3. *Theo gắng sức:* Nếu người nói nỗ lực làm cho họ tin tưởng theo như ý mình thì có tội nhiều.

Thái độ khi nói dối luôn mang dáng vẻ bất thường làm cho người nhạy bén nghi ngờ và khi bị gạn hỏi khó thoát khỏi sự lúng túng vì phải tìm cách nói né tránh nên thiếu tập trung. Người nói dối đó lộ diện ngay bản chất không trong sạch của mình không đáng

được tin cậy trong giao tiếp. Đến nơi nào cũng bị mọi người khinh khi không thích tiếp cận. Giống như người dơ bẩn, bởi sự dơ bẩn luôn có mùi hôi dính theo mình. Cho nên muốn làm người tốt là người trong sạch nên tránh xa sự nói dối để cho mình trở thành người quả quyết và có lời nói đáng được tin tưởng.

49. Vấn: *Làm sao để xác định được tính chất của điều thứ hai là “Tùy thuận theo sự nói dối”?*

* **Đáp:** Xác định để biết được tánh chất có 2:

1. Điều nói đó không thật.

2. Người nói không chủ tâm nói cho người nghe hiểu sai.

Phần này có 2 loại:

a. Nói chêm chọc tức nói làm cho người khác tức tối như nêu lên vấn đề không thật để nói nâng cao sự cao quý của dòng dõi của họ gọi là nói nhạo báng. Nói làm cho người khác gan dạ hơn bản chất của họ gọi là mắng nhiếc.

b. Nói tráo trở tức nói với thái độ tự nhiên nhưng người nói cố ý làm cho người khác hiểu sai.

50. Vấn: *Còn một lời nói nữa là lời nói thật nhưng lại làm hại đến người khác đó là lời nói như thế nào?*

* **Đáp:** Tức nói đâm thọc và nói chêm chọc. Như vấn đề thật sự nghe được từ một phía rồi đem đến nói lại ở một phía khác với dụng ý làm cho họ chia rẽ

nhau gọi là nói đâm thọc. Nói làm cho họ đau lòng là khơi gợi lên vấn đề thật của họ với dụng ý để cho họ phải đau lòng gọi là nói châm chọc.

Lời nói như vậy có chứng cứ từ sự nói dối nên xếp vào trong tùy thuận theo sự nói dối.

51. Vấn: *Ngài giải thích như thế nào về tội lỗi của việc tùy thuận theo nói dối?*

* **Đáp:** Tùy thuận theo sự nói dối này có tội lỗi nên tránh xa cả đường đời lẫn đường đạo. Đường đời thì xếp vào hành vi thô bỉ thể hiện tánh chất hạ liệt của người nói. Đường đạo thì xếp vào ác nghiệp thuộc về ngũ ác hạnh có tội nặng theo 3 bậc:

1. Theo đối tượng: Nếu nội dung vấn đề mà gây tổn hại người như nói đâm thọc hoặc nói châm chọc thì có tội nặng hoặc nói với bậc có ân đức thì có tội nặng.

2. Theo chủ tâm: Nếu người nói cố ý ác xấu muốn nói cho người đau lòng rồi nói châm chọc thì có tội nặng.

3. Theo gắng sức: Nếu người nói nỗ lực làm cho tổn hại người được thành tựu như ý. Như xúi giục làm cho chia rẽ nhau mà người đã chia rẽ nhau thì có tội nặng, xúi giục nhưng người không chia rẽ thì không có tội.

52. Vấn: *Người không nói lời tùy thuận theo sự nói dối thì được xếp vào loại người nào?*

* **Đáp:** Người không nói tùy thuận theo sự nói dối là người lịch thiệp ưa chuộng sự trang nhã. Loại người

này luôn dùng lời lẽ nhẹ nhàng đối với tất cả mọi người quanh họ. Khi chỉ bảo con cháu cũng có thái độ ôn tồn, phân tích sâu sắc cho nhận thức được đúng sai hay tốt xấu. Đối với trẻ con ngổ ngáo, cương ngạnh dù ta có chửi mắng hoặc nguyên rửa thì chúng cũng không sửa đổi, còn trẻ con nhu thuận chỉ cần nghe nhắc nhở thôi cũng ý thức mà không tiếp tục những hành vi sai quấy nữa. Cho nên không cần phải dùng lời mắng chửi mà chỉ dùng lời ngăn cấm biểu hiện cho thấy tác hại sai quấy mà thôi. Đây cũng là thái độ ương mồm thanh lịch cho lớp trẻ trở về sau để trở thành người ưa chuộng sự lịch thiệp tiếp tục.

53. Vấn: Điều thứ 3 “Nuốt lời (tráo trở)” để xác định được tánh chất như thế nào?

* **Đáp:** Trong điều này nên xác định tánh chất như sau: Ban đầu với tác ý trong sạch chấp nhận và làm theo sự chấp nhận nhưng về sau thì không thực hiện như vậy.

Điều này có 3 loại:

1. Sái hợp đồng: Là cả hai bên cùng giao ước với nhau rằng sẽ làm như thế này nhưng về sau có một bên không làm theo lời giao ước đó. Như làm hợp đồng thuê nhà hay mượn đất...

2. Không chân thật tức nói lên lời chân thật với người rằng mình sẽ làm hay không làm như thế đó, nhưng về sau không thực hành đúng theo như vậy. Như người công chức tuyên thệ sẽ chấp hành công vụ

nghiêm túc cho đến khi hoàn thành, nhưng về sau vi phạm hoặc có hành động sai trái. Người ấy lại tuyên hứa rằng không tái phạm hoặc có hành động sai trái nữa, nhưng họ cũng lại tiếp tục sai phạm.

3. Nuốt lời tức khẳng định dứt khoát chấp nhận làm việc đó nhưng về sau thì không làm như vậy. Như nhận lời cho đồ vật đến người đó nhưng rồi lại không cho.

54. Vấn: *Ngài giảng như thế nào về tội lỗi của việc nuốt lời?*

*** Đáp:** Nuốt lời có tội theo lối đời thường lẫn đường đạo. Nguyên nhân làm mất đi danh tiếng của người tùy thuộc theo mức độ không tuân thủ sự chân thật. Vì vậy người tôn trọng chân thật nên cân nhắc trước khi giao hẹn để tránh sai lầm dẫn đến sự thất tín.

Trường hợp kịp thời nhận ra nếu thực hành đúng lời hứa hẹn này sẽ liên đới đến tội lỗi, thì cách duy nhất là phải chấp nhận nuốt lời để không sa vào cạm bẫy tội lỗi phía trước.

Một lý khác nữa khi có lời hứa hẹn không tội lỗi nhưng đến hẹn vì hoàn cảnh như bệnh, tai nạn... không thể làm hay đến được thì hãy nhanh chóng thông báo cho họ biết. Tình huống bất đắc dĩ này được gọi là “hủy bỏ lời nói” chứ không tính vào là nuốt lời.

55. Vấn: *Hãy cho biết có lời nói dối nào được gọi là không có tội hay không?*

* **Đáp:** Có lời nói dối nhưng người nói không có tội, chỉ gọi là người thực hành “đúng như giao ước”. Như người thực hành đúng theo nhiệm vụ được giao phó, nhưng bên trong vấn đề đó lại mang tính chất không thật. Người thực hiện chỉ nói theo chỉ thị với tác ý trong sạch nên nói đúng theo giao ước, thì không gọi là nói dối.

Điều này có 4 loại:

1. Sự bày tỏ (vohāra) tức lời nói được sử dụng với nhau và đã trở thành một thông lệ. Như viết thư, gửi thiệp để tỏ rõ sự lễ độ, lời chia buồn thương tiếc hay chung vui, đó là lời nói chỉ làm cho người khác thuận tai vừa lòng mà thôi. Hoặc biểu lộ sự đặc chí để người khác đau lòng.

2. Truyền thuyết là câu chuyện có nội dung mang tính chất truyền đặt tư tưởng hay giáo dục từ lâu đời. Như đề cập đến sự cảm tính của các loài thú với nhau hay với người.

Câu chuyện không có thật nhưng soạn giả và người thuật lại không có nói dối. Hay những câu chuyện mà các nhà thơ ngẫu hứng sáng tác làm cảm động lòng người chứ không có chủ tâm làm cho hiểu là thật.

3. Tưởng lầm tức là người nói tưởng lầm và nói theo tưởng đó. Như ngày thứ năm nhưng họ hỏi tưởng là ngày thứ sáu và nói lại cho người khác là ngày thứ sáu. Dù là lời nói sai nhưng họ không có chủ tâm nói dối.

4. Sơ suất tức người nói chủ tâm nói một cách nhưng miệng lại nói theo cách khác. Ví dụ như có vấn

đề cần giải quyết vào ngày thứ ba nhưng khi nói họ lại nói vào ngày thứ năm.

Cả 4 điều này không có tội vì người nói đó không có chủ tâm.

Kết Thúc Vấn Đáp Về Điều Học Thứ 4

56. Vấn: *Surāmerayamajjapamādatṭhānā veramaṇi sikkhāpada thứ 5 được dịch như thế nào?*

* **Đáp:** Điều học này dịch là tránh xa sự uống rượu và chất say, bởi rượu và chất say là nền tảng của sự dễ dãi. Tánh chất nước say phát xuất từ vật ngâm ủ với đường... Chất say (meraya) đó còn được làm cho đậm đà hơn bằng cách cất chung lên như rượu (surā)...

Rượu và chất say khi uống vào thường làm cho người say sưa loạng choạng, trí nhớ mờ dần. Người tốt cũng có thể dám làm những điều sằng bậy, người có hành vi thường không tốt thì lại càng có những hành động ác xấu thô thiển hơn. Cho nên nước say tức rượu và chất say mới được gọi là nền tảng của sự dễ dãi.

57. Vấn: *Chế định điều học này nhằm mục đích như thế nào?*

* **Đáp:** Để ngăn ngừa không cho vi phạm 4 điều cấm chế đầu. Bởi vì người đã uống chất say vào rồi thường là thiếu lý trí, mạnh dạn làm những điều không từng làm và nói những điều không từng nói.

58. Vấn: Ngài giảng về tội lỗi của việc uống chất say như thế nào?

* **Đáp:** Ngài giảng về tội lỗi của việc uống chất say có 6:

1. Là nhân làm cho hao tổn tài sản.

Giải thích: Tài sản là phương tiện nuôi mạng và giúp cho mình được an lạc. Nên việc sử dụng cần phải ước lượng không tiêu pha hoang phí và phải biết dự phòng cho cuộc sống trong những ngày sắp đến.

Vật dụng cần phải tiêu xài có 2 loại:

a. Đồ vật cần thiết không thể miễn trừ ra được như thức ăn, vải vóc, chỗ ở, thuốc trị bệnh...

b. Đồ vật không cần thiết có thể miễn trừ ra được như trâu cày, thuốc lá, rượu...

Người uống rượu thường xuyên, chắc chắn sẽ nghiện ngập. Khi đã nghiện rồi sẽ khó từ bỏ được, mà mức độ nghiện ngập này sẽ là cấp số nhân theo thời gian sử dụng. Chính vì thế mà họ cần phải dùng tài sản có được mua rượu đáp ứng cho những cơn ghiền. Đây là nguyên nhân làm tổn hao tài sản.

Lại nữa, người uống rượu say sưa thái độ không nghiêm chỉnh làm ảnh hưởng đến tư cách, trí nhớ thì bất thường công việc làm không nghiêm túc và sai lệch làm ảnh hưởng đến thành quả của công việc. Đây cũng là một nguyên nhân làm đánh mất đi tài sản.

2. Là nguyên nhân gây nên tranh cãi

Giải thích: Tất cả mọi người ai cũng yêu chuộng sự thanh bình không thích gây tranh cãi, nhưng nếu đắm

men rượu vào rồi tâm tính bị hâm nóng lên và mất đi lý trí. Nên lúc đó ai nói gì không vừa lòng dù chỉ chút ít cũng lập tức phản ứng mạnh mẽ. Đây cũng là nhân làm cho sự tranh cãi và ấu đả dễ dàng nảy sinh.

3. Là nguyên nhân phát sanh bệnh tật

Giải thích: Sự thật thì sau những cơn say người uống rượu thường có những triệu chứng như chân tay uể oải xoay trở khó khăn, đầu óc choáng váng, biếng ăn, bụng thường bị đầy hơi, giấc ngủ chập chờn và mệt mỏi toàn thân. Chính vì thế thân hình họ càng ngày càng tiêu tụy sau đó thì phát sanh bệnh hoạn nên sự sinh hoạt của họ thường luôn bị ngưng trệ. Vậy mà cũng có một số người lại cho rằng rượu là một phương thuốc chữa lành một vài căn bệnh nhưng sự thật thì chính rượu là tác nhân gây nên bệnh.

Triệu chứng chân tay uể oải xoay trở khó khăn cũng do rượu mà ra. Khi chúng ta uống rượu đến trở thành thói quen thì men rượu làm cho các thớ thịt dần dần co cứng lại không thể đàn hồi được. Chính vì vậy mà có một số người sau thời gian dài uống rượu có người gầy đét như cây khô. Cũng có một số người mập mạp nhưng các bắp thịt của họ không săn chắc. Họ luôn mệt mỏi, hơi thở dồn dập bởi do thịt trở thành miếng mỡ lá dầy chen đè lên trái tim làm cho máu không bơm đi khắp toàn thân được. Nếu tình trạng này kéo dài thì chắc chắn cái chết bất ngờ sẽ ập đến không thể lường biết trước được.

Rụng rời gân cốt, bụng căng cứng, những triệu chứng này được các nhà chứng nghiệm nhận định là

từ rượu phát sinh. Bởi tim bơm máu lưu thông theo các mạch máu đi khắp toàn thân nuôi dưỡng thân thể. Khi uống rượu vào thì rượu đó làm cho dây thần kinh căng thẳng và loạng choạng làm máu không lưu thông được từ đó thì máu sẽ không lưu thông đều đặn nữa. Đây là nguyên nhân tạo nên cảm giác gân cốt mỗi rã rời hay căng cứng bụng.

Ăn không được cũng là tác hại từ rượu gây ra. Lớp màng tráng đều bên trong bao tử có nhiệm vụ tiết ra dịch vị làm tiêu hóa thức ăn từ bên ngoài đưa vào để tạo thành một chất dinh dưỡng làm cho thấm theo đường máu để nuôi dưỡng thân thể. Chính vì có khả năng quan trọng này nên lớp màng rất nhạy cảm và rất dễ tổn thương. Khi chất rượu ngấm vào thì lớp màng này co rút lại không thể làm tiêu hóa thức ăn. Vật thực ăn vào sẽ bị tồn đọng tạo thành khí hư làm bao tử đầy hơi. Hơi này làm cho khô cổ, rạn nứt vùng lưỡi đây mới là nguyên nhân làm cho ăn không ngon, nuốt không xuống tạo nên những cơn buồn nôn rất khó chịu. Yếu đuối mệt mỏi toàn thân là hậu quả của những cơn vật vã của chất say và hệ tiêu hóa bị hư không đủ khả năng tạo ra dưỡng chất nuôi thân thể. Chất dinh dưỡng làm thân thể tráng kiện có khả năng ngăn ngừa và phòng chống bệnh tật cho chúng ta có được một cuộc sống lành mạnh. Trái lại, rượu gây ra một thân tâm bạc nhược và cũng chính rượu khi thấm vào máu có khả năng dẫn đến mất sức đề kháng sẵn sàng tiếp nhận những nguy cơ lan nhiễm nghiêm trọng. Cho nên, người uống rượu thường hay yếu đuối, mệt mỏi không được khỏe mạnh.

Giấc ngủ diễn ra cho người nghiện rượu rất nặng nhọc. Rượu làm cho tim họ đập không đủ nhịp nên họ luôn mơ màng chìm trong những cơn ác mộng hãi hùng không đầu không đuôi. Khi thức thì hơi thở mệt nhọc do máu không lưu thông đều hòa lên não bộ. Rượu làm cho dây thần kinh loạng choạng nên không nhận thức được bình thường, giấc ngủ chập chờn không được thoải mái, thức dậy sẽ cảm giác mệt mỏi ngầy ngật gây chóng váng.

Cũng có một số người cho rằng uống rượu giải quyết được rét lạnh. Điều này được lý giải là khi uống rượu vào chất men rượu sẽ làm cho dây thần kinh căng lên và bơm máu lan tỏa đi nhanh hơn nên làm cho người uống rượu có cảm giác là giảm bớt lạnh, nhưng thật ra khi rượu hết tác dụng mới nhận ra chất lửa (tejodhātu) tức hơi ấm trong thân vẫn hạ đều đều. Vấn đề làm giảm đi rét lạnh là phải làm cho lửa tăng lên, cho nên sự dùng rượu để giải quyết những cơn rét lạnh bên trong thân thể là không đúng.

Cũng có các loại thuốc được ngâm với rượu thường được dùng làm thuốc chữa bệnh. Nhưng nếu dùng lạm dụng tức dùng dung lượng rượu quá nhiều thì ngược lại sẽ làm cho sức khỏe của người bệnh trầm trọng thêm và còn phát sanh nhiều biến chứng khác khó điều trị hơn.

4. Là nguyên nhân làm cho mất danh tiếng

Giải thích: Danh tiếng tốt được xếp vào là niềm vinh hạnh của con người, bởi vì người được danh tiếng

tốt phải có quá trình trau dồi thực hành thiện pháp một thời gian lâu dài. Mà người uống rượu vào thì làm cho trí nhớ mê mờ không nhận thức được nhanh nhẹn và sáng suốt. Chẳng những làm sụp đổ đi hình tượng tốt đẹp mà người đã cố công vun tạo bấy lâu mà còn nhận lấy những lời chỉ trích chê bai và biếm nhẽ.

5. Là nguyên nhân cư xử mất lịch sự đáng hổ thẹn.

Giải thích: Tâm của con người lúc sinh diễn ra trong trạng thái bình thường luôn có trí nhớ tốt nên mới nhận thức được thế này là đúng thế kia là sai, thế này nên thực hành thế kia không nên thực hành từ đó mới tiến hành theo con đường đúng được. Nhưng khi đã uống rượu vào thì không làm chủ được lý trí nên có những cư xử khiếm nhã thiếu tinh tế, dám làm những việc mà người bình thường không dám làm đó là lẽ đương nhiên.

6. Làm giảm thiểu nhạy bén sức mạnh của trí tuệ

Giải thích: Cũng cùng một sự việc nhưng sự suy nghĩ của một số người thì mau lẹ một số người thì chậm chạp. Điều này phát xuất từ bản chất cá nhân giúp cho họ luôn phân tích và nhận xét tỉ mỉ hay ngược lại. Người có sự nhạy bén luôn nỗ lực suy xét vấn đề nên họ thường thành công tốt đẹp. Còn người không cân nhắc, thiếu ý chí phấn đấu thường trì trệ trong mọi công việc.

Mỗi khi gặp vấn đề thì vùng não sẽ bị kích thích mạnh hay nhẹ tùy theo sự nỗ lực tư duy. Nên khi người uống rượu vào có cảm giác choáng váng đó là

do thần kinh não bị tê liệt nên mất đi sự nhanh nhẹn khiến họ thường có những suy nghĩ bất thường. Vì vậy mới gọi uống rượu là nhân làm cho tiêu hao sức mạnh của trí tuệ.

59. Vấn: *Điều không được ngăn cấm nhưng được chấp thuận với nhau được ngài nêu lên giảng như thế nào?*

* **Đáp:** Chết say là nhân tố làm cho thân thể không được an lạc và đánh mất đi nhiều điều tốt đẹp vốn có. Vì thế cần sa, á phiện cùng với các chất gây say khác nữa được cho phép gom vào điều cấm trong điều học thứ năm này.

Bậc Tối Thượng Đạo Sư nêu lên 4 trường hợp như:

1. Điều mà không được ngài cấm chế rằng không nên làm mà hòa hợp vào với điều không nên làm, đối nghịch lại điều nên làm thì điều đó không nên làm.

2. Điều nào không được ngài ngăn cấm rằng không nên làm nhưng khế hợp với điều nên làm, đối nghịch lại điều không nên làm thì nên làm.

3. Điều nào không được ngài cho phép rằng nên làm nhưng hòa hợp với điều không nên làm, đối nghịch với điều nên làm thì điều đó không nên làm.

4. Điều nào không được ngài cho phép rằng nên làm nhưng khế hợp nhau với điều nên làm, đối nghịch lại với điều không nên làm thì điều đó nên làm.

Do đó, á phiện, cần sa không nêu lên chỉ đích danh cấm chế trong điều học thứ năm này nhưng á

phiện, cần sa có tính chất làm cho say sưa nên được chấp nhận vào trong điều chế định xếp vào không nên làm.

60. Vấn: *Ngài giảng như thế nào về tác hại của việc hút á phiện?*

* **Đáp:** Hút á phiện có tác hại nhiều nhưng nói tóm tắt thì có 4:

1. Là nhân làm tổn hại sức khỏe thân thể.
2. Là nhân làm tổn hại tài sản.
3. Là nhân làm tổn hại điều tốt.
4. Là nhân làm mất danh tiếng.

Cả bốn trường hợp tác hại này tăng giảm tùy theo cấp độ của người hút.

Giải thích:

+ *Nhân làm tổn hại sức khỏe thân thể*

Khi hút á phiện lần đầu tiên có cảm giác dường như được lợi ích bởi vì làm cho dây thần kinh căng thẳng giảm bớt được khổ thọ, làm cho tâm nóng nảy khổ sở hoặc nao động được yên tịnh, suy nghĩ gì cũng hăng hái, ngủ cũng ngon giấc. Các trạng thái sinh khởi lần đầu tiên đó phản tác dụng với nước say. Bởi chất say uống thấm vào thì vô tình làm cho trí nhớ mất đi mất nhận thức, làm cho hư dạ dày, biếng ăn, làm cho máu giảm sức mạnh, làm cho trí óc và dây thần kinh mê muội.

+ *Nhân tổn hại tài sản*

Á phiện là thuốc khi đã nghiện thì phải mua thường xuyên nên phải tiêu phí tài sản nhiều. Là nhân làm tiêu hoại tài sản bởi việc tiêu dùng không đem đến lợi ích.

+ Nhân làm tổn hại điều tốt đẹp

Á phiện là thuốc làm cho chất xám mất dần tác dụng. Tâm của người hút thật sự yếu đuối không thể tự chế bản thân, cho dù không từng trộm cắp nhưng khi không có tài sản để mua á phiện thì cũng phải trộm cắp.

+ Nhân làm cho mất danh tiếng

Hút á phiện là con đường làm cho tiêu hao tài sản suốt, nên cho dù đủ tài sản để chi tiêu đi nữa cũng vẫn không khỏi bị người khác khinh rẻ. Bởi vì mình đang cất bước trở thành người xấu xa khi mình không có được tài sản để chi dụng trong việc mua á phiện.

61. Vấn: *Ngài nói như thế nào về tác hại của việc hút cần sa?*

*** Đáp:** Cần sa là thuốc hút làm cho nghiện làm cho chất xám trí óc và dây thần kinh hư hoại. Hoa mắt thấy cái gì cũng sai sự thật, như thấy sợi dây là con rắn. Tai lệch lạc nghe cái gì cũng sai lệch sự thật, như nghe tiếng trống thành tiếng sừng. Suy nghĩ làm gì cũng dừng không được, suy nghĩ lẫn lộn, thường hay sợ hãi, dáng đi lơ đãng có trạng thái bất thường giống như người điên. Do đó, mới là vật không nên hút.

Muốn được là người tốt và tiến hóa nên tránh xa khỏi vật làm cho say sưa và tất cả vật không được phép bởi vì các vật đó không đem lại lợi ích gì cho mình.

Ngũ giới đã trình bày trên là luật trong Phật Giáo phổ biến khắp cho cả hàng xuất gia và tại gia. Người bảo tồn Phật Giáo thật sự thì luôn gìn giữ giới chỉ buông thả trong lãnh vực được cho phép để luôn nhận được sự an lạc và sự tôn trọng.

Kết Thúc Vấn Đáp Về Điều Học Thứ 5

62. Vấn: Ngăn ngừa (*virati*) là gì, có bao nhiêu?

* **Đáp:** Ngăn ngừa có nghĩa là từ bỏ. Người từ bỏ điều cấm trong ngũ giới được gọi là người có giới. Là người thường có thân, thường có ngữ trong sạch xa lìa tội lỗi.

Hành vi từ bỏ có 3 loại:

1. Ngăn ngừa do nguyện (*sampattavirati*).
2. Ngăn ngừa do gìn giữ (*samādānavirati*).
3. Ngăn ngừa do sát tuyệt (*samucchavedavirati*).

Sampattavirati nghĩa là từ bỏ đối tượng mà họ đã tự nguyện giữ gìn, tức nhất quyết không vi phạm điều đã tuyên bố. Như người tránh xa các điều cấm từ đối tượng sẽ vi phạm cho đến sáng. Vào thời điểm có thể sát sanh, có thể trộm cắp, có thể tà dâm vợ con họ, có

thể nói dối, có thể lấy tài sản đi mua rượu, á phiện. Nhưng không làm như vậy bởi vì thấy rằng nếu làm như vậy thì thật không xứng đáng với dòng dõi, gia tộc, danh tiếng, địa vị, tài sản hay tùy tùng của mình. Hoặc có tâm hổ thẹn, ghê sợ tội lỗi, nghĩ đến mình, nghĩ đến người khác hay có sự nhận thức về các lợi ích sai khác nữa...

Thường thì chỉ có một số người tránh xa được tất cả, một nhóm khác thì tránh xa được một số điều, một nhóm khác thì tránh xa được nhiều điều hơn một chút. Họ không làm loại nghiệp nặng mà chỉ làm nghiệp nhẹ, một số nhóm không có nguyên nhân thì không làm mà chỉ làm khi có tác nhân. Nhưng dù làm thế nào đi nữa cũng được tính vào từ bỏ vẫn còn tốt hơn người không từ bỏ điều chi. Bởi vì chỉ cần từ bỏ điều nào thì không có tội lỗi trong điều đó. Ngăn ngừa (virati) này tiến hành trong mỗi sát na và tăng hay giảm tùy theo chủ tâm (cetanā) của mỗi người.

Nhưng đối với người đã chủ tâm thực hiện điều sai quấy nhưng chưa kịp hành động bởi vì chưa có cơ hội làm thì không được xếp vào là ngăn ngừa.

Samādānavirati nghĩa là từ bỏ do gìn giữ hoặc gọi theo phiên âm thì samādāna tức từ bỏ của nhóm giữ giới như tỳ kheo, sadi, cận sự nam, cận sự nữ... Nhóm người này không chỉ ngăn ngừa đối tượng thôi mà vì nguyên nhân rằng hành vi ấy không xứng đáng để làm. Loại từ bỏ do gìn giữ không vi phạm vào điều cấm đó trở thành giới.

Samucchedavirati nghĩa là từ bỏ dứt tuyệt, tức từ bỏ của bậc Thánh. Các ngài hằng không vi phạm các điều cấm đó ngay từ khi các ngài tác thành bậc Thánh.

Kết Thúc Vấn Đáp **Về Nhóm 3 Của Sự Ngăn Ngừa**

63. Vấn: *Năm pháp đức độ (pañcakalyāṇadhamma) dịch là gì?*

* **Đáp:** Năm pháp tốt đẹp nói theo ý nghĩa tức là điều thực hành đặc biệt tốt đẹp hơn giới, là pháp song hành với giới. Như trong pāli trình bày về ân đức của người thiện đức là người có giới và có đức độ (kalyāṇadhamma).

64. Vấn: *Người an trú năm giới như đã đề cập được gọi chung là người có đức độ được hay chăng?*

* **Đáp:** Không được! Như một người có giới đang đi nhìn thấy người đang bị trúng gió nằm yên không người giúp đỡ, mà mình thì có thể giúp được nhưng thản nhiên làm lơ. Như vậy giới của họ cũng không dứt nhưng là người không có lòng bi mẫn, là người đáng bị chê trách bởi thái độ thản nhiên của người đó được xếp vào là người không có đức độ (kalyāṇadhamma). Ngược lại, nếu như thấy người trúng gió mà có lòng bi mẫn (karuṇā) giúp cho họ thoát khỏi tai hại, như vậy mới được gọi là người có cả giới lẫn đức độ.

65. Vấn: Đức độ (kalyāṇadhamma) có bao nhiêu pháp?

* **Đáp:** Đức độ có năm pháp gọi là năm pháp đức độ (pañcakalyāṇadhamma) ngài xếp song hành theo điều học trong năm giới như sau:

1. Tâm từ với tâm bi được xếp song hành trong điều học thứ nhất.

2. Chánh mạng được xếp song hành trong điều học thứ hai.

3. Thu thúc trong dục được xếp song hành trong điều học thứ ba.

4. Chân thật được xếp song hành trong điều học thứ tư.

5. Có niệm chu toàn được xếp song hành trong điều học thứ năm.

66. Vấn: Trong điều học thứ nhất của ngũ giới có pháp đức độ song hành là như thế nào?

* **Đáp:** Trong điều học thứ nhất của ngũ giới có pháp đức độ (kalyāṇadhamma) song hành là tâm từ và tâm bi. Sự suy nghĩ mong muốn cho họ được an lạc là từ tâm. Mình được an lạc sung sướng thì muốn làm cho người khác cũng được an lạc giống như mình. Công năng của điều này là nhân làm cho chúng sanh tương trợ và không làm hại lẫn nhau.

67. Vấn: Việc trình bày tâm từ là bốn phận của mọi người trong nhân loại, vậy nên thực hành như thế nào?

* **Đáp:** Khi được sanh ra đời có được sanh mạng này bắt nguồn từ tâm từ của cha và mẹ... Lớn lên người trau dồi nung đúc tâm tánh cho ta được chơn chánh, nhận thức được con đường đúng, con đường sai và truyền dạy cho ta có được kiến thức, nghề nghiệp. Thể hiện được điều này là phát xuất từ tấm lòng từ mẫn của người thầy cao quý. Đến khi trưởng thành bước vào cuộc đời mưu sinh và cống hiến tài sức cho xã hội ta còn tiếp xúc với rất nhiều người nữa như cấp trên và bè bạn. Chúng ta cũng cần phải nhận bắt và truyền ban những tầng sóng từ tâm không vượt quá khả năng của mình cho nhau. Chính nhờ có tâm từ là pháp hỗ trợ “lokopatthambhitāmettā” như vậy xã hội và khắp cả thế gian mới hòa bình và tồn tại được.

Cộng đồng thế gian này được bao bọc bởi tầng sóng từ tâm nên chúng ta không thể là người chỉ biết đến lợi ích riêng tư của chính mình. Chúng ta mang ân từ của xã hội để thành nhân, thành tài và có cuộc sống ấm no theo khả năng phấn đấu mà xã hội đã sẵn dành cơ hội và tạo sẵn môi trường cho ta. Chúng ta phải có ý thức và trách nhiệm san sẻ, nâng đỡ những thành viên trong xã hội loài người. Chúng ta sống một cách lành đạm, ích kỷ, chúng ta sẽ là người mắc nợ thế gian bởi vì chỉ là người biết nhận chứ không chịu đền đáp.

Những suy nghĩ mong muốn làm cho người khác thoát ly đau khổ đó là từ trường của tâm bi. Mạnh lực của tâm bi khiến cho ta lo lắng khi thấy đau khổ phát sanh đến người. Công năng điều này là nhân làm cho chúng sanh suy nghĩ tìm cách giúp đỡ cho nhau thoát khỏi đau khổ và sợ hãi.

Trong mỗi một quốc độ đều có tổ chức thành lập bộ binh, thủy binh, cảnh binh, tòa án để phán xử vụ kiện và bệnh viện để chữa bệnh... đó là dấu hiệu biểu hiện phận sự bi mẫn của đức vua anh minh đối với dân chúng hay người lãnh đạo trí dũng đối với công dân của mình.

68. Vấn: *Việc thể hiện tâm bi là phận sự của nhân loại, vậy nhân nào khiến cho mọi người phải cùng nhau thể hiện?*

* **Đáp:** Bởi vì tự thân mình trước tiên nhận được lòng bi mẫn từ người khác như cha mẹ, anh chị, bác, cậu dì, cô chú, thầy tổ. Những khi mình ốm đau, ăn ngủ không được hay bị những trở ngại trong cuộc sống thì được các vị nhiệt tình lo lắng thuốc thang chữa bệnh và sẵn lòng san sẻ gánh vác bớt những nhọc nhằn lo toan của mình. Các vị luôn dang rộng vòng tay che chở cho mình mà không có tính toán thiệt hơn nếu mình vẫn thành tâm nương nhờ. Vì thế, nếu có cơ hội thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng bắt nguồn từ những thế hệ trước thì mình phải triệt để không để lỡ mất. Mình không nên lãnh đạm trước những vấn đề cần đến mình nếu không vượt quá khả năng. Lòng bi mẫn với người khác là một nghĩa cử đẹp cho chính bản thân mình và lớp kế thừa. Là thể hiện sự văn minh lịch sự của người biết tri ơn và tấm chân tình đền đáp ơn.

69. Vấn: *Việc không nên thể hiện lòng từ và lòng bi mẫn trong một số nơi là như thế nào?*

* **Đáp:** Việc thể hiện lòng từ, lòng bi mẫn với nhau thật sự là thiện pháp, nhưng phải xử sự khôn khéo tùy theo tình huống mới thành tựu đem lại được lợi ích cho người lẫn cho mình. Như trong phiên tòa đang kết án bị cáo mức hình phạt cao, thấy vậy nên động tâm thương hại tìm cách cho bị cáo thoát khỏi hình phạt. Cách xử sự không lý trí ấy chỉ làm cho mình bị vạ lây mà không giải quyết được gì cho người đáng bị hình phạt. Hoặc thấy người bị rơi xuống nước mặc dù bản thân mình không bơi được cũng nhảy âm xuống cứu. Tánh mạng của chính mình cũng không thoát khỏi mà còn làm cho người khác bị chìm nhanh hơn. Sự việc không đem đến lợi ích cho mình và cho người khi sự việc ấy vượt quá năng lực của mình. Mình phải biết tự lượng khả năng mình trước khi cáng đáng sự việc. Bởi bên cạnh ta cũng còn có rất nhiều tài năng sai khác có thể làm nên thành tích xuất sắc.

Việc thể hiện lòng từ và lòng bi mẫn này với tinh thần trung dung sẽ mang lại quả tốt đẹp cho người hành lẫn người nhận. Giống như chiếc nhẫn được đính thêm viên đá quý bằng những nét thủ công tinh xảo. Như thế mới gọi là pháp đức độ bởi có tánh chất đặc biệt và toàn mỹ.

Kết Thúc Vấn Đáp Pháp Đức Độ Về Điều Học Thứ 1

70. Vấn: Ngài thuyết giảng về pháp đức độ của điều học thứ hai như thế nào?

*** Đáp:** Trong điều học thứ hai của ngũ giới có pháp đức độ song hành là nuôi mạng theo đường lối chân chánh. Pháp này đem đến lợi ích là hỗ trợ cho người có giới được trú trong giới vững chắc. Để bảo đảm cho cuộc sống tốt đẹp không rơi vào hoàn cảnh túng thiếu nghèo khổ thì tất cả ai cũng phải có phương cách mưu sinh theo sự đã học hỏi nhằm vào sở thích của mình. Người có giới đã từ bỏ nuôi mạng theo đường lối sai quấy rồi cũng phải siêng năng tạo kế sinh nhai theo đường lối chân chánh nữa. Sinh kế có cân nhắc chọn lựa này là môi trường phát sanh thiện pháp dễ dàng, gìn giữ thiện pháp cũng dễ dàng và cũng hỗ trợ cho họ an trú vững vàng trong giới.

71. Vấn: Việc tìm kế sinh nhai trong đường lối đúng pháp là làm như thế nào?

*** Đáp:** Người đã từ bỏ tà mạng vẫn còn phải kết hợp với sự thực hành trong việc nuôi mạng cho trở nên thuần túy (dhammasāra). Phần này được xếp thành ba loại là về công việc, về người và về đồ vật như sau:

1. Thực hành pháp trong công việc tức là làm bất cứ công việc gì cũng làm trong phạm vi thiện hạnh. Không tráo trở tránh né khó khăn, mà phải dốc chí làm cho công việc đó được hoàn thành tốt đẹp.

2. Thực hành pháp về con người tức là luôn giữ pháp chân thật, bình đẳng đối đãi với tất cả mọi người không phân biệt thân quen, giàu có hay chức phận...

3. Thực hành pháp về đồ vật tức là không mánh khóe tráo đổi giả thật, tốt xấu trong khi trao đổi mua bán. Mà phải luôn lấy chữ tín làm đầu trong kế mưu sinh.

72. Vấn: *Người tìm kiếm công việc làm như thế nào mới đúng theo nền tảng giới pháp?*

* **Đáp:** Nên tránh xa công việc tội lỗi bởi vì tài sản phát sanh từ công việc tội lỗi chúng đến dễ dàng và ra đi cũng dễ dàng không tồn tại lâu dài như mong muốn. Điều này đã đề cập trong ngũ giới điều học thứ hai.

Trường hợp khác nữa là cờ bạc mưu sinh công việc này không cần phải giải thích vì đó là việc làm sai trái. Tài sản phát sanh được do cờ bạc mà có, không bền vững do hai nhân sau đây:

1. Đồ vật có được dễ dàng thì ít tiếc nuối nên tiêu pha không cân nhắc, khó gìn giữ lâu dài.

2. Sự mong muốn luôn được không ngừng nghỉ. Chính vì thế lại lần theo đường lối từng quen cũ tìm kiếm tiếp tục. Thế thường khi thắng ất cũng có ngày thua. Đây là nhân làm cho lâm vào con đường bế tắc, tự nguyện làm một đơn thể xấu xa trong xã hội.

73. Vấn: *Chơi cờ bạc có những điều tác hại như thế nào?*

* **Đáp:** Tác hại do cờ bạc gây ra có 6 điều:

1. Khi thắng thường gây nên oán thù.

2. Khi thua thường tiếc nuối tài sản.

3. Tài sản luôn tiêu hoại.
4. Không ai tin tưởng.
5. Bạn bè khinh khi xem thường.
6. Không ai muốn gả cưới kết thân.

Do đó, nên chọn lựa tìm những công việc xứng đáng với công sức và tài sản mà ta bỏ ra đầu tư. Tài sản có được từ công việc làm này giúp ta biết trân trọng cân nhắc khi có việc cần phải tiêu xài. Công việc đúng pháp và tài sản phát sanh trong sạch làm cho ta an vui và tự tin hơn trong cộng đồng.

74. Vấn: *Do nhân nào mà tài sản tạo ra được vững bền và chắc chắn sẽ phát triển?*

*** Đáp:** Do chủ nhân quan tâm giữ gìn không chi dụng vào các việc không thật sự cần thiết dù là vợ con hay ngay cả chính mình. Họ cất giữ cẩn thận để phòng ngừa những tác nhân từ bên ngoài như trộm cướp, hỏa hoạn... Người tạo tài sản trong hoàn cảnh chân chánh họ biết chi dùng vừa chừng và cũng không quá chặt chẽ trong việc đáng chi dụng.

75. Vấn: *Có những lợi ích nào phát sanh từ việc gìn giữ tài sản?*

*** Đáp:** Lợi ích phát sanh từ việc giữ gìn tài sản có 4:

1. Nuôi dưỡng chính mình, cha mẹ, vợ con và người giúp việc được no ấm.

2. Tiếp đãi bạn bè.

3. Làm giảm thiểu tai họa từ các nhân sai khác.
 4. Tạo được bốn việc san sẻ như:
 - a. Giúp đỡ quyến thuộc (ñātibālī).
 - b. Tiếp đãi khách (adithibālī).
 - c. Tạo phước hồi hướng cho người chết (pubbapetabālī).
 - d. Xây dựng các nơi công cộng như những công trình xây dựng có giá trị... (rājabālī).
- Tạo phước hồi hướng cho chư thiên (devatābālī).
 - Cúng dường cho sa môn, bà la môn thực hành chân chánh.

Hình ảnh con ong đi tìm nhụy hoa về làm mật để nuôi mình và nuôi đàn con nhỏ trong suốt mùa đông là cái bóng chuyên cần của người nỗ lực làm việc không thối chuyển.

Lợi ích của chánh mạng là hỗ trợ cho giới được thanh tịnh vững chắc nên được gọi là pháp đức độ (kalyānadhamma) trong điều học thứ hai.

Kết Thúc Vấn Đáp Pháp Đức Độ Về Điều Học Thứ 2

76. Vấn: Trong điều học thứ ba của ngũ giới có pháp đức độ song hành là thu thúc trong dục, tức có ý thức cảnh giác không dắt dẫn người truy lạc trong dục. Vậy điều này có được lợi ích như thế nào?

* **Đáp:** Lợi ích điều này là nâng cao phẩm cách thanh cao của nam nhân lẫn nữ nhân. Bởi vì dù nam hay nữ khi tránh xa tà dâm rồi mà vẫn còn hành vi tham đắm trong dục thì thường không có tác phong tao nhã và cũng không tránh khỏi sự chê bai biếm nhẽ của xã hội.

Điều này được phân định tùy theo giới tính:

1. *Sadārasandosa*: Tri túc với vợ của mình là lợi ích đối với nam nhân.

2. *Paṭivattara*: Giữ gìn đức hạnh đối với chồng của mình là lợi ích tô điểm đối với nữ nhân.

77. Vấn: *Tri túc đối với vợ mình (sadārasandosa) nghĩa là gì?*

* **Đáp:** Tri túc đối với vợ của mình tức nam nhân đã có vợ chỉ vừa lòng với vợ của mình, không dan díu yêu thương nữ nhân khác. Nam nhân phải có ý thức trách nhiệm chung vai gánh vác công việc lặt vặt trong gia đình, phải quan tâm ân cần giúp đỡ chăm sóc không bỏ rơi người phụ nữ của mình. Nghĩa cử như vậy được gọi là tri túc với vợ của mình một cách tốt đẹp nhất.

Nam nhân có thói trăng hoa thường lân la giao du với những nữ nhân thiếu phẩm cách hay nữ nhân thuộc tầng lớp thấp kém bị xã hội cô lập. Nên ở hoàn cảnh phải chọn lựa kết giao thì thà sống cô đơn với những tháng ngày vất vả còn hơn là chọn phải một nam nhân bê tha thả nổi nhân cách của mình trong những cuộc vui trác táng.

Việc thu thúc trong dục hỗ trợ cho nam nhân lẫn nữ nhân có những nghĩa cử thanh cao, làm cho giới hạnh được tốt đẹp nên được gọi là pháp đức độ trong điều học thứ ba.

Kết Thúc Vấn Đáp Pháp Đức Độ Về Điều Học Thứ 3

78. Vấn: Trong điều học thứ tư của ngũ giới có pháp đức độ song hành là chân thật, tức hành động trở thành người ngay thật. Vậy nương vào điều nào mà ta có thể nhận ra người có sự chân thật?

* **Đáp:** Có 4 trường hợp:

1. Công bằng.
2. Ngay thẳng.
3. Trung thành.
4. Tri ân.

+ Công bằng là thực thi pháp theo đúng lẽ phải trong công việc của mình không làm trái lại phận sự.

Mãnh lực của 4 pháp thiên vị:

1. Thiên vị vì thương (chandāgati).
2. Thiên vị vì ghét (dosāgati).
3. Thiên vị vì si mê (mohāgati).
4. Thiên vị vì sợ hãi (bhayāgati).

Thí dụ: Người phán xử vụ kiện phải là người có chủ trương về sự công bằng không bị thiên về một trong bốn pháp thiên vị. Bởi bốn pháp thiên vị là nguyên nhân đối lập lại sự công bằng. Như vậy được gọi là người có sự công bằng.

+ Ngay thẳng là người hành động ngay thật với bạn bè, không suy nghĩ mưu hại bạn bè và tránh xa bốn điều tác hại.

1. Lường gạt.

2. Chỉ nói lời môi miệng mà không thật sự giúp đỡ.

3. Nịnh bợ ton hót.

4. Rủ rê theo đường lối hư đốn.

Nên thực hành 4 pháp có lợi ích:

1. Đùm bọc giúp đỡ.

2. Đồng vui cộng khổ với nhau.

3. Nhắc nhở hướng dẫn cho nhận thức được điều lợi ích.

4. Có sự thương mến lẫn nhau thật sự.

Người như vậy được gọi là ngay thẳng đối với bạn.

+ Trung thành là giữ trọn vẹn niềm tin, tình cảm và giao ước lúc ban đầu không thay đổi. Như khi chấp nhận người nào làm chủ của mình thì một lòng ngay thật và tuân thủ theo sự sắp đặt của người đó. Trọng tâm việc làm của người này luôn lấy sự lợi ích của chủ đặt lên hàng đầu, dù có khó khăn cách mấy cũng hy sinh mà không hề hối tiếc. Người có tánh cách này gọi là người một lòng một dạ trung thành.

+ Tri ân là tận tình giúp đỡ lại cho người đã từng giúp cho mình để cho người hiểu mình vẫn còn nhớ việc mà người đã từng làm cho mình. Đó là thái độ thể hiện việc đền ân (katavedī). Nhưng trong nơi đây chỉ có ý nghĩa là người nhận được sự giúp đỡ từ người nào thì kính trọng người đó mà thôi. Với những bậc có ân đức như cha mẹ, thầy tổ, chủ nhân... ta không xem thường và đưa mình lên so sánh ngang bằng. Lối cư xử này được xếp vào tánh chất gìn giữ sự chân thật. Như việc ngài Sāriputta tri ân trưởng lão Assaji đó là nghĩa cử tri ân bậc có ân đức. Sự bày tỏ tôn kính của ngài Sāriputta được gọi là người tri ân.

Sự chân thật làm cho giới của người được toàn hảo, làm tăng trưởng phẩm chất tốt nên được gọi là pháp đức độ trong điều học thứ tư.

Kết Thúc Vấn Đáp Pháp Đức Độ Về Điều Học Thứ 4

79. Vấn: *Pháp đức độ song hành (kalyāṇadhamma) trong điều học thứ năm này làm cho người có niệm kiểm soát được chặt chẽ. Như vậy pháp này mang những tánh chất nào?*

*** Đáp:** Có 4 tánh chất:

1. Biết ước lượng trong vật thực.

Giải thích: Vật thực chỉ có lợi ích cho thân thể khi sử dụng đúng nhu cầu, chi tiêu hợp lý và biết chọn lựa

thích hợp. Điều này ai cũng biết nhưng ít người thực hành được điều hiểu biết này để nhận được sự an lạc. Người có niệm gìn giữ cẩn thận sẽ làm được điều này. Niệm sẽ không cho phép họ phung phí quá đáng, niệm sẽ lên kế hoạch thích hợp tùy theo hoàn cảnh cho họ. Đó là phương cách, là lối sống có niệm đồng hành. Người ấy sẽ luôn nhận được bình an và tiến hóa và được gọi là người biết ước lượng trong vật thực.

2. Không chểnh mảng trong công việc làm là không bỏ rơi phận sự, luôn quan tâm làm cho đúng thời gian và không để mặc cho gia nghiệp suy sụp. Như làm ruộng kịp thời vụ, bán hàng phải biết rõ thời cơ, làm công vụ cũng phải hiểu được cách phát huy và gìn giữ quy chế. Người biết rõ thời điểm và không có tư chất hời hợt này thì làm công việc gì cũng đạt được thành quả lớn lao.

3. Có sự tỉnh giác trong hành động của mình tức biết cẩn trọng và dè chừng trong phận sự. Sự tỉnh giác trong nơi đây là người làm bất cứ phận sự nào họ cũng phải suy xét tỉ mỉ cho thấy trước rằng có lợi hay có hại, có lợi ích hay mất lợi ích, nên làm hay không nên làm, nên nói hay không nên nói rồi mới thực hành. Chính vì thế mà bất cứ công việc nào của họ đảm nhiệm đều có mức độ chính xác cao và hoàn tất tốt đẹp.

4. Không để xuôi trong pháp tức là người thường luôn có sự nhắc nhở của niệm. Nên thấy tất cả mọi người sanh lên được đều do nhân sắp đặt nằm trong lãnh vực của pháp thường nhiên.

Đất, nước, lửa, gió tập hợp lại thành một khối đồng nhất đó là thân thể, còn được gọi là sắc pháp. Khối

đồng nhất có một phần thể vô vật chất điều khiển, đó là sự nhận thức, suy nghĩ, cảm giác lẫn ghi nhận các ý nghĩa khác nhau, phần này được gọi là danh pháp. Khi gom sắc pháp và danh pháp lại với nhau gọi là hành (saṅkhāra) tức pháp nhân tạo tác cho có sự sanh.

Pháp hành luôn có sự chuyển đổi. Theo thông thường thì khởi đầu là trẻ con rồi chuyển đổi dần thành thanh niên thiếu nữ, giai đoạn này gọi là thiếu niên (paṭhamavaya). Từ đó trở đi thân thể cũng không thay đổi bao nhiêu và tính từ lúc lão hóa trở lại giai đoạn này gọi là trung niên (majjhimavaya). Kể từ khi thân thể suy sụp trầm trọng như răng rụng, tóc bạc, da nhăn... giai đoạn này gọi là lão niên (pacchimavaya). Tất cả tiến trình thay đổi của thân thể đó gọi chung là già.

Cả bốn đại bao trùm hình thành sắc pháp này phân chia ra thành nhiều loại. Mỗi loại đều có tánh chất khác nhau để thực thi nhiệm vụ và có phận sự làm cho mạng quyền (jīvitindriya) nối tiếp gọi là thân thể. Thân thể có sự hoại diệt thường xuyên, nên chúng ta phải sống có khoa học đừng để bệnh tật phát sanh. Nhưng khi thân thể có những dấu hiệu bất bình thường không còn tuân theo quy luật cũ nữa. Thì trạng thái biến đổi của pháp hành này gọi là bệnh (byādhī).

Cuối cùng rồi tiến trình của thân thể cũng dừng lại, mạng quyền không nối tiếp được nữa kể từ đó gọi là chết. Thân thể được bốn đại kết thành cũng phân ly rồi thối rữa ra trở lại tánh chất đặt trưng riêng của mình. Trạng thái cả bốn đại bao trùm rồi cũng phân ly nhau gọi là chết.

80. Vấn: Nhân loại sanh lên trong cõi này phải chứng kiến cái gì là sợ hãi lớn nhất mà không thể trốn tránh được?

* **Đáp:** Nhân loại sanh lên trong cõi này thì mỗi danh pháp mỗi sắc pháp trong bất cứ kiếp nào cũng phải chứng kiến ba sự sợ hãi lớn là già, bệnh, chết.

Sự già (jarā) diễn tiến theo thời kỳ của pháp hành biến đổi. Nếu vẫn còn nhân tái sanh thì vẫn còn sanh mạng thì không vượt khỏi được sự già.

Sự bệnh (byādhi) là pháp không thể ấn định được là sẽ bệnh gì và phát sanh vào độ lứa tuổi nào. Bởi dù là trẻ con hay thanh niên, thiếu nữ, người lớn, người già cũng có bệnh và phải bị bệnh.

Sự chết (maraṇa) cũng không là pháp nhất định sẽ chết vào lúc nào, chết ở lứa tuổi nào, chết trong giai đoạn hoàn cảnh nào. Bởi vì cái chết không kiêng nể hay ưu tiên chừa bỏ ai.

Khéo tác ý (yonisomanasikāra) ta sẽ nhận biết được sự thật của pháp hành. Chúng ta chinh đốn tư thế để phòng hộ và sẵn sàng tâm lý đón nhận ba khổ trọng đại này. Đó mới là người không để đuôi trong pháp tức thực tánh hiện hữu thường nhiên của thế gian.

81. Vấn: Hãy bổ sung thêm ý kiến về sự không nên thực hành thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh?

* **Đáp:** Hậu quả của thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh (ducarita) đem đến sự khổ thân, khổ tâm. Không muốn phiền toái bởi những cảnh trái ý nghịch

lòng ta nên lưu ý không thực hành thân, khẩu, ý ác hạnh dù chỉ là một chút ít. Bất cứ ai để duôi cho rằng ta làm chỉ chút ít không có thể cho quả được, thì sự suy nghĩ này hoàn toàn sai lầm. Về phần thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh (sucarita) cũng giống như vậy, tức luôn cho quả đến người tạo trử nhưng đều là những điều đẹp ý vừa lòng. Ai nghĩ rằng chỉ làm chút ít thì chẳng có được chi rồi nản lòng, buông bỏ phận sự như vậy là thật đáng tiếc lắm thay. Phải biết rằng tất cả những thành quả hiện hữu trên thế gian này cũng đến từ việc nhỏ trước, khi gom việc nhỏ khi trước lại thì mới trở thành việc lớn được.

Do đó, ác hạnh tạo bằng thân, khẩu, ý hay thiện hạnh tạo bằng thân, khẩu, ý được tạo từ người nam hoặc người nữ cũng tạo tác mỗi lần một ít, tích lũy dần khiến cho thành quả ấy càng ngày càng nhiều lên. Người không buông xuôi thường luôn giữ mình không giao du với bất thiện theo ác hạnh mà tinh cần vun bồi thiện hạnh. Như vậy được gọi là không để duôi trong thiện pháp lẫn bất thiện pháp.

Trường hợp khác nữa, trong vòng xoay chuyển của nghiệp quả nhân loại sanh lên sẽ gặp những điều đáng mong muốn và không đáng mong muốn. Đây gọi là “pháp thế gian” (lokadhamma).

Pháp thế gian có 8:

1. Được lợi (lābho).
2. Được danh tiếng (yaso).
3. Được khen (pasamsā).
4. Được an lạc (sukham).

5. Mất lợi (alābho).
6. Mất danh tiếng (ayasa).
7. Bị chê (nindā).
8. Bị đau khổ (dukkhaṃ).

Khi tóm tắt lại thì được 2 loại:

- Một phần đáng mong muốn.
- Một phần không đáng mong muốn.

Pháp thế gian này là pháp phải chứng kiến suốt thời gian chúng ta còn sự sống. Vì vậy không nên chấp giữ vì tham vọng hoặc không tránh né vì không hài lòng. Bởi thật ra đó chỉ là mãnh lực của hỷ, ưu từ thân (nāmakāya) tạo thành hạnh phúc, khổ đau mà thôi. Người không để duôi luôn cảnh giác không để tám pháp thế gian chi phối tâm. Không để tham, ưu xách động làm cho tâm phản ứng biểu hiện thái độ sai khác. Được gọi là người không để duôi vì đối với pháp đang hiện hữu trong cõi nhân loại người ấy ứng xử tỉnh táo, như lý tác ý tạo thành thiện hạnh, nên được gọi là pháp đức độ (kalyaṇadhamma) trong điều học thứ năm.

Người vững trú trong pháp đức độ được gọi là thiện nhân tức người thực hành tốt đẹp đáng được tôn sùng kính trọng và là tấm gương cho tất cả mọi người.

Kết Thúc Vấn Đáp Về Pháp Đức Độ & 4 Pháp Làm Cho Thế Gian An Bình

CẨM NANG TẠO TRỮ THIÊN THÍ

Người quan tâm đến việc tạo trữ thiện thí trước tiên cần phải hiểu về ý nghĩa của từ “Bố Thí” (dāna).

Từ “Bố Thí” có 2 ý nghĩa:

1. Đồ vật nên cho gọi là vật thí.
2. Chủ tâm (tu) làm nhân cho bố thí được thành tựu gọi là tư thí.

Hai ý nghĩa này được phân tích như sau:

Hatabbanti = Dānaṃ Vật nên cho gọi là bố thí (vatthudānaṃ). Hoặc Dīyati etenāti = Dānaṃ Chủ tâm là nhân làm cho thành tựu gọi là bố thí (cetanādānaṃ).

*** Thích giải:**

Đồ vật nên cho gọi là bố thí gồm có các vật thí... mà người đang cúng dường hoặc lúc đang bố thí gọi là vật thí.

Chủ tâm làm nhân cho việc bố thí được thành tựu là hiện thân của tư hay còn gọi là tác ý. Bởi người thực hiện xả thí có chủ tâm là hiện thân của tư trước khi cho sẽ là nhân làm cho việc bố thí được thành tựu.

Đôi khi ta quen dùng lời nói: “Tôi không muốn cho vật này cho người đó...”. Khi không muốn cho cũng có nghĩa là ta không cho đồ vật đến người đó. Điều này cho thấy rằng từ “không muốn” đó cũng tức là không

có chủ tâm. Và khi không có chủ tâm rồi thì người đó sẽ không thực hiện thiện thí.

Lại nữa, vật thí mà thành tựu được cũng phải nương vào chủ tâm thí (cetanādāna). Như trong lúc người đang cúng dường hoặc đang bố thí đồ vật... mà đến được tay người nhận phải kết hợp với tư thí. Chính sự chủ tâm cho thì vật thí đó mới thành tựu được.

Còn sự thành tựu tư thí cũng phải nương vào vật thí. Như người có chủ tâm sẽ cúng dường hoặc bố thí cho một người nào nhưng vẫn không cho, thì chỉ có chủ tâm thí (tư thí) thành tựu với người đó. Trong ba tư thì xếp tư tiền là thiện nhưng thiện thí của người này chưa được tròn vẹn tức vẫn còn thiếu vật thí.

Nếu nói theo lý của Thắng Pháp thì chủ tâm suy nghĩ sẽ cúng dường hoặc bố thí của người này được xếp vào trong nhóm tâm đại thiện đồng sanh với tư thiện sanh lên, cho nên mới gọi là tư thí được thành tựu với người đó. Nhưng nói theo lý của Luật Tạng chỉ có tư sẽ cúng dường hoặc bố thí thì chưa thành tựu thiện thí, mà phải có lời nói kết hợp với đồ vật đó. “Vật này tôi xin cúng dường hoặc bố thí cho người đó”, khi đã nói như vậy thì có nghĩa là thiện thí được thành tựu cho dù chưa đem đồ vật chuẩn bị sẽ cúng dường hoặc bố thí đến.

Các thiện thí mà người có tâm tín thành đang tạo trừ hàng ngày là bố thí được thành tựu hội đủ hai loại là có cả vật thí lẫn tư thí được tính vào thiện thí được thành tựu trọn vẹn.

Việc tạo trử thiện thí có lợi ích như thế nào?

Lợi ích của việc tạo trử thiện thí có 4:

1. Là nấc thang đầu dẫn người đó đến thiên giới.
2. Là tư lương được trang bị cho chuyến hành trình của vòng luân hồi được an lạc thuận lợi cùng tránh được các tai họa hiểm nghèo.
3. Là con đường tiến thẳng đến Níp Bàn.
4. Là nhân cao quý dắt dẫn thoát ra khỏi vòng luân hồi.

Như dẫn chứng pāli trình bày sơ giải Tăng Chi Bộ Kinh (aṅguttarāthakathā):

Dānaṃ suggassa sopāṇaṃ

Dānaṃ pātheyyamuttanaṃ

Dānaṃ ujugataṃ maggaṃ

Dānaṃ mokkhapadaṃ varaṃ

Thiện thí được xếp vào giai đoạn đầu tiên dẫn đến thiên giới, thiện thí được xếp vào tư lương cao quý, thiện thí được xếp vào là đạo lộ trực chỉ Níp Bàn, thiện thí được xếp vào nhân cao quý làm cho giải thoát luân hồi.

*** Thích giải:**

1. Dānaṃ suggassa sopāṇaṃ

Thiện thí được xếp vào giai đoạn đầu tiên dẫn đến thiên giới.

Thích giải: Ví như người muốn leo lên cao thì thang là phương tiện trợ giúp tích cực cho người đó

thực hiện thành tựu ý muốn. Thiện thí cũng như vậy, người nào muốn sanh vào thiên giới, trước tiên người đó phải tạo trử thiện thí làm nền tảng. Bởi vì thiện thí có chức năng cho quả để người đó được giàu sang đầy đủ tài sản (bhogasampatti) và an lạc. Là người hữu phước như thế thì trong việc tạo trử thiện pháp người đó cũng không có sự do dự mà việc thiện thí của họ được tiếp tục ngày càng tốt đẹp hơn. Khi được thường xuyên có cơ hội tạo các thiện thí thì ước muốn sanh lên thiên giới người đó sẽ được thành tựu.

Nếu người nào thiếu thiện thí, nơi đây nói đến người không từng tạo trử thiện thí trong kiếp quá khứ thì cho dù trong kiếp hiện tại được sanh làm người cũng sanh làm người nghèo khổ vất vả thiếu thốn không được thuận may trong mọi trường hợp. Rơi vào trường hợp này thì cơ hội tạo trử việc thiện như bố thí, trì giới, tu tiến không thể có được. Khi không tạo được thiện thí thì chắc chắn các bất thiện ác hạnh bằng thân, bằng ngữ hoặc bằng ý phát sanh. Như vậy thì ước muốn sanh lên thiên giới cũng không được thành tựu bởi vì thiếu thiện thí.

Đây chính là nấc thang giai đoạn đầu dắt dẫn chúng sanh đến thiên giới.

2. Dānaṃ pātheyyamuttanaṃ

Thiện thí được xếp vào tư lương cao quý.

Thích giải: Ví như người du hành thì tư lương vật thực là nhu cầu thiết thực để sự sinh hoạt được thoải mái thuận lợi không phải khổ sở vất vả... lẫn

có thể giúp cho ta đạt được mục đích mà mình hằng mong muốn. Thiện thí giống như tư lương vật thực mà người du hành bắt buộc phải mang theo. Bởi vì tất cả chúng sanh trong khoảng thời gian chưa tác chứng Níp Bàn thường phải luân chuyển sanh tử trong vòng luân hồi trong khắp mọi nơi. Như sanh làm bàng sanh, nhân loại, chư thiên... Nên nếu người nào thiếu thiện thí ám chỉ đến người không từng tạo trữ thiện thí trong kiếp quá khứ thì người đó cho dù được sanh làm người hay chư thiên thì cũng lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ thiếu thốn tài sản vật chất. Người thiếu tư lương là nhân cho người đó không có cơ hội tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến tiếp tục. Còn người nào từng tạo trữ thiện thí trong kiếp quá khứ khi được sanh làm người hoặc chư thiên thường được an lạc trong vấn đề tài sản vật chất. Đây là điều kiện để thụ hưởng theo mãnh lực của thiện thí mà mình đã từng tạo trữ. Người đó được gọi là có mang theo tư lương nên được thuận lợi trong việc tạo trữ và làm tăng trưởng các thiện pháp khác.

Lại nữa, tư lương bên ngoài gồm có tài sản vật chất làm điều kiện để sự sinh hoạt được bình ổn, hài hòa... nhưng cũng có khi làm điều kiện cho sự sanh sống không tốt khởi sanh. Tài sản vật chất trong khoảng thời gian còn sanh tồn cũng bất định có thể sẽ có những chương ngại xảy ra như trộm cướp, hỏa hoạn hoặc thiên tai... Cuối cùng của kiếp sống là giây phút mệnh chung cũng không thể lấy tài sản vật chất này mang theo được. Khác với tư lương bên trong tức

thiện thí. Bởi vì thiện thí là tư lương mà người đã tạo trữ mang theo được bất luận người đó sanh lên nơi nào hoặc sẽ sanh lên như thế nào cũng không ai có thể trộm cướp hay sang đoạt được. Thiện thí là tư lương cao quý không có tai họa nào làm thất giảm. Cho nên các bậc hiền trí mới gọi thiện thí này là tài sản to lớn mang theo được trong mọi kiếp sống (ānugāmikanidhi).

3. Dānaṃ ujugataṃ maggaṃ

Thiện thí được xếp vào đạo lộ trực chỉ Níp Bàn.

Thích giải: Con đường sẽ đi đến Níp Bàn có ba đó là bố thí, trì giới và tu tiến. Ba con đường này thì tu tiến là con đường gần nhất, con đường thứ hai là trì giới, tiếp đến là con đường thứ ba là bố thí. Con đường tu tiến và trì giới mặc dù là con đường cận kề Níp Bàn nhiều hơn con đường bố thí. Nhưng nếu thiếu đi bố thí thì con đường đi đến Níp Bàn cũng sẽ trở ngại. Bởi vì người chuyên tâm trì giới, tu tiến để tác chứng Níp Bàn chỉ một lần hoặc một lần trong kiếp sống thường không thể xảy ra. Mà phải cần hằng nhiều nhiều kiếp sống trì giới, tu tiến để vun bồi ba la mật được vẹn tròn. Khi ấy cơ hội tác chứng Đạo, Quả, Níp Bàn mới có được. Để nguyện ước Đạo, Quả, Níp Bàn diễn tiến thuận lợi thì người trì giới, tu tiến phải là người đầy đủ tài sản vật chất để không lâm vào cảnh thiếu thốn bị vất vả trong vấn đề tầm cầu sinh nhai... Quả của thiện thí là phương tiện là hậu thuẫn làm cho phát sinh cơ hội tạo trữ thiện thí và việc trì giới, tu tiến cũng không trở ngại. Như vậy thì con đường đưa đến Đạo, Quả, Níp Bàn cũng gần kề với người đó.

Tài sản đang có là phương tiện hỗ trợ cho sự mong muốn của người được thành tựu cũng nương vào thiện thí là nhân. Người nào tạo trử bố thí thì người đó thường được đầy đủ tài sản như có pāli đề cập: “Dānato bhogavā”. Có được tài sản cũng do tạo trử bố thí.

Người nào không từng tạo trử thiện thí, người đó thường sanh làm người nghèo khổ không đầy đủ tài sản vật chất, trú xứ. Khi đã là người nghèo khổ thì việc tạo trử thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến thường trở ngại. Bởi vì phải mãi lo toan tính tìm cầu trong việc mưu sinh của mình nên cơ hội tạo trử thiện pháp luôn bị mai một. Khi không có cơ hội tạo trử thiện pháp thì các pháp bất thiện thường len lỏi vào tâm làm cho người đó có những sở hành sai quấy về thân, về ngữ, về ý. Sở hành sai quấy này làm ngăn chặn con đường đưa đến Đạo, Quả, Níp Bàn. Mà con đường đối nghịch lại với con đường đưa đến Đạo, Quả, Níp Bàn chính là con đường dẫn đến đau khổ... cả trong kiếp hiện tại lẫn kiếp tiếp theo.

Điều này trình bày cho thấy rằng thiện thí làm điều kiện hậu thuẫn hỗ trợ cho người tạo trử được đi trên con đường dẫn đến Đạo, Quả, Níp Bàn bằng cách trực tiếp mà không bị loạn choạng quày vòng trở ra. Tựa như chiếc thuyền bánh lái là phương tiện để lèo lái giúp cho con thuyền đi được đúng theo thủy lộ đã vạch sẵn. Nếu thiếu bánh lái thì con thuyền sẽ bị quanh co ngã nghiêng theo sức mạnh của dòng nước. Sóng và gió có thể làm con thuyền bị đắm trước khi đến được nơi định đến.

Cũng vậy, bánh lái của con thuyền như thiện thí, con thuyền giống như giới, đầu máy con thuyền như tu tiến, người ở trong thuyền thì như người muốn tác chứng được Níp Bàn. Thiện thí làm điều kiện trợ giúp cho trì giới lần tu tiến được tiến hành thuận lợi như bánh lái con thuyền giúp cho con thuyền chạy đúng hướng; giới như con thuyền và tu tiến thì như đầu máy con thuyền làm cho thuận lợi hướng đến mở lối cho Đạo, Quả, Níp Bàn. Mục tiêu ước muốn đều phải nương vào thiện thí làm điều kiện hỗ trợ cũng như con thuyền phải nương vào bánh lái.

Còn đối với người muốn tác chứng Níp Bàn thì phải thực hành theo tuần tự. Tức phải có bố thí làm nền tảng để việc trì giới được thuận lợi, khi đã trì giới tốt đẹp thì tu tiến mới là con đường đi trực chỉ đến Đạo, Quả, Níp Bàn. Giống như người nương theo con thuyền để đi đến nơi mà mình muốn.

Theo thích giải trên cho thấy được việc tạo trữ bố thí được xếp vào con đường trực chỉ Níp Bàn.

4. Dānaṃ mokkhaḍaḍaṃ varam

Thiện thí được xếp vào là nhân cao quý làm cho thoát khỏi luân hồi.

Thích giải: Người có tâm tịnh tín, hoan hỷ thường xuyên trong việc bố thí và trong việc bố thí có chủ tâm tốt. Hoặc gọi là có tác ý tốt hiện hữu trong ba thời như tư tiền tác ý tốt trước khi làm (pubbacetanā), tác ý tốt trong lúc đang làm (muñcacetanā), tác ý tốt sau khi làm (aparacetanā). Nếu tiến hành tốt cả ba tác ý này

thì cho thấy người đó có đức tin lẫn trí tuệ vững vàng. Như vậy thì việc trì giới và tu tiến của người đó tăng trưởng tốt đẹp hơn và khi mệnh chung từ kiếp này thường nhận được tâm tái tục làm người tam nhân. Nên tăng tam nhân làm cho sự tin tưởng và thấy được lợi ích trong việc tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến thật rõ ràng nên người đó mạnh dạn tiếp tục vun đắp pháp độ (pāramī) của mình mạnh mẽ và già dặn lên theo tuần tự, để đi đến giai đoạn cuối cùng là nhận được quả giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Cho nên ngài mới nói thiện thí được xếp vào là nhân cao quý có thể làm điều kiện mạnh mẽ (upanissayapaccaya) làm cho người đó có đức tin trong việc trì giới, tu tiến tiếp tục. Và thiện thí mà mình đã từng tạo trong quá khứ sẽ là pháp độ (pāramī) sẽ hỗ trợ cho người đó thành tựu được lợi ích lớn hơn. Túc Đạo, Quả, Níp Bàn là nhân làm cho giải thoát tất cả hành khổ.

Lại nữa: Tất cả bồ tát khi được Đức Phật thọ ký rồi thường quán xét xem pháp độ nào là nhân tác thành Toàn Giác Tuệ được. Khi quán xét rồi thì các ngài thấy rằng tạo trữ bố thí là pháp độ cần phải tạo trữ trước các pháp độ khác.

Như dẫn chứng trình bày trong Buddhavaṃsa (Chánh Giác Tông).

Vicinanto tadā dakkhiṃ Paṭhamam dānapāramī
Pubbakehi mahesihi Anuciṇṇam mahāpaṭham

Lần đầu tiên bồ tát Sumedhe được Đức Phật thọ ký thì quán xét nhìn thấy được bố thí độ là pháp độ

trước các pháp độ khác sẽ làm cho tác thành Chánh Đẳng Giác. Bởi vì bố thí độ mà chư bồ tát thường tạo trử là pháp cao quý luôn trợ giúp cho quả nhận được thuận lợi trong khoảng thời gian tạo trử ba la mật để tác thành Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Những lợi ích khác nhận được từ việc tạo trử thiện thí có nhiều vô số, như từ việc chỉ bố thí cho một con chó thôi cũng nhận được quả báo làm người có tuổi thọ, dung sắc, an lạc, sức mạnh, thông minh cho đến 100 kiếp. Và người được sanh lại làm người hay chư thiên do mãnh lực của thiện nghiệp bố thí thường nhận được an lạc, sung sướng nhiều hơn người được sanh lại làm người hay chư thiên do mãnh lực của thiện nghiệp khác.

Như trong Tương Ứng Bộ Kinh (saṃyuttanikāya) có câu chuyện: Vào thời kỳ giáo pháp của Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa có hai vị tỳ kheo là bạn thân với nhau. Một vị tỳ kheo thường xuyên tạo trử bố thí, còn vị khác thì không tạo trử bố thí. Khi cả hai vị tỳ kheo mệnh chung cùng được sanh làm người, cùng được sanh làm chư thiên với nhau cũng có. Trong khoảng thời gian được sanh làm người hoặc chư thiên với nhau thì vị tỳ kheo từng tạo trử thiện thí được sanh vào gia tộc cao sang có đầy đủ tài sản nhiều hơn vị tỳ kheo không từng tạo trử thiện thí. Suốt cho đến thời kỳ giáo pháp của sa môn Gotama, thì hai vị tỳ kheo này được sanh lên làm người với nhau. Vị tỳ kheo thường tạo trử thiện thí được sanh làm thái tử con của đức vua Pasenadikosala sau này là đức vua Orasa. Còn

vị tỳ kheo không từng tạo trử thiện thí thì sanh làm con trai của người bảo mẫu. Khi đức vua Orasa ngủ thì được ngủ trong nôi vàng bên dưới cây lọng trắng, còn người con trai của bảo mẫu thì ngủ trong cái võng bình thường không có lọng trắng che chắn. Khi cả hai cậu bé trưởng thành thì đều xuất gia làm tỳ kheo trong giáo pháp của bậc Chánh Đẳng Giác Gotama và cùng được chứng đắc A La Hán.

Câu chuyện này cho thấy quả báo của sự khác biệt về việc tạo trử bố thí và không tạo trử bố thí như thế nào?

Thiện thí là việc thiện làm cho phải ở trong vòng luân hồi dài lâu phải chăng?

Việc tạo trử thiện thí này có thể có một số người hiểu là loại thiện làm cho mắc dính luân lưu trong vòng luân hồi dài lâu nhưng thật sự không phải như đã nghĩ. Bởi vì thiện thí là nhân điều này cũng nên hiểu từ câu chuyện của hai vị tỳ kheo đã nêu lên trong phần đầu là khi cả hai vị chứng đắc A La Hán cũng được chứng đắc cùng với nhau. Vì vậy không nên hiểu thiện thí là nhân làm cho mắc dính trong vòng luân hồi dài lâu. Nhân làm cho dính mắc trong vòng luân hồi dài lâu là do người tạo trử thiện thí thường hay có sự ưa thích khởi sanh như thiện thí của ta là nhân làm cho ta nhân được nhân sản (manussasampatti) và thiên sản (devasampatti). Khi suy nghĩ với tâm trạng vừa lòng khởi lên trong lúc đang tạo trử thiện thí như vậy, chính suy nghĩ lẫn vừa lòng này được xếp vào tham tập đế (lobhasamudayasacca) là nhân làm cho dính mắc trong vòng luân hồi dài lâu.

Lại nữa có thể có một số thiện tín hiểu rằng các bậc Chánh Đẳng Giác phải tạo trữ pháp độ trong vòng luân hồi trong thời gian rất lâu ít nhất thì cũng 4 a tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp mới được giác ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác cũng do tạo trữ bố thí độ nhiều. Nếu hiểu như vậy thì cũng nên biết thêm là đã có vô số uẩn Níp Bàn. Số chư Phật Chánh Đẳng Giác đã tịch diệt ấy nhiều như hạt cát trong sông Hằng. Nhưng nguyên nhân nào mà chúng ta vẫn còn luân chuyển trong vòng luân hồi cho đến ngày nay. Thời gian của chúng ta luân chuyển còn lâu dài hơn thời gian mà Đức Phật tạo trữ pháp độ nữa. Chúng ta có thể dám nói là thiện thí mà chúng ta đã từng tạo trữ nhiều hơn thiện thí của Đức Phật đã Níp Bàn chăng? Chắc chắn ta không thể nói được như thế, nên ta cũng không nên hiểu rằng thiện thí là nhân làm cho vòng luân hồi xoay chuyển dài lâu.

Đạo sĩ Sumedha khi được Đức Phật thọ ký là bồ tát thì bố thí độ là pháp đầu tiên ngài vun tạo. Và việc tạo trữ pháp độ cuối cùng tức khi thọ sanh làm Vessantara cũng là bố thí độ cho đến kiếp cuối cùng được sanh làm thái tử Siddhattha rồi tác thành Toàn Giác Trí là Bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian này. Điều này cho ta thấy được rằng thiện thí là pháp độ quan trọng hơn vì có thể trợ giúp cho việc tạo trữ các pháp độ khác được hoàn thành. Và việc Bậc Chánh Đẳng Giác phải tạo trữ pháp độ trong vòng luân hồi thời gian lâu dài là để tu tập pháp độ cho tương ứng với Toàn Giác Trí chứ không phải lưu lại

trong vòng luân hồi lâu dài do mãnh lực của thiện thí. Giống như cây non mới mọc lên cho dù chúng ta có cố tưới nước một ngày khoảng 100 lần đi nữa thì cây đó cũng không thể nhanh chóng đơm hoa kết trái được. Vì sao? Vì thân cây còn non nhỏ, chưa có thể ra hoa cho trái được mà phải có thời gian và sự chăm sóc thường xuyên. Chờ đến khi cây đủ lớn và cứng cáp rồi, lúc ấy khi đến mùa vụ thì cây tự đơm hoa kết trái. Điều này như thế nào thì người pháp độ vẫn còn yếu sẽ không tác thành Thánh Nhân hoặc tác thành Bạc Chánh Đẳng Giác được, mà phải trau dồi pháp độ cho già dặn trước mới vượt lên hoàn thành được. Do đó phải cần có khoảng thời gian như thế để pháp độ vừa đủ già dặn.

TRÌNH BÀY VIỆC THÀNH TỰU PHÁP ĐỘ KHÁC PHẢI NƯỚNG VÀO BỐ THÍ ĐỘ

1. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho trì giới độ sanh lên.

Do mãnh lực thiện thí của người đã từng tạo trữ bố thí độ trong kiếp trước làm cho người đó được sanh làm người giàu có đầy đủ tài sản, vật chất, trú xứ nên đời sống của người đó thoải mái. Với điều kiện thuận lợi như thế thì tâm của người đó bình an bởi không phải lo lắng việc tìm kiếm phương kế để sanh sống. Nếu là người có tâm tịnh tín trong Phật Giáo mà rơi vào trường hợp thiếu đi thiện thí thường thì cơ hội trì giới của người này khó thành đạt. Bởi vì trì giới

phải liên quan đến phòng hộ thân và ngữ không cho buông lung theo đường lối thế gian, mà phải trì giới trong phạm vi đạo lý pháp thường xuyên. Các việc như tránh xa sát sanh, trộm cắp, tà hạnh trong các dục và tránh xa nói dối, nói thô tục, nói đâm thọc cho chia rẽ nhau, nói vô ích là vấn đề mà người trì giới phải tránh xa. Cho nên người mà thực hành được tốt đẹp như vậy cũng phải là người có đầy đủ tài sản và cũng là người có niềm tin trong sạch trong Phật Giáo.

Nếu sanh lên là người nghèo khổ thì cho dù có tâm tịnh tín đi nữa thì thường cũng sẽ khó mà thực hành an trú trong giới được. Cũng chính do thiếu kém tài sản mà ta từng được nghe một số người nói:

- “Ngồi mà trì giới như thế này thì chỉ có chết mà thôi”.

Lời nói này, họ nhằm nói đến người nghèo khổ khó mà trì giới được. Điều trình bày trên cho thấy được rằng bản chất là người nghèo khổ cũng do người đó thiếu sự bố thí nên giới không sanh khởi được. Vì vậy trì giới độ được thành tựu cũng phải nương vào bố thí độ làm hậu thuẫn.

2. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho ly dục độ sanh lên

Một số người có tâm tịnh tín trong Phật Giáo muốn dành một ít thời gian để thọ trì giới, thính pháp hoặc muốn được học hiểu về giáo lý Phật Giáo nhưng luôn bị trục trặc hay gián đoạn cũng bởi không có đầy đủ

tài sản. Nếu dành thời gian trong việc sanh nhai để chuyên tâm trì giới, thính pháp, thì khổ sở thiếu thốn ập đến ngay sau đó. Cho nên dù biết trì giới, thính pháp học tập pháp có lợi ích tốt đẹp nhưng người ấy không thể thực hiện được. Việc không thể hy sinh thời gian hoặc hy sinh công việc như vậy có nghĩa là người đó không thành tựu việc tạo trữ ly dục độ. Sự trình bày này cho thấy việc thiếu thốn tài sản là nhân trở ngại cho việc tạo trữ ly dục độ bởi vì người đó không từng tạo trữ bố thí độ.

Còn đối với việc tạo trữ thiện sự bố thí độ trong kiếp quá khứ, khi được sanh làm người trong kiếp sống này thì quả của bố thí mà đã từng tích lũy tức tài sản hiện tại làm cho đời sống người đó an lạc sung sướng đầy đủ... Nếu kết hợp cùng với đức tin trong Phật Giáo thì cơ hội được thính pháp và thân cận với bậc chân nhân sẽ dễ dàng có được bởi vì không có gì phải lo lắng. Trong trường hợp có cơ hội được thính pháp và thân cận được bậc chân nhân chính là nhân cho người đó phát sanh niệm tuệ. Chính sự ghi nhớ và sáng suốt này nên thấy được tội lỗi của việc say mê trong ngũ dục... phát sanh nhằm chán đối với việc vui thú vô bổ trong thế gian. Tâm dễ dàng rời bỏ vật ngoại thân như tài sản nhà cửa để tìm cầu tài sản nội phần tức tu học kiến tạo lợi ích cho mình. Người ấy chuyên tâm rèn luyện Pháp Học Phật Giáo (pariyattisāsanā), Pháp Hành Phật Giáo (paṭipattisāsanā). Người thực hành được như vậy được kể vào tạo trữ ly dục độ đầy đủ.

Trong sự kiện tiến hành được thuận lợi như vậy cũng phải nương vào thiện thí là nhân hỗ trợ tức nương vào tài sản đầy đủ phát sanh từ bố thí độ là nhân, ly dục độ là quả.

3. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho trí tuệ độ sanh lên

Người tại gia hay xuất gia nếu thiếu thốn tài sản, trú xứ không thuận lợi, người đó thường thiếu học về kiến thức thế gian cũng như kiến thức đạo pháp. Cho dù có được học tập thì sự học hiểu cũng bị chướng ngại. Khi thiếu học hoặc học tập không trọn vẹn thì người đó thường thiếu trí tuệ, được gọi là tạo trử trí tuệ độ không thành tựu. Sự kiện này cũng do thiếu bố thí độ làm điều kiện trợ sanh cho trí tuệ độ.

Người cư sĩ hoặc xuất gia mà có địa vị cao đều phải học tập kiến thức có liên quan đến địa vị hay thân phận của mình, cơ hội học tập thuận lợi và thành tựu như ý. Trong xã hội chúng ta thường thấy rằng người sanh trưởng trong gia đình có tài sản con đường thăng tiến của họ thật thuận lợi. Trường đại học là một gạch nối bước thăng hoa cuộc đời, nếu không có tài chánh thì không thể vào đại học. Khi được có cơ hội học lên cao như vậy thì người đó được tiếp nhận và nâng cao kiến thức có nhiều trí tuệ đường tương lai rộng mở.

Nếu nói về phương diện đạo pháp thì người có địa vị và trình độ cao thường có cơ hội thuận lợi học tập về pháp học và chính sự hiểu biết nhạy bén giúp họ tiếp thu nhanh và hiểu sâu sắc các bộ kinh cao. Ngay

cả người xuất gia cũng vậy, vị tỳ kheo nào đầy đủ vật dụng có người hộ độ thì vị tỳ kheo đó có cơ hội học tập về pháp cho đến bậc cao được.

Để trở thành người có địa vị cao có đầy đủ tài sản và là người đầy đủ tứ vật dụng cũng do người đó từng tạo trử thiện thí trong kiếp quá khứ. Mãnh lực của thiện thí làm cho người đó nhận được quả là người giàu có đầy đủ trong kiếp này, đây là nhân làm cho sự học tập được hoàn chỉnh. Khi có học tập hoàn chỉnh thì người đó có trí tuệ tốt có sự hiểu biết rộng rãi được xem là người tạo trử trí tuệ độ là quả thành tựu.

4. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho tinh tấn độ sanh lên

Người nào từng tạo trử thiện thí thì thiện thí đó là quả cho người đó được sanh làm người đầy đủ tài sản vật chất. Khi có đầy đủ tài sản vật chất thì không phải vất vả lo lắng chi cả. Người đó có thể tinh cần thực hành theo đường lối tốt tức chỉ tạo trử bố thí, trì giới, tu tiến tiếp tục bởi không có việc gì làm cho nản chí. Như người có đức tin trong Phật Giáo siêng năng trong việc tạo trử thiện thí, tinh cần trì giới, nỗ lực tu tiến chỉ tịnh, minh sát, sự tinh cần tiến bước theo đường lối tốt của người này sẽ thực hiện được cũng phải nương vào sự không có sự vất vả trong vấn đề tài chánh. Ngược lại nếu cuộc sống vất vả, phải lo toan vấn đề tài chánh thì sự tinh cần trong công việc tốt không tội lỗi thường không thành tựu được. Tức sự nản chí rất dễ dàng bộc phát đưa đến thối chuyển từ công việc đang tốt thì có thể

làm cho tâm của người đó khởi lên sự tinh cần hành động trong công việc theo chiều hướng không tốt. Như tinh cần tạo ác hạnh bằng thân, bằng ngữ, bằng ý cũng chính nương từ sự thiếu thốn vất vả trong vấn đề tài chánh.

Cho nên hàng tín đồ là người có tâm tịnh tín trong việc tạo trử thiện pháp không nên đánh mất thiện thí bởi vì nếu thiếu thiện thí sẽ phải làm người nghèo khổ. Khi là người nghèo khổ thì sự nỗ lực trong đường lối tốt rất khó được thành tựu mà hầu như chỉ có sự đắm chìm triền miên theo đường lối sai quấy. Khi rơi vào trường hợp như vậy thì trong thời vị lai, thân tâm người đó thường không nhận được an lạc mà chỉ có thường xuyên đau khổ.

Điều này trình bày cho thấy rằng tinh tấn độ khởi hiện được phải nương vào bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ.

5. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho nhẫn nại độ sanh lên

Người đầy đủ tài sản là thành quả nhận được từ thiện thí mà mình từng tạo phần nhiều là người có tâm trong sáng tươi tỉnh. Bởi do không bị khổ sở lo lắng về vấn đề nuôi mạng và thường có cơ hội thuận lợi học tập kiến thức cả trong đường lối thế gian lẫn đường lối đạo pháp. Khi được học tập nâng cao trình độ thì tâm của người đó trở nên thanh cao có tư duy tiến hành theo đường lối tốt. Người có tâm hồn cao thượng là người có tánh tình cương nghị thường không nao núng khi đối xúc với các cảnh dù là cảnh tốt hay cảnh xấu. Như khi được tán dương khen ngợi cũng

không kiêu căng thái quá hoặc chàm trán với việc chê bai, xem thường, chà đạp cũng giữ được sự bình thản. Cho nên người này được gọi là người nhẫn nại độ cũng do nương vào bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ.

Đối với người không từng tạo trử thiện thí khi được sanh lên trong kiếp này làm người nghèo khổ lâm vào tình cảnh vất vả thiếu thốn mọi điều thì việc học tập tốt theo đường lối thế gian hay đường lối đạo pháp cũng không được trọn vẹn. Khi không được học tập hoặc trau dồi đầy đủ trong đường lối tốt thì thường tâm của loại người này bị rơi vào thấp kém. Chính vì thế khi va chạm với cảnh tốt hay xấu tâm luôn bị chao đảo xu hướng trôi theo. Nếu được khen ngợi một vài việc thì biểu lộ ngay trạng thái hài lòng, kiêu căng rõ rệt. Hoặc nếu bị va chạm với lời chê bai chỉ trích thì họ phản ứng ngay bằng thái độ thái quá và phản bác lại bằng lời nói không chừng mực. Không có sự chịu đựng với cảnh tốt hoặc xấu được bởi là người không tạo trử nhẫn nại độ cho khởi hiện bởi do làm người nghèo khổ.

6. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho chân thật độ sanh lên

Người nào thiếu thốn tài sản người đó khó gìn giữ sự chân thật được. Như lần đầu tiên có dự tính và nói rằng sẽ tạo phước này phước nọ để vừa đúng với thời gian nhưng không thực hiện được như lời nói, làm cho mình mất đi sự chân thật. Hoặc trong công việc mưu sanh để người này tin tưởng, người kia quan tâm trong công việc của mình đôi khi cũng phải nói dối, đôi khi dùng lời nói hứa hẹn sông không chắc chắn. Đó là

bán rẻ tư cách là mất uy tín đồng thời cũng có nghĩa là mất đi chân thật... liên quan từ việc không đầy đủ tài sản. Chính do nhân sanh làm người thiếu thốn tài sản làm cho chân thật không tồn tại.

Đối với người có đầy đủ tài sản thì trong việc tạo trử chân thật độ được thuận lợi vì không có sự trở ngại trong vấn đề tài chánh. Như nói thế nào thì làm như thế đó cho dù liên quan đến việc buôn bán sanh sống cũng có thể nói thẳng nói thật được mà không phải toan tính. Hoặc khi có lời giao ước với bất cứ ai cũng dễ dàng thực hiện không sai lời... Điều trình bày trên cho thấy rằng đầy đủ tài sản là nhân làm phát sanh chân thật độ được thuận lợi. Đây cũng chính là thành quả nối tiếp nương từ bố thí độ.

7. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho quyết định độ sanh lên

Từ “Adhiṭṭhāna” này có nghĩa là chủ tâm làm một điều tốt hay xấu rồi làm việc đó cho hoàn thành theo chủ tâm gọi là quyết định (adhiṭṭhāna). Nhưng đối với từ quyết định độ (adhiṭṭhānapāramī) nói riêng đến sự chủ tâm làm việc tốt thuộc thiện pháp mà thôi. Cho nên người tạo trử chân thật độ cho thành tựu phải là người có liên quan đến đầy đủ bố thí độ, nghĩa là người đó từng tạo trử thiện thí làm định hướng trong kiếp trước. Chính thành quả của thiện pháp đã từng tạo trử làm cho người đó được an lạc đầy đủ tài sản trong kiếp này. Nên khi người này có chủ tâm tạo thiện pháp tiếp tục thì luôn được thành tựu đúng theo chủ tâm. Như chủ tâm thảng sau sẽ cúng dường đến chư tăng thì hoàn

thành ý định đúng thời gian mà mình chủ tâm. Hoặc chủ tâm vào mùa an cư sẽ xếp lại việc sanh kế để thọ trì giới, thính pháp hay thực hành chỉ tịnh, minh quán suốt ba tháng cũng hạ quyết tâm thực hành đúng theo chủ tâm của mình. Hoặc chủ tâm học để hiểu biết về pháp chơn để cho đến khi thành tựu... Bởi do là người có tài sản đầy đủ nên đối với sự việc thực hành trong các thiện sự được không phải đắn đo nên làm cho người đó tạo trử quyết định độ được đúng theo ý muốn.

Còn đối với người thiếu thốn hoặc không đầy đủ tài sản nếu như có chủ tâm tạo các việc như đã đề cập cũng thường hay gặp trở ngại nên không được thành tựu như ý muốn bởi vì chưa thể bỏ mặc công việc sanh kế. Là vấn đề tương phản với người có tài sản nên loại người này thường tạo trử không hoàn thành quyết định độ, cũng chính do thiếu thiện thí là một phần pháp độ làm điều kiện hỗ trợ cho quyết định độ.

Quyết định độ này là pháp độ phải luôn luôn cùng khởi hiện chung với các pháp độ khác, bởi vì chỉ duy nhất quyết định độ thường thì không thành tựu chi cả. Tức chỉ có chủ tâm làm mà không làm được, loại này không được xếp vào quyết định độ. Phải hội đủ hai loại là chủ tâm rồi thực hành bằng thân, bằng ngữ cho hoàn tất đúng theo chủ tâm mới được xếp vào quyết định độ.

8. Bồ thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho từ tâm độ sanh lên

Người được sanh làm người giàu sang đầy đủ tài sản, thuộc hạ, là thành quả nhận được từ việc tạo trử

bố thí. Phần nhiều là người được người khác tôn kính cho nên mới không gặp phải trở ngại trong việc làm cho tâm của mình khởi lên sự thương mến đối với người khác. Các việc đó làm điều kiện bù đắp lại cho tâm thương mến mong muốn cho người khác nhận được an lạc giống như mình. Được kể là người đó có tâm từ khởi lên cũng gọi là từ độ (mettāpāramī) được nối tiếp từ bố thí độ là nhân.

Ngược lại với người nghèo khổ bởi vì thông thường người nghèo khổ không được thương mến. Như khi có người nhắc đến hầu như không có được sự cung kính vì thế từ tâm của người ấy rất khó khởi lên được. Bởi vì tâm thường luôn bị ám ảnh bởi những nghĩ suy:

- “Ta là người nghèo khổ không thể có được sự dịu dàng thương mến thế thì tại sao ta phải thương mến người khác ta hãy thương thân của ta thì tốt hơn”.

Như vậy có nghĩa là từ tâm là một phần của pháp độ thường không khởi lên được với người nghèo khổ.

Vấn: *Có một số người có thể có sự thắc mắc khởi lên rằng sự thương mến đối với con, cháu, chị, em, chồng, vợ, cha, mẹ gọi là tạo trử từ tâm độ được hay không?*

* **Đáp:** Không được gọi là từ tâm độ. Vì thông thường tất cả chúng sanh trong thế gian này thường có sự thương mến đối với con, cháu, chị, em, chồng, vợ, cha, mẹ của mình đó là điều nhất định. Đừng nói chỉ nhân loại mà ngay cả bàng sanh cũng luôn có sự thương mến con của mình và thương yêu đồng loại của

mình. Sự thương mến loại này gọi là từ tâm thông thường. Loại từ tâm này khởi lên do nương vào nguồn gốc của ái dục Tanhapema tức sự thương mến do ái dục làm nhân cho phát sanh từ tâm.

Còn từ tâm độ là thương mến khởi lên do không liên quan đến ái dục làm nhân. Là sự thương mến đối với đồng loại cho đến tất cả bàng sanh cùng sanh lên chung trong thế gian không có giới hạn riêng biệt. Chỉ có chủ tâm làm cho tất cả chúng sanh nhận được an lạc cùng khắp mới gọi là từ tâm độ viên mãn.

+ Đối với hành xả độ (upekkhāpāramī) là pháp độ không liên quan đến bố thí độ làm nhân. Bởi vì người có tâm hành xả phải làm cho mình giống như mặt đất. Thông thường mặt đất nhận lãnh tất cả mọi thứ dù là tốt hay xấu mà không có tình trạng thay đổi. Người có hành xả độ cũng giống như vậy, tức không có sự vừa lòng hay bất mãn đối với tất cả mọi cảnh vật. Như nhận được lời tán thán ngợi khen cũng không khởi lên kiêu căng vui thích, khi nhận phải lời chê bai chỉ trích cũng không khởi lên chấn động nao núng. Như vậy đây mới là điều khó khăn đối với người giàu có tài sản có thể làm cho mình trở thành người thản nhiên đối với cảnh tốt lẫn xấu được.

Người tạo trử hành xả độ được hoàn mãn phải là người tạo trử trì giới độ, ly dục độ, trí tuệ độ, tinh tấn độ, nhẫn nại độ, quyết định độ được thành tựu trước rồi mới làm cho hành xả độ sanh lên sau được. Cho nên bố thí độ mới không làm làm điều kiện hỗ trợ cho hành xả độ khởi hiện được.

9. Bố thí độ làm điều kiện hỗ trợ cho bố thí độ sanh lên

Thiện thí là pháp độ mà người đã tạo trữ trong kiếp quá khứ, thường cho quả làm cho người đó nhận được an lạc đầy đủ tài sản sai khác trong kiếp hiện tại. Và với tâm từng có đức tin với việc tạo trữ bố thí trong lần sau đó làm điều kiện mạnh mẽ (cận y duyên) tiếp nối kết chặt trong cơ tánh của người đó. Nên khi được sanh làm người trong kiếp này mới có đức tin khởi lên trong tâm luôn muốn tạo trữ thiện sự. Và khi được sanh trong hoàn cảnh giàu có đầy đủ rồi thì sự kiện tạo trữ thiện thí của người đó không có chi trở ngại mà thường thực hiện được thuận lợi đúng theo chủ tâm.

Nếu người nào không từng tạo trữ thiện thí trong kiếp trước thì thường sanh làm người không đầy đủ tài sản. Chính vì trở ngại trong vấn đề tài chánh nên trong kiếp này tâm khởi lên suy nghĩ muốn tạo trữ bố thí cũng không thể thực hiện được một cách thuận lợi. Như vậy cũng được kể người đó vào không có cơ hội kiến tạo bố thí được. Đây là trình bày cho thấy được rằng bố thí độ mà người đã từng thực hiện cũng làm điều kiện hỗ trợ cho bố thí độ mới được sanh lên nữa.

SỰ KHÁC BIỆT TRONG VIỆC SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA BẠC CHÂN NHÂN VÀ PHI CHÂN NHÂN

Người hội đủ tài sản và có tâm trở thành bậc chân nhân có sự khéo léo sắp xếp trong việc tiêu xài tài sản của mình một cách thích hợp. Và để được thuận

lợi nên phân chia tài sản đang có cho con cháu theo thích hợp, đồng thời cắt đứt đi sự bận tâm làm cho lo lắng. Phần tài sản còn lại là phần của chính mình để sử dụng đem lại được lợi ích trong việc tạo trữ bố thí tiếp tục.

Khi người nào hiểu biết sắp xếp công việc liên quan đến tài sản của mình được vén khéo thì được thuận lợi thoải mái tâm không lo âu vương bận để hưởng về tạo trữ thiện sự cho tốt đẹp. Việc thực hiện thiện sự đó thường làm cho phát sanh hỷ duyệt, như vậy được kể như là tự mình được may mắn hạnh phúc. Đây cũng là định luật đối với tất cả những người hiểu biết cả hàng cư sĩ lẫn tu sĩ suốt cho đến tất cả chư thiên hộ trì cũng cùng nhau vui mừng tùy hỷ.

Đối với người thiếu sự hiểu biết thì người khéo sắp xếp này sẽ là tấm gương đem lại lợi ích cho họ có thể phát sanh đức tin thực hành theo để nhận được an lạc trong cuộc sống.

Trong bộ Lokaniti có trình bày thông thường tài sản của bậc chân nhân cho dù có ít cũng là nơi nương nhờ cho người khác được. Giống như nước trong giếng thường là nhu cầu cho việc ăn uống, tắm rửa, giặt giũ đối với tất cả chúng ta.

Còn về tài sản của người không phải là bậc chân nhân cho dù có nhiều cũng không là nơi nương cho người khác được. Giống như nước trong đại dương, bởi vì nước trong đại dương có vị mặn không sử dụng để tắm rửa, ăn uống, giặt giũ được.

Như pāli dẫn chứng trình bày trong bộ Lokaniti:

Dhanamappampi sādhanam kūpe vāri va nissayo

Bahum apī asādhanam na ca vāri va añṇave

Tài sản của bậc chân nhân cho dù chỉ chút ít cũng là nơi nương cho người khác được, giống như nước trong giếng. Tài sản của người phi chân nhân cho dù có số lượng nhiều cũng không là nơi nương cho người khác được, giống như nước trong biển cả.

Trường hợp khác nữa, tài sản của bậc chân nhân phần nhiều đưa đến lợi ích cho Phật Giáo bởi nhắm đến thành quả trở thành pháp độ cho mình. Cho nên các bậc chân nhân mới sử dụng tài sản của mình làm lợi ích trong việc bố thí, trì giới và tu tiến. Vì vậy, tài sản của bậc chân nhân mới giống như nước sông hoặc quả trên cây. Bậc chân nhân là hiện thân của nước sông hoặc quả vì thông thường nước sông không tự uống được nước và cây cối không tự mình ăn quả được mà chỉ đem đến sự lợi ích cho người khác.

Lại nữa, khi mưa rơi xuống khắp mặt đất và mặt biển cả một cách vô tư không có giới hạn, thì các bậc chân nhân cũng dùng tài sản của mình để làm cho lợi ích chung như lợi ích thế gian, lợi ích siêu thế bằng cách không phân biệt rằng phải làm lợi ích cho con cháu và quyến thuộc, bạn bè...

Như dẫn chứng pāli trình bày trong bộ Lokaniti:

Āpaṃ pivanti no najjā rukkhā khādanti no phalaṃ

Vassanni kvaci no meghā puratthāya satam dhanam

Thông thường nước sông đang hiện hữu không tự mình uống được, cây cối không tự mình ăn quả trái, thường nhiên mưa rơi thường không giới hạn thì tài sản của bậc chân nhân cũng đem đến lợi ích cho người khác giống như vậy.

Bậc Chánh Đẳng Giác thuyết: Tài sản nào đang có với bậc chân nhân hằng đem lại cho chủ nhân tài sản ấy đến nhàn cảnh. Nếu tài sản nào đang có với người có thiếu trí xấu xa thì thường đem lại cho chủ nhân tài sản ấy đến khổ cảnh. Bởi vì tài sản của người thiếu trí thường đưa đến con đường trụy lạc. Do không sử dụng đúng pháp nên thường gây tổn hại cho người khác. Cho nên tài sản của người có trí tuệ thấp kém này được gọi là người sát hại chủ nhân.

Như dẫn chứng pāli trình bày trong chú giải Pháp Cú (Dhammapādaatthakathā):

Hananti bhogā dummedham no ca pāragavesino

Bhogataṇhāya dummedho hanti aññeva attānaṃ

Tất cả mọi tài sản thường sát hại người có trí tuệ xấu xa nhưng không giết được người tìm kiếm được bến bờ.

Thông thường người có trí tuệ xấu xa thường giết mình giống như giết người khác bởi lòng tham đắm hưởng thụ nên tự nguyện làm con thiêu thân lao mình vào ánh sáng chết người.

Các bậc hiền trí khi quán xét thấy được lợi ích và tai hại trong việc sử dụng tài sản nên mới sử dụng tài sản của mình một cách chân chánh như bố thí, trì

giới, tu tiến làm nhân dẫn dắt mình đến nhàn cảnh.

Bậc Chánh Đẳng Giác của chúng ta kể từ khi xuất gia rời bỏ kinh thành (Mahābhīṣakarama) cũng nhận được sự hỗ trợ từ việc làm chủ tài sản của bậc chân nhân cho đến khi tác thành Toàn Giác Tuệ. Sau khi đã chứng ngộ ngài tuyên bố giáo pháp như pháp học, pháp hành và pháp thành hiển lộ lên trong thế gian, cũng do nương vào việc làm chủ tài sản có đức tin trong Phật Giáo của trưởng giả Anāthapiṇḍika, tín nữ Visākhā và đức vua Bimbisāra...

Khi Đức Phật Níp Bàn thì giáo pháp tức Tam Tạng, việc học tập, tu tiến, xuất gia cho đến những công trình kiến tạo đền tháp kiên cố là nơi tôn kính trang nghiêm để cúng dường lễ bái làm cho phát sanh đức tin đối với tất cả dân chúng. Tất cả di tích ấy đang hiện bày suốt cho đến ngày nay cũng do nương vào việc làm chủ tài sản của bậc chân nhân, các ngài đã từ bỏ tài sản để gìn giữ vun bồi. Nếu như không có sự làm chủ tài sản của bậc chân nhân hỗ trợ thì giáo pháp sẽ không được phát triển lan rộng cho đến ngày nay. Vả lại tất cả người là chủ tài sản cũng là người đã từng tạo trử bố thí trong kiếp quá khứ. Bởi vì nếu không từng tạo trử thiện thí thì không thể sanh lên làm người đầy đủ tài sản được. Khi thiếu mất loại người này thì cũng không có người hộ độ cho giáo pháp phát triển dài lâu. Đây cho thấy rằng Phật Giáo có sự học tập, thực hành và đắc chứng thiền định, thần thông, Đạo, Quả, Níp Bàn, việc xuất gia, kiến tạo vất vả lâu dài như chùa, tịnh xá và bảo tháp xá lợi... việc thành lập giáo trình theo môn học trong Phật

Giáo. Các việc này có thể bảo tồn và duy trì được tính từ thời kỳ Đức Phật cho đến ngày nay cũng chính do nương vào người có tâm tịnh tín đối với việc tạo trữ thiện thí.

*Người Muốn Thực Hành An Lạc
Phải Thực Hành Như Thế Nào?*

Bậc Chánh Đẳng Giác thuyết giáo:

Mattāsukhapariccāgā

Passe ce vipulaṃ sukhaṃ

Caje mattāsukhaṃ dhīro

Sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ

Nếu người thấy được lạc quảng đại bởi từ bỏ lạc vừa chừng, người có trí tuệ khi thấy được lạc quảng đại nên từ bỏ lạc vừa chừng.

Theo Phật Ngôn (buddhaovāda) này trình bày cho thấy được người nào muốn được lạc cao quý hơn lạc mà mình đang nhận được trong lúc này, người đó nên chấp nhận từ bỏ lạc nhỏ nhoi.

Thích giải: Người nhận được an lạc trong kiếp này cũng do người đó là người đầy đủ tài sản cho nên sự sinh hoạt và hưởng thụ thường như ý, đây là quả nhận được từ việc làm tốt. Từ đó cũng có một số người say đắm trong các cảnh mà mình đang nhận được có suy nghĩ rằng: “Ta được nhiều an lạc”. Đó là tư tưởng phát sanh từ sự dễ duôi bởi tâm đắm chìm trong trụ lạc nên không nghĩ được đến việc tạo trữ các thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến. Người như vậy được

gọi là người tồn tại trong sự dễ dãi nhìn thấy sự an lạc nhỏ nhoi mà mình đang tận hưởng cho đó là sự an lạc cao tột. Nhưng thật ra sự an lạc tốt hơn, cao quý hơn vẫn còn có nhiều nữa. Nếu như trí tuệ bị mai một thì khó thấy được đây chỉ là sự an lạc thấp thỏi nên chấp giữ mà không chịu từ bỏ đi.

Còn đối với người có trí tuệ thì cho dù mình đang hưởng an lạc sung sướng cũng không có sự chấp thủ quá đáng. Bởi vì suy xét thấy được rằng sự an lạc mà ta đang nhận được chính do thành quả mà ta đã từng tạo trử thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến. Nếu không tiếp tục tạo trử thiện pháp thì nhất định các sự an lạc này không đến với ta nữa. Vì vậy ta không nên mãi say mê sự an lạc này mà không tạo trử thiện pháp nữa. Bởi khi mãi mê tận hưởng mà bỏ rơi thiện pháp cũng có nghĩa là ta đang chuẩn bị đón nhận một hoàn cảnh khốn bức.

Trường hợp khác nữa, sự an lạc tốt hơn, cao quý hơn ta đang nhận được vẫn còn nhiều hơn nữa, tốt hơn nữa. Vì vậy không nên bám giữ an lạc nhỏ nhoi này mà nên từ bỏ để trong thời vị lai sẽ được an lạc cao quý hơn, tốt hơn. Người có trí tuệ suy xét thấy được như vậy thì tâm không bám giữ các an lạc mà mình đang nhận được và niềm tin tưởng đối với việc tạo trử thiện pháp càng được vun bồi. Có như thế thì sự bố thí, trì giới, tu tiến của người đó không thối chuyển. Họ hiểu rằng sự an lạc mà mình đang nhận được phát xuất từ việc tạo trử bố thí cũng như trì giới, tu tiến. Nếu muốn làm cho thiện thí tiến triển thì người đó phải chịu bố thí tài sản, muốn làm cho thiện

giới hiện khởi thì người đó phải chịu từ bỏ an lạc cá nhân như vui thú hân hoan... cần thu thúc đối với sự ăn, cảm thọ, việc làm... Tóm lại thiện trí hiện khởi phải nương vào thu thúc thân, ngữ cho tiến hành tốt đẹp theo như mình thọ trì.

Còn thiện tu tiến khởi hiện được cần phải từ bỏ an lạc vui thú... nghĩa là thường xuyên thu thúc mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm không cho phiền não sanh lên. Phải tinh cần cho tâm của người đó trú vào trong cảnh nghiệp xứ chỉ tịnh và nghiệp xứ minh quán. Không buông thả tâm mình duyên theo sự vừa lòng từng có khi trước, nghĩa là chính thiện tu tiến này liên quan đến việc gìn giữ cai quản tâm trực tiếp. Như theo đường mắt tức thấy cảnh vật đẹp nếu không thu thúc phòng hộ tâm thì sẽ đưa đến ưa thích đối với cảnh làm cho phiền não tham khởi lên. Cho nên người muốn làm cho thiện tu tiến khởi hiện phải từ bỏ an lạc theo đường mắt làm cho niệm, tỉnh giác sanh lên phải ghi nhận “Thấy à!”. Đó là người đó thu thúc tâm khởi lên theo đường mắt là nhân làm cho khởi hiện tu tiến. Trong đường tai, mũi, lưỡi, thân cũng theo phương pháp thu thúc giống như vậy.

Trong việc thu thúc tâm như khi tâm suy nghĩ cảnh liên quan đến ngũ dục nếu người đó không có niệm tỉnh giác thì sẽ thả tâm trôi dạt theo sự suy nghĩ là nhân cho phiền não phóng tán che án. Nếu ưa thích trong cảnh thì tham, tà kiến, ngã mạn phiền não xuất hiện rủ nhau mà đến. Vì vậy khi suy nghĩ trong cảnh như đã đề cập phải thu thúc tâm làm cho niệm, tỉnh giác sanh lên bằng cách ghi nhận “Biết à!”. Khi ghi nhận

biết như vậy thì thiện tu tiến cũng sanh lên với người đó. Điều trình bày này cho thấy rằng tạo trử thiện tu tiến phải liên quan đến nhiếp phục tâm trực tiếp.

Tóm lại: Muốn được an lạc tốt đẹp hơn mình đang có thì phải cố công từ bỏ sự an lạc mà mình đang nhận được. Giống như thương buôn muốn được gia tăng lợi tức thì bắt buộc phải dùng tiền đang có mà đầu tư vào các mặt hàng. Khi tiêu thụ được hàng hóa rồi thì tức nhiên lợi tức cũng theo tỷ lệ mà tăng lên. Nếu tiếp tục dồn vốn đầu tư thì chắc chắn công việc làm ăn càng ngày càng phát đạt.

Một lý khác nữa, ví như người nông dân bởi vì mong muốn vụ mùa được bội thu nên bắt buộc phải lấy lúa giống mà mình cất giữ gieo xuống ruộng. Hạt lúa giống được gieo xuống theo thời vụ và mưa nắng thuận hòa thì hạt lúa ấy được nảy mầm mạnh mẽ rồi lớn dần lên xanh tươi đơm bông, trĩu hạt. Đến vụ thu hoạch người nông dân được số lượng lúa nhiều hơn số lượng mà mình gieo xuống ruộng gấp hàng triệu triệu lần. Cũng vậy người chịu từ bỏ an lạc nhỏ thì sẽ nhận được quả an lạc tốt hơn, nhiều hơn hàng vô số lần. Nghĩa là người dùng tài sản thường xuyên tạo trử thiện thí bằng tâm lực mạnh mẽ thì ngay trong kiếp sống này có thể có lại nhiều hơn mình xả thí nữa. Khi người đó mệnh chung từ kiếp này được sanh lên làm người hay chư thiên cũng luôn nhận được an lạc cả bên trong lẫn bên ngoài. Là người đầy đủ tài sản, thuộc hạ thân hữu nhiều hơn mình đã từng được trong kiếp trước. Còn trong việc mưu sinh cũng luôn nhận được nhiều hơn là mình bỏ ra. Việc thành quả khởi hiện trong vị lai

tức khi mệnh chung từ kiếp này được sanh làm người trong kiếp tiếp theo quả nhận được cũng an lạc sung sướng đầy đủ tài sản thêm lên, nếu được sanh vào thiên giới cũng nhận được an lạc càng vi tế hơn.

Nếu từ bỏ an lạc liên quan với việc trì giới thì người đó được quả an tâm, lạc thân, trường thọ, có danh vọng quyền thế nhiều hơn. Nếu từ bỏ an lạc tiến hành liên quan đến việc tu tiến thì người đó nhận được quả thực chứng được lạc vắng lặng mà mình chưa từng được thực chứng như lạc thiền định, lạc phạm thiên, lạc nhập thiên quả, lạc nhập thiên diệt và lạc tịch tịnh. Chính là pháp nhận được bù đắp lại việc từ bỏ an lạc đang có. Trong khoảng thời gian thực hành nếu như chưa chứng đắc thành tựu chỉ tịnh hay minh quán nếu thân hoại mệnh chung trong khoảng giữa giai đoạn đó cũng sẽ được sanh lên làm người, chư thiên và luôn thọ hưởng được dục lạc tốt hơn, vi tế hơn ban đầu hàng nhiều lần.

Do đó tất cả hàng thiện tín khi suy xét thấy được lợi ích theo Phật Ngôn như đã trình bày trên, nên chấp nhận từ bỏ an lạc nhỏ nhoi rồi nỗ lực tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến là nhân phát sanh an lạc quảng đại theo lời giáo huấn của Bạc Chánh Đăng Giác thuyết giáo.

Lại nữa, Bạc Chánh Đăng Giác thuyết trong chú giải pháp cú (dhammapadāṭṭakāthā) kệ ngôn:

Navekadaliyādevalokaṃ vajjanti bālā ha
venappasaṃsanti dānaṃ dhīro va dānaṃ anumodaṇāno
teneva so hoti sukhī paramattha.

Người bôn xển sẽ không sanh về thiên giới được, thường thì người ngu không tán thán việc tạo trử bố thí. Đối với bậc hiền trí thường hài lòng trong việc tạo trử bố thí mà còn dẫn dắt người khác trong việc tạo trử thiện thí. Cho nên bậc hiền trí mới có sự an lạc thân tâm trong thế gian vị lai.

Thích giải: Thiên giới là nơi của tất cả bậc thiện nhân bởi vì nơi này đủ loại sự an lạc viên mãn. Tất cả cảnh như sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm đều thuộc loại cảnh vi tế, đáng yêu mến, đáng vui thích đều thấp tùng theo. Cho nên người có tâm bôn xển, keo kiệt không từng suy nghĩ đến việc tạo trử bố thí không thể đi đến nơi này được.

Người không có sự hiểu biết lẫn không có đức tin, không tin nghiệp quả của nghiệp, không tin có đời này và đời sau có tâm thấp kém thường không tán thán đối với việc tạo trử bố thí mà còn chỉ trích xem thường. Còn đối với bậc hiền trí hiểu biết về nghiệp và tin vào nghiệp, tin vào quả của nghiệp lẫn kiếp này và kiếp sau, thường hoan hỷ tán thán tạo trử bố thí và thường xuyên kiến tạo và đôi khi cũng chỉ dẫn người khác tạo trử như mình. Chính do nhân này có một nhóm người được gọi là người có phước vì thường nhận được an lạc cả thân và tâm cả trong đời này và đời sau lẽ đương nhiên lại càng an lạc hơn.

Trong số giải Thanh Tịnh Đạo trình bày việc tạo trử bố thí được thành tựu hai lợi ích như kệ ngôn:

Adantadamanam dānam dānam sabbattha sādhamam
Dānena piyavācāya unnamanti namanti ca.

Chỉ thuần nhất bố thí làm cho thành tựu được hai lợi ích và việc bố thí cùng với lời nói khả ái làm cho thành tựu được hai lợi ích nữa.

Việc bố thí làm cho thành tựu được 2 lợi ích:

1. Bố thí có thể làm cho người có tâm thô cứng cương ngạnh trở thành người có tâm dịu dàng nhu thuận.
2. Có thể làm cho công việc của mình được thành tựu tốt đẹp được.

Bố thí cùng với lời nói khả ái làm cho thành tựu được 2 lợi ích nữa:

1. Bố thí cùng với lời nói khả ái làm điều kiện hỗ trợ tinh thần lẫn nhau, làm cho người thương mến quý trọng nhau rồi làm cho sự thương mến quý trọng ấy tăng trưởng thêm lên.
2. Có thể làm cho tâm của người chưa thương mến hoặc người thương mến nhưng chưa thân thiết được khẩn khít thân thiết nhau.

Tóm lại, quả đạt được của việc tạo trử bố thí, trì giới, tu tiến ngài giáo thọ sư tiền bối nêu lên trình bày:

- *Dānamayo cha kāmāvacaro Thiện thí có thể làm cho sanh lên sáu tầng thiên giới.*
- *Sīlamayo akaniṭṭho Thiên giới có thể làm cho sanh lên cõi sắc cứu cánh.*
- *Bhāvanāmayo amatapphalo Thiện tu tiến có thể làm cho tác chứng Níp Bàn.*
- *Bhutto Ān rồi thì trở lại thành vật rỗng không.*

- Thapito Cát giữ thì có lợi ích trong lúc chưa chết.
- Mato Chết rồi thì trở thành thành quả của người khác.

Bố thí làm thiện thì nhận được lợi ích cả đời này lẫn đời sau.

Bố thí thành tựu được phải đầy đủ 3 chi phần:

Trong Tăng Chi Kinh pháp 3 chi trình bày:

1. Saddhāpasanna: Đức tin về nghiệp và quả của nghiệp.
2. Deyyadhamma: Vật thí.
3. Dakkhineyya: Người thọ thí.

Cả ba pháp này nếu thiếu một pháp nào thì việc tạo thiện thí không thành tựu được.

Bố thí có thể cho quả trong hiện tại phải kết hợp 4 chi phần:

1. Dhammiyakaddhavatthu: Vật thí có được phải đúng pháp.
2. Abhippasanna: Người dâng cúng phải là người có đức tin dưng mãnh.
3. Khīṇāsava: Bạc thọ thí là bạc lậu tận.
4. Guṇātirekatā: Bạc lậu tận hội đủ ân đức đặc biệt như vừa mới xuất thiền diệt.

Khi đầy đủ 4 chi người bố thí nhận được quả chắc chắn trong vòng bảy ngày.

(Trong Tăng Chi Kinh)

TRÌNH BÀY VIỆC NHẬN ĐƯỢC TRONG 3 THỜI BỞI MÃNH LỰC CỦA 3 TƯ

1. Pubbacetanā: Chủ tâm trước khi bố thí, trì giới hoặc tu tiến.

2. Muñcacetanā: Chủ tâm trong lúc đang bố thí, trì giới hoặc tu tiến.

3. Aparacetanā: Chủ tâm khi đã hoàn thành bố thí, trì giới hoặc tu tiến.

Thích giải: Người tạo trữ thiện pháp dù bố thí, trì giới hoặc tu tiến đi nữa nếu muốn cho thiện pháp của mình làm nhận được quả tốt đẹp không thiếu sót phải hội đủ 3 tư:

1. Chủ tâm trước khi làm nghĩa là trước khi người đó bắt tay vào bố thí, trì giới hoặc tu tiến có chủ tâm như không kết hợp với tham, ngã mạn hoặc không hài lòng, hối tiếc... Các việc liên quan với thiện pháp mà mình chủ tâm sẽ làm chỉ có sự vui thích, hài lòng, hân hoan. Như vậy được xếp người đó vào có tư tiền hoàn hảo.

2. Chủ tâm trong lúc đang làm nghĩa là đang bố thí, đang trì giới hoặc đang tu tiến chỉ tịnh, minh quán mà có tâm kiên quyết trong sáng đối với việc làm của mình. Trong lúc đó cũng không có sự bực tức hoặc không hài lòng... khởi lên. Như vậy được xếp người đó vào có tư hiện hoàn hảo.

3. Chủ tâm khi đã làm hoàn tất nghĩa là khi đã bố thí hoặc trì giới, tu tiến chỉ tịnh và minh quán thành

tự rồi thì có tâm trong sáng vui thích đối với thiện pháp của mình và khi nghĩ nhớ đến thì thường phát sanh hỷ lạc, không bị hối tiếc hoặc không vừa lòng chi cả. Như vậy người đó được xếp vào có tư hậu hoàn hảo.

Khi có tư hoàn hảo cả ba giai đoạn này thì người tạo thiện pháp nhận được quả trong tất cả các thời kỳ, tức:

1. Có tư tiền hoàn hảo trong thời kỳ đầu tiên thì trong khoảng giữa tuổi thọ 25 năm là người có đầy đủ tài sản là quả của việc tạo thiện thí, là người an tâm lạc thân, trường thọ là quả của việc trì giới và là người có sự ghi nhớ tỉnh thức (satisampajañña) đầy đủ, tâm vững mạnh, có trí tuệ thông minh và lanh lợi trong thực tánh pháp là quả nhận được từ việc tu tiến chỉ tịnh hoặc minh quán.

2. Có tư hiện hoàn hảo trong lúc thời kỳ giữa này là tính từ tuổi thọ 25 năm trở đi cho đến 50 năm thì nhận được các sự an lạc như đã đề cập trên.

3. Có tư hậu hoàn hảo trong thời kỳ sau cùng là tính từ tuổi thọ 51 năm... trở đi cũng nhận được các sự an lạc như đã đề cập trên.

Theo như giải thích trên chúng ta thấy được rằng giai đoạn sống của con người không đồng đều nhau. Có một số người vào giai đoạn thiếu thời đã nhận được sự an lạc đầy đủ nhưng vừa vào đến trung thời thì gặp phải vất vả khổ sở cho đến ngày chết, một số người ở vào giai đoạn thiếu thời (paṭhamavaya) thì vất vả khi vừa vào lãnh vực trung thời (majjhimavaya) thì nhận được an lạc trở đi suốt, một số người khi thiếu thời

lần trung thời thì vất vả đến hậu thời (pacchimavaya) mới nhận được an lạc, một số người khi thiếu thời và trung thời thì an lạc khi vừa đến hậu thời thì lại vất vả, cũng có một số người được an lạc sung sướng suốt cả cuộc sống và cũng có một số người cơ cực suốt cả cuộc đời.

Sự trình bày này cho thấy sự liên quan mật thiết với ba tư trong lúc tạo thiện pháp bố thí, trì giới. Cho nên dù tạo bất cứ thiện pháp nào cũng nên chú tâm làm cho tốt cả ba thời mới nhận được quả hoàn hảo không thiếu sót.

Như Đức Phật giáo giới thuyết trong kinh Tăng Chi Kinh pháp 6 chi:

Pubbeva sumano dānā dadam̐ cittam̐ pasādaye

Datve attamano hoti esā paññassa sampadā

Trước khi bố thí hãy là người có tâm vui thích, khi đang bố thí nên làm cho tâm tịnh tín, khi đã bố thí hãy là người có tâm hân hoan. Đây là sự thành tựu phước báu.

TRÌNH BÀY VIỆC TẠO TRỮ BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, TU TIẾN THUỘC THIỆN NHỊ NHÂN VÀ TAM NHÂN

THIỆN NHỊ NHÂN

Người nào không hiểu biết trong vấn đề hành pháp liên quan với việc tạo trữ các thiện pháp như không hiểu rằng: làm tốt nhận được quả an vui, làm xấu thì phải nhận đau khổ, tất cả chúng sanh trong thế gian này có nghiệp là của ta, nghiệp dẫn đầu là người sắp xếp cho tất cả chúng sanh. Người không biết như vậy gọi là người đó không hội đủ nghiệp sở thuộc trí (kammassakatāñāṇa). Hoặc người nào mà không hiểu biết quán xét rằng tất cả pháp hữu thức lẫn vô thức trong thế gian này không có gì ngoài ra danh và sắc. Danh sắc này gọi là người, là thú... hàng sanh lên rồi diệt đi là vô thường, khổ, vô ngã khắp cùng không bền vững chắc chắn chi cả. Không hiểu biết như vậy gọi là người không hội đủ tuệ quán (vipassanāñāṇa). Cho nên hạng người này dù tạo trữ bất cứ thiện pháp nào thì thiện pháp đó cũng chỉ được gọi là thiện nhị nhân là thiện bất tương ưng trí.

THIỆN TAM NHÂN

Người nào có trí tuệ biết về vấn đề nghiệp và quả của nghiệp rằng tạo trử thiện nhận được quả an lạc, tạo trử bất thiện phải nhận hậu quả khổ đau. Tất cả chúng sanh trong thế gian này có nghiệp là vĩ đại dẫn đầu sắp xếp, hiểu biết như vậy gọi là có nghiệp sở thuộc trí. Hoặc người nào có trí tuệ biết rằng tất cả pháp trong thế gian này dù hữu thức hay vô thức đi nữa cũng chỉ có danh và sắc. Danh và sắc này là pháp vô thường hằng khởi hiện rồi diệt mất đều là pháp vô thường, khổ, vô ngã. Cho nên trong việc tạo trử thiện pháp... thì người cúng dường cũng có thực tánh vô thường, vật thí cúng dường có thực tánh vô thường, người thọ thí cũng có thực tánh vô thường lẫn tâm thiện khởi hiện vào sát na tạo trử thiện pháp cũng vô thường, nhưng quả của thiện pháp đó không hoại mất phải nhận được chắc chắn trong vị lai. Việc hiểu biết như vậy gọi là có nghiệp sở thuộc trí lẫn tuệ quán cho nên khi hạng người này tạo trử bất cứ thiện pháp nào đi nữa thì thiện pháp đó được gọi là thiện tam nhân, tức thiện tương ưng trí.

Vì vậy thiện tam nhân mới xếp ra được thành 3 nhóm:

1. Thiện tam nhân kết hợp với nghiệp sở thuộc trí.
2. Thiện tam nhân kết hợp với tuệ quán.
3. Thiện tam nhân hội đủ với nghiệp sở thuộc trí và tuệ quán.

Cả ba loại thiện tam nhân này thì thiện tam nhân hội đủ nghiệp sở thuộc trí và tuệ quán thù thắng hơn hai thiện tam nhân còn lại.

Thiện nhị nhân và thiện tam nhân sanh khởi được với loại người nào?

Tất cả mọi người trên thế gian này dù là trẻ con hay người lớn đi nữa thường cũng có tạo trử thiện pháp như nhau theo tương ứng với tuổi tác, địa vị, chủng tộc. Cho nên thiện pháp khởi hiện với tất cả nhóm người này thường là thiện nhị nhân và thiện tam nhân như trình bày sau đây:

1. Thiện nhị nhân khởi lên phần nhiều với trẻ con và người lớn ngoài Phật Giáo. Do trẻ con thường chưa hiểu biết về vấn đề tội phước và người lớn phần nhiều ngoài Phật Giáo không tin quả của tội và phước.

Một số thiện tín không quan tâm hiểu biết về Phật Giáo chỉ gọi lên là thiện trí mà thôi. Hạng người này tạo thiện pháp cũng chỉ tạo theo phong tục tập quán chứ không tạo bằng tâm tịnh tín. Cho nên thiện pháp khởi hiện với hạng người này được liệt vào là thiện nhị nhân.

Một số thiện tín có hiểu biết quan tâm về Phật Giáo nhưng trong lúc tạo thiện pháp thì không có chủ tâm tạo thật sự mà phân tâm toan tính nhiều về vấn đề khác. Vì vậy thiện pháp khởi hiện trong lúc đó được xếp vào thiện nhị nhân.

2. Thiện tam nhân kết hợp với nghiệp sở thuộc trí sanh khởi với thiện tín có đức tin về nghiệp và quả

của nghiệp nhưng chưa đạt đến danh sắc và sự sanh diệt của danh sắc.

3. Thiện tam nhân kết hợp với tuệ quán khởi hiện với thiện tín đang tu tiến minh quán hoặc lúc đang suy quán danh sắc bằng vô thường, khổ, vô ngã.

4. Thiện tam nhân hội đủ nghiệp sở thuộc trí lẫn tuệ quán sanh khởi với thiện tín lúc quán xét tất cả chúng sanh trên thế gian đều có nghiệp là người cai quản như nhau. Và tất cả chúng sanh mà người này, người kia gọi với nhau là người nam, người nữ... cũng chỉ là danh và sắc là vô thường, khổ, vô ngã không sai khiến được. Người suy quán như vậy được gọi là loại thiện hội đủ nghiệp sở thuộc trí và tuệ quán.

TRÌNH BÀY PHÂN TÍCH THIỆN NHỊ NHÂN VÀ THIỆN TAM NHÂN BẬC THƯỢNG VÀ BẬC HẠ

1. Người nào tạo thiện pháp bố thí, trì giới, tu tiến trong lúc đang tạo mà cả hai tư tiền và tư hiện diễn tiến hoàn hảo không chen lẫn một loại bất thiện nào. Thì cho dù là thiện nhị nhân hoặc thiện tam nhân đi nữa thì việc tạo phước của người đó được xếp vào thiện bậc thượng.

2. Trong lúc đang tạo phước nếu cả hai tư tiền và hậu không diễn tiến hoàn hảo tức có bất thiện chen vào thì cho dù thiện đó là thiện nhị nhân hoặc thiện tam nhân đi nữa cũng được liệt vào thiện bậc hạ.

3. Người nào tạo thiện pháp có cả hai tư tiên và tư hậu diễn tiến hoàn hảo và tư hậu hậu (aparāparacetana) tức tư sanh khởi trong giai đoạn sau tư hậu. Nghĩa là khi tạo bất cứ thiện pháp nào thành tựu rồi trong giai đoạn sau đó dù bao lâu đi nữa khi nghĩ đến thiện pháp mà mình đã tạo cũng thường xuyên phát sanh phỉ lặc. Chính như vậy nên tư hậu hậu của người đó hoàn hảo không bị tiêu hoại. Vì vậy loại thiện này cho dù là thiện nhị nhân hoặc tam nhân đi nữa được gọi là thiện bậc thượng.

4. Thiện nhị nhân hoặc thiện tam nhân sanh khởi với người có tư tiên và tư hậu hoàn hảo nhưng sau đó khi nghĩ đến thiện của mình đã tạo khởi lên bất thiện như hối tiếc hoặc không hài lòng. Như vậy tư hậu hậu của người này hoại đi vì vậy loại thiện này mới là thiện bậc thượng và hạ chen lẫn nhau

5. Thiện nhị nhân hoặc thiện tam nhân mà thuộc loại thiện bậc hạ do liên đới từ tư tiên và tư hậu của người đó chen lẫn bất thiện, nhưng trong giai đoạn sau đó khi người này nghĩ đến việc thiện của mình thì trở lại có tâm hoan hỷ khởi lên. Như vậy tư hậu hậu của người này là thiện nhưng thiện loại này lúc đầu là bậc hạ nhưng sau trở thành bậc thượng nên gọi là thiện hạ thượng.

6. Cho dù thiện nhị nhân hoặc thiện tam nhân của người nào đi nữa thuộc thiện bậc hạ cả nhưng sau đó khi nghĩ đến thiện của mình thì sự không hài lòng, phiền muộn, hối tiếc làm cho tư hậu hậu của người

này không diễn tiến được hoàn hảo. Do đó, loại thiện này là loại thiện ban đầu xấu cuối cùng cũng thấp kém gọi là thiện hạ hạ.

Thiện được xếp vào loại bậc thượng và bậc hạ tức bậc cao thượng và thấp kém khởi lên được cũng do nương vào hai sát na tư tiền và tư hậu nhưng tư hậu quan trọng hơn tư tiền. Dù cho tư tiền không tốt nhưng tư hậu tốt thì thiện đó cũng được xếp vào bậc thượng thượng, nhưng nếu tư tiền tốt mà tư hậu không tốt thì thiện đó cũng rơi vào bậc hạ. Vì vậy, sự trình bày cho thấy rằng các thiện pháp bậc thượng hoặc bậc hạ mà người tạo trử phần lớn cũng phải tùy theo sự sắp xếp của tư hậu cho thiện đó trở thành bậc thượng hoặc bậc hạ.

Trong tất cả thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến như đã giải thích phần đầu được phân ra thành 12 loại:

1. Tam nhân bậc thượng.
2. Tam nhân bậc hạ.
3. Tam nhân bậc thượng thượng.
4. Tam nhân bậc thượng hạ.
5. Tam nhân bậc hạ thượng.
6. Tam nhân bậc hạ hạ.
7. Nhị nhân bậc thượng.
8. Nhị nhân bậc hạ.
9. Nhị nhân bậc thượng thượng.

10. Nhị nhân bậc thượng hạ.

11. Nhị nhân bậc hạ thượng.

12. Nhị nhân bậc hạ hạ.

Khi phân tích mỗi loại thiện ra như đã trình bày cho thấy rằng tất cả thiện pháp mà người khởi tạo có lãnh vực khác nhau. Lãnh vực khác nhau này diễn tiến theo mãnh lực của Tư khởi lên của chính người tạo thiện pháp đó như:

Trong việc thiện pháp đôi khi có tư tiền tốt, tư hậu không tốt.

Trong việc thiện pháp đôi khi có tư tiền không tốt, tư hậu tốt.

Trong việc thiện pháp đôi khi có tư tiền tốt, tư hậu tốt, tư hậu hậu không tốt.

Trong việc thiện pháp đôi khi có tư tiền tốt, tư hậu tốt, tư hậu hậu tốt.

Do đó, khi tạo thiện pháp có lãnh vực khác nhau như vậy, quả nhận được cũng có lãnh vực khác nhau như:

Loại thiện

1. Tam nhân bậc thượng
2. Tam nhân bậc thượng thượng
3. Tam nhân bậc thượng hạ

Cho quả

Sanh lên làm nhân loại hoặc chư thiên bậc cao. Gọi là thiện tam nhân.

- | | | |
|-------------------------------|---|---|
| 4. Tam nhân bậc hạ | } | Sanh lên làm nhân loại hoặc chư thiên bậc trung. Gọi là người nhị nhân. |
| 5. Tam nhân bậc hạ thượng | | |
| 6. Tam nhân bậc hạ hạ | | |
| 7- Nhị nhân bậc thượng trung. | | |
| 8- Nhị nhân bậc thượng thượng | | |
| 9- Nhị nhân bậc thượng hạ | } | Sanh lên làm nhân loại hoặc chư thiên bậc thấp. Gọi là người lạc vô nhân. |
| 10. Nhị nhân bậc hạ | | |
| 11. Nhị nhân bậc hạ thượng | | |
| 12. Nhị nhân bậc hạ hạ | | |

TRÌNH BÀY PHÂN LOẠI KHÁC NHAU CỦA BỐ THÍ

BỐ THÍ NHÓM 2 (Dukadāna)

1. Āmisadāna Cúng dường các vật dụng.
2. Dhammadāna Bố thí pháp gồm có thuyết pháp, dạy pháp và ấn loát kinh sách đã phân phát.

Hai loại này thì pháp thí là bố thí cao quý hơn vật thí. Như có pāli đề cập: “Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti”. Pháp thí thắng tất cả thí.

Āmisadāna (vật thí) cho quả có đầy đủ vật chất tài sản.

Dhammadāna (pháp thí) cho quả phát sanh trí tuệ.

Một lý khác nữa:

1. Sakkaccadāna: Cúng dường bằng cách cung kính.
2. Asakkaccadāna: Cúng dường bằng cách không cung kính.

Cúng dường bằng cách cung kính tức cho bằng cách khiêm cung không biểu hiện thái độ thô thiển như quăng cho, thả cho, ném cho... hoặc không nói lời gắt gỏng.

Cúng dường bằng cách không cung kính như biểu

thái độ không đáng nhìn đáng nghe là pháp đối lập lại với điều trên.

Sakkaccadāna là bố thí cao quý hơn bố thí không cung kính, khi cho quả luôn nhận được sự cung kính từ người khác như con cái, vợ, chồng, quyến thuộc, bạn bè...

Asakkaccadāna cho quả là nhận được sự không cung kính, tán thán của người khác như con cái, vợ, chồng, quyến thuộc, bạn bè...

Một lý khác nữa:

1. Pūjādāna: Cúng dường các vật dụng cho bậc thượng đức và bậc cao niên bằng sự thành kính cúng dường.

2. Anuggahadāna: Bố thí các vật dụng cho người nhỏ tuổi hơn hoặc lớn hơn bằng sự giúp đỡ.

Thành kính cúng dường (pūjādāna) cao quý hơn bố thí bằng cách giúp đỡ (anuggahadāna) cho quả là nhận được sự cung kính tin tưởng tôn trọng từ người khác.

Bố thí bằng cách giúp đỡ (anuggahadāna) cho quả là nhận được sự trợ giúp ủng hộ từ người khác.

Một lý khác nữa:

1. Sāhatthikadāna: Tự mình bố thí.

2. Āṇattikadāna: Sai khiến người khác bố thí.

Tự mình bố thí cao quý hơn sai biểu người khác bố thí, khi cho quả là người đầy đủ tài sản cùng với tỳ tỳ.

Sai biểu người khác bố thí khi cho quả cho dù là người có tài sản cũng không thường hay có tùy tùng.

Một lý khác nữa:

1. Thāvaradāna: Gồm có kiến tạo các vật thí để cúng dường như kiến tạo bảo tháp thờ Phật, kiến tạo kim thân Phật, xây dựng chùa, xây dựng giảng đường, đào giếng nước, xây cốc liêu, tổ chức dịch Tam Tạng theo ngôn ngữ của mình, xây cầu hoặc trồng cây tạo bóng mát cho người đến nghỉ ngơi.

2. Athāvaradāna: Gồm có cúng dường 8 món tư cụ và các vật dụng.

Cúng dường vật thí lâu bền (thāvaradāna) cho quả vững chắc hơn cúng dường vật thí không lâu bền (athāvaradāna). Như khi gây dựng được tài sản cơ nghiệp thì tài sản và cơ nghiệp luôn bền vững không bị tiêu hoại biến đổi và tránh khỏi được các tai họa như lửa, nước, trộm, cướp...

Còn cúng dường vật thí không bền lâu (athāvara) cho quả không vững chắc tức không có điều kiện bảo toàn. Tài sản, vàng, bạc có được tồn tại không lâu như có rồi cũng hết, khi được nữa cũng hết nữa thường xuyên như vậy.

Một lý khác nữa:

1. Saparivāradāna: Cúng dường cùng với vật phụ tùng như khi đặt bát cơm cùng với thức ăn, bánh ngọt, cau trầu, thuốc lá. Hoặc khi cúng dường y thì có kèm theo chỉ, kim, thuốc nhuộm y hay khi xây dựng cốc

liêu cúng dường thì cũng sắm sửa các vật dụng cần thiết trong sinh hoạt.

2. Aparivāradāna: Cúng dường không cùng với vật phụ tùng như khi đặt bát chỉ có cơm mà không có bánh ngọt... hoặc đôi khi cúng dường y mà không có vật dụng đầy đủ...

Cúng dường cùng với vật phụ tùng (saparivāradāna) khi cho quả thì nhận được quả đầy đủ hơn cúng dường không cùng với vật phụ tùng (aparivāradāna). Như khi có bát cứ đồ vật gì đi nữa cũng không thiếu hụt mà thường xuyên đầy đủ.

Còn cúng dường không cùng với vật phụ tùng khi cho quả thường thiếu hụt không giống như cúng dường cùng với vật phụ tùng.

Một lý khác nữa:

1. Niccādāna: Bố thí thường xuyên như đặt bát hằng ngày, dạy pháp hằng ngày, cúng dường cho tu nữ hoặc bố thí cho người nghèo khổ hằng ngày...

2. Aniccādāna: Tạo trử bố thí thỉnh thoảng.

Cúng dường thường xuyên khi cho quả thì người đó được lợi lộc phát sanh không dứt, cúng dường không thường xuyên khi cho quả thì thỉnh thoảng có lợi lộc.

Trong số giải Tăng Chi Kinh: “Tesam divā ca ratto ca sadā puññaṃ pavaḍḍhati”. Phước thường luôn tăng trưởng hoài hoài suốt thời gian mà người cúng dường vật lâu dài và cúng dường thường xuyên.

Thích giải: Người nào sanh làm nhân loại phải có cả cúng dường vật lâu dài và cúng dường thường xuyên hoặc một trong hai loại cúng dường này. Cúng dường thường xuyên người đó khi mệnh chung không sanh vào khổ cảnh mà thường được sanh vào nhân cảnh tức nhân loại, chư thiên giống như bậc Dự Lưu.

Một lý khác nữa:

1. Sāsanikadāna: Tạo phước trong thời kỳ Phật Giáo còn tồn tại.

2. Asāsānikadāna: Tạo phước trong thời kỳ Phật Giáo đã tiêu hoại.

Cúng dường vào thời kỳ Phật Giáo còn tồn tại (sāsanikadāna) khi cho quả thì cho quả mãnh liệt hơn cúng dường vào thời kỳ Phật Giáo đã tiêu hoại.

Một lý khác nữa:

1. Asaṅkhāradāna: Tạo phước mà không có người khác thúc đẩy.

2- Sasaṅkhāradāna: Tạo phước mà có người khác thúc đẩy.

Bố thí vô trợ (asaṅkhāradāna) có quả báo nhiều hơn bố thí hữu trợ (sasaṅkhāradāna) khi cho quả như có sức mạnh thân tâm mãnh liệt và tài sản... cũng tăng trưởng mau chóng.

Bố thí hữu trợ khi cho quả có sức mạnh thân tâm không được liên tục mạnh mẽ, tài sản lâu phát triển.

Một lý khác nữa:

1. Sampajānadāna: Tạo phước kết hợp sự hiểu biết về quả của việc làm.

2. Asampajānadāna: Tạo phước không hiểu biết về vấn đề nghiệp và quả của nghiệp.

Bố thí hiểu biết (sampajānadāna) khi cho quả thì làm người có tài sản cùng với trí tuệ.

Bố thí không hiểu biết (asampajānadāna) khi cho quả thì có tài sản nhưng thiếu niệm tuệ.

Một lý khác nữa:

1. Vaṭṭanissitadāna: Tạo phước do ước muốn tài sản cụ thể như mong muốn được giàu sang làm trưởng giả, đại trưởng giả. Và mong muốn được sanh hữu cụ thể như mong muốn được sanh làm người, chư thiên, phạm thiên.

2. Vivaṭṭanissitadāna: Tạo phước không có ước muốn tài sản cụ thể và sanh hữu cụ thể chỉ ước nguyện được tuệ như Tuệ Toàn Giác, Tuệ Độc Giác, Tuệ Chí Thượng Thinh Văn, Tuệ Đại Thinh Văn hay Tuệ Thinh Văn thường.

Trong hai loại bố thí này thì luân thí (vaṭṭanissitadāna) không gọi là bố thí ba la mật chỉ là thiện thí thông thường, khi cho quả thì chỉ cho quả lạc nhân, thiên mà không thể cho quả tác chứng Đạo, Quả, Níp Bàn được nhanh chóng.

Còn ly luân thí (vivaṭṭanissitadāna) gọi là bố thí ba la mật, khi cho quả thì cơ hội thọ hưởng lạc nhân giới

và thiên giới lẫn có thể tác chứng Đạo, Quả, Níp Bàn được nhanh chóng.

Một lý khác nữa:

1. Dhammadāna: Tạo phước bằng sự cúng dường vật dụng thích hợp như cúng dường y, vật thực, trú xứ và thuốc trị bệnh.

2. Adhammadāna: Tạo phước bằng sự bố thí vật dụng không thích hợp như bố thí rượu hoặc vũ khí...

Bố thí đúng pháp (dhammadāna) khi cho quả thường cho quả tốt như được nhân sản và thiên sản.

Còn bố thí phi pháp (adhammadāna) thuộc bất thiện cho nên không nhận được quả tốt.

Ghi chú: Bố thí phi pháp có 5 loại sẽ nêu lên trình bày trong bố thí nhóm 5.

Một lý khác nữa:

1. Dhammikadāna: Tạo phước cho người, tập thể, chư tăng, bảo tháp thờ Phật, kim thân Phật đúng với sự chủ tâm.

2. Adhammikadāna: Tạo phước cho người, đoàn thể, chư tăng, bảo tháp thờ Phật, kim thân Phật mà không chủ tâm đến.

Trong hai loại bố thí này thì bố thí đúng với chủ tâm có quả báo nhiều hơn bố thí không chủ tâm đến.

Ghi chú: Bố thí không đúng với sự chủ tâm có 9 loại sẽ trình bày trong bố thí nhóm 9.

Một lý khác nữa:

1. Vatthudāna: Tạo phước bằng các vật dụng sai biệt.
2. Abhayadāna: Tạo phước bằng cách giúp đỡ cho đời sống của người khác tránh đi sự lo sợ và thọ trì ngũ giới.

Trong hai loại bố thí này thì vô úy thí có quả báo nhiều hơn vật thí.

Một lý khác nữa:

- 1- Ajjhāttikadāna: Tạo phước dám từ bỏ chi thể lớn nhỏ và sinh mạng của mình để bố thí.
2. Bahiradāna: Tạo phước bằng vật dụng bên ngoài.

Trong hai loại bố thí này thì nội thân thí (ajjhāttikadāna) là bố thí cao quý hơn ngoại thân thí (bahiradāna) và có quả báo nhiều hơn.

Một lý khác nữa:

1. Savajjadāna: Sát sanh để tạo phước, trộm cắp đồ đạc hoặc trộm cắp của người đến tạo phước, dùng lời gạt gẫm người để được vàng bạc đến tạo phước...

2. Anavajjadāna: Tạo phước không phiền nhiễu chúng sanh hoặc không lấy đồ đạc bằng ác hạnh để tạo phước.

Trong hai loại bố thí này thì bố thí mang tội (savajjadāna) khi cho quả thường có kẻ thù cả bên trong lẫn bên ngoài mặc dù có được tài sản thì cũng có thể gặp sự tổn hại do chính tài sản.

Còn bố thí không mang tội (anavajjādāna) khi cho quả thì không có kẻ thù bên trong lẫn bên ngoài, tài sản có được cũng bền vững lâu dài và chính mình cũng không gặp bất cứ sợ hãi tai họa nào liên quan đến tài sản.

Một lý khác nữa:

1. Aggadāna: Tạo phước bằng cách bố thí các vật dụng mới có mà chính mình chưa được ăn, không được dùng hoặc tạo phước bằng vật dụng hoàn hảo.

2. Ucchiṭṭhadāna: Tạo phước bằng cách bố thí vật dụng ăn còn dư thừa, sử dụng đã dùng còn thừa lại.

Trong hai loại bố thí này thì bố thí vật dụng mới cao quý (aggadāna) thù thắng hơn bố thí vật dư thừa (ucchiṭṭhadāna) khi cho quả thường cho quả tốt như được một vật gì đi nữa chỉ luôn được vật mới được hằng được vật quý.

Còn bố thí vật dư thừa khi nhận được quả thường luôn nhận được đồ cũ hay đồ dư thừa từ người khác chứ không nhận được đồ tốt. Nhưng khi ta bố thí vật dư thừa của ta đến người thấp kém hơn bằng chủ tâm tốt và người nhận cũng có tâm vui thích đồ vật của ta cho thì bố thí này cũng được quả nhiều.

Và trong việc bố thí đó mà chủ tâm tốt mà người nhận cũng có tâm vui thích vật dụng mà ta đã cho thì bố thí này cũng có quả nhiều giống như vậy.

Một lý khác nữa:

1. Hīnadāna: Tạo phước bằng vật dụng thấp kém hạ liệt hơn vật dụng mà mình sử dụng.

2. Paṇīṭadāna: Tạo phước bằng vật dụng tốt quý báu hơn vật dụng mà mình sử dụng.

Trong hai loại bố thí này thì bố thí bậc thượng (paṇīṭadāna) cao quý hơn bố thí bậc hạ (hīnadāna) khi cho quả thì nhận được giống như bố thí cao quý (aggadāna) với bố thí vật dư thừa (ucchiṭṭhadāna).

Quả nhận được từ các việc tạo thiện thí như đã giải thích khi nói theo tánh chất pháp tánh thì như người nào tạo nhân tốt thì người đó được quả tốt và người nào tạo nhân không tốt người đó nhận lấy quả không tốt. Cũng vậy việc tạo thiện thí này người nào tạo trử bố thí bằng vật tốt, quý hay trong việc làm đó làm bằng chủ tâm tốt hoặc làm bằng sự cung kính. Hoặc người nào tạo trử bố thí bằng vật dụng không tốt không thanh tịnh không có chủ tâm tốt, làm không bằng sự cung kính. Quả liền đời nhận trở lại từ hai trường hợp trên giống như việc làm của mình. Nghĩa là cho vật tốt thì nhận trở lại là vật tốt, cho bằng vật không tốt thì nhận sự không tốt trở lại, làm bằng sự cung kính thì nhận trở lại sự cung kính... Như pāli đề cập: “Sadisaṃ pākamaṃ janeti” lẽ thường nhiên việc làm này cho quả bằng như mình đã tạo.

Hoặc một lý khác nữa:

“Yādisaṃ vappate bijaṃ tādisaṃ labhate phalaṃ” Khi gieo loại nào thì quả phát sanh lên cũng là loại đó.

Khi hiểu như vậy thì trong lúc tạo thiện thí nào đi nữa chỉ nên tạo loại tốt để nhận được quả tốt.

Kết Thúc Bố Thí Nhóm 2

BỐ THÍ NHÓM 3 (Tikadāna)

1. Hīnadāna: Tạo phước bậc hạ như tạo phước để mong cầu lợi lộc, danh tiếng và sự khen ngợi.

2. Majjhimadāna: Tạo phước bậc trung như tạo phước để mong cầu nhân sản, thiên sản.

3. Paṇīdadāna: Tạo phước bậc thượng như tạo phước tiến hành theo đường lối của bậc Thánh và các bậc bồ tát chỉ ước nguyện Níp Bàn.

Một lý khác nữa:

1. Hīnadāna: Tạo phước để mong cầu nhân sản, thiên sản.

2. Majjhimadāna: Tạo phước để ước nguyện Thinh Văn Trí, Độc Giác Trí.

3. Paṇīdadāna: Tạo phước để ước nguyện Toàn Giác Trí.

Trong cả ba loại bố thí này thì bố thí bậc thượng thù thắng hơn bố thí bậc hạ và bậc trung.

Một lý khác nữa:

1. Dasadāna: Tạo phước bằng vật dụng, đồ phụ thuộc kém giá trị hơn vật dụng mà mình đang sử dụng.

2. Sahāyadāna: Tạo phước bằng vật dụng, đồ phụ thuộc có giá trị bằng với vật dụng mà mình đang sử dụng.

3. Sāmidāna: Tạo phước bằng vật dụng, đồ phụ thuộc có giá trị tốt hơn vật dụng mà mình sử dụng.

Trong ba loại thí này thì gia chủ thí (sāmidāna) thù thắng hơn hai loại bố thí kia, khi cho quả thì cho quả tốt như được sanh làm người hoặc chư thiên bậc cao, khi sử dụng vật thì chỉ sử dụng vật có giá trị quý tốt.

Một lý khác nữa:

1. Vatthudāna: Tạo phước bằng các vật dụng...

2. Abhayadāna: Tạo phước như giúp đỡ cuộc sống của người hoặc thú vật thoát khỏi nguy hiểm hoặc bảo vệ tài sản đang có nguy cơ mất mát.

3. Dhammadāna: Tạo phước như dạy học, thuyết pháp cho người khác hiểu được tội phước, lợi ích, tai hại hoặc làm kinh sách pháp... để đem lại lợi ích cho Phật Giáo.

Vật thí (vatthudāna) cho quả làm nhân loại hoặc chư thiên có đầy đủ tài sản không túng thiếu. Dù sanh làm bàng sanh cũng nhận được sung sướng an lạc đặc biệt.

Vô úy thí (abhayadāna) khi cho quả làm nhân loại hoặc chư thiên thường không có bất cứ hiểm họa nào làm tổn hại hay sợ hãi, được trường thọ, thoát khỏi tai họa do lửa, do nước, do trộm cướp, do vua chúa, do phi nhân... Dù sanh làm bàng sanh cũng thoát khỏi tai họa thường xuyên được người giúp đỡ.

Pháp thí (dhammadāna) khi cho quả làm người hoặc chư thiên thường là người thông minh có trí tuệ chứng đắc thiên định, Đạo, Quả, mau chóng tác thành

bậc A La Hán thoát khỏi khổ luân hồi. Khi sanh làm bằng sanh cũng làm loài thú có trí tuệ và cơ hội tưởng nhớ đến pháp (dhammasaññā) cũng sẽ hiện bày lên nơi tâm. Cho nên pháp thí này mới là bố thí cao quý hơn hai loại bố thí kia.

Một lý khác nữa:

1. Lokādhipeyyadhamma: Bố thí thường do người đề xuất tức tự mình không hài lòng làm nhưng sợ người khác khinh dể và chê bai mới làm.

2. Attādhipeyyadhamma: Bố thí thường do tự mình suy nghĩ rằng ta là người giàu có nếu không bố thí tài sản giúp đỡ trong công việc đó sẽ đáng mất mặt nên mới làm.

3. Dhammādhipeyyadāna: Bố thí do nghĩ đến pháp làm trọng yếu. Tức suy xét rằng việc bố thí này là quy luật mà tất cả bậc chân nhân thực hành, ngay cả các bậc bồ tát khi còn tạo trụ ba la mật cũng tạo trụ bố thí ba la mật làm nền tảng đầu tiên, suốt cho đến các bậc thánh văn của chư Phật Chánh Đẳng Giác cũng là quy luật tạo trụ bố thí. Khi suy xét như vậy rồi thì tạo trụ bố thí.

Trong ba loại bố thí này thì bố thí lấy pháp làm trọng yếu (dhammādhipeyyadāna) là bố thí cao quý hơn hai loại kia.

Một lý khác nữa:

1. Lobhaparivāritadāna: Bố thí có tham tháp tùng.
2. Dosaparivāritadāna: Bố thí có sân tháp tùng.

3. Mohaparivāritadāna: Bồ thí có si tháp tùng.

Cả ba loại bồ thí này được xếp vào loại bồ thí có bất thiện tháp tùng. Khi nhóm bồ thí này cho quả nhận được thường không được thanh tịnh. Khi người đó được sanh làm nhân loại hoặc chư thiên đi nữa thường thuộc hạng thấp kém và có nhiều tham, sân, si.

Một lý khác nữa:

1. Alobhaparivāritadāna: Bồ thí không có tham tháp tùng.

2. Adosaparivāritadāna: Bồ thí không có sân tháp tùng.

3. Amohaparivāritadāna: Bồ thí không có si tháp tùng.

Cả ba loại bồ thí này được xếp vào loại bồ thí có thiện pháp tháp tùng. Khi cho quả thì nhận được quả tốt như được sanh làm nhân loại hoặc chư thiên bậc cao có tâm trong sạch cùng với đức tin đối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Thường luôn có tâm từ bi không có người thù ghét và là người có niệm tuệ lành lợi và thông minh trong các công việc cả về thế gian lẫn đạo pháp. Được xem là thiện pháp mà các bậc hiền trí nên thực hành cho tiến triển.

Kết Thúc Bồ Thí Nhóm 3

BỐ THÍ NHÓM 4 (Catukadāna)

1. Civaradāna: Cúng dường cho tỳ kheo, sadi hoặc cho y phục người nghèo.

2. Piṇḍapātadāna: Cúng dường vật thực để bát hoặc cho thức ăn cho người nghèo.

3. Senāsanadāna: Cúng dường nơi trú ngụ như cốc liêu, xây dựng tịnh xá, xây dựng chánh điện... hoặc cho trú xá cho người đến ở nhờ.

4. Bhesajjadāna: Cúng dường thuốc trị bệnh hoặc bố thí thuốc cho người bệnh.

Cả 4 loại bố thí này bố thí trú xứ được xếp vào bố thí có quả báu nhiều hơn ba loại thí còn lại. Bởi vì nếu cúng dường nơi trú ngụ như đã xây cốc cúng dường rồi thì cả ba bố thí còn lại cũng sẽ được thực hiện. Như người nào đã cúng dường cốc liêu dâng cho chư tăng khi có một vị nào đến ngụ trong cốc liêu mà mình xây dựng cúng dường. Người có tâm xây dựng cũng chăm lo tìm kiếm cúng dường cho vị ấy như y, vật thực, thuốc trị bệnh cho đầy đủ. Vì vậy cúng dường trú xứ thù thắng hơn ba loại bố thí còn lại.

Lại nữa, cúng dường trú xứ được xếp vào trong nhóm cúng dường vật thí lâu dài nên quả báu nhận được cũng phải là loại vững chắc lâu dài. Tức bố thí tài sản làm nền tảng vững chắc và không tiêu hoại do hiểm họa như đã đề cập trong cúng dường vật thí lâu dài. Bậc Chánh Đẳng Giác thuyết trong Tăng Chi

Kinh: “So ca sabbaddo hoti yo dadāti upassayaṃ”. Người nào xây dựng cốc liêu cho Chư Tăng người đó gọi là cúng dường tứ vật dụng.

Việc xây dựng tịnh xá hoặc xây cốc liêu cúng dường chư tăng có 2 loại:

1. Puggalikavihāradāna: Xây dựng tịnh xá hoặc cốc liêu cúng dường riêng biệt cho một vị tỳ kheo.

2. Saṅghikavihāradāna: Xây dựng tịnh xá hoặc liêu cốc cúng dường cho Chư Tăng không chọn lựa riêng biệt.

Trong hai loại cúng dường này bậc Chánh Đẳng Giác tán dương việc cúng dường đến Chư Tăng là cúng dường cao quý hơn cúng dường đến cá nhân. Cho dù cúng dường vật nào khác đi nữa thì việc cúng dường không lựa chọn có quả báu nhiều hơn cúng dường lựa chọn riêng biệt.

Có pāli trình bày trong Tăng Chi Kinh: “Vihāradānaṃ saṅghassa aggamaṃ buddhena vaṇṇitaṃ”.

Trong hai loại bố thí đó bậc Chánh Đẳng Giác tán thán việc cúng dường đến Chư Tăng là bố thí cao tột.

Sự kiện mà Đức Phật tán thán cúng dường đến Chư Tăng là cúng dường cao quý hơn cúng dường đến cá nhân. Bởi vì việc cúng dường đến Chư Tăng thật sự là việc làm khó. Bởi thường nhiên tâm của con người chúng ta thường hay có sự thiên vị. Người nào mà thương mến hài lòng hoặc liên quan đến bạn bè quyến thuộc thường nhận được sự quan tâm đặc biệt. Ngay cả người có con cháu thì cũng vẫn có sự quan tâm không

bằng nhau. Trong công việc thiện sự cũng vậy, người ta thường hay có sự chọn lựa Chư Tăng. Vị nào thân thiết ưa thích hoặc vị nào có quan hệ quyến thuộc thì khi cúng dường vật dụng... cũng thường hay cúng dường đến vị ấy. Khi đặt bát cũng chỉ muốn đặt bát tỳ kheo mà không muốn đặt bát sadi, không muốn đặt bát chư tăng trẻ tuổi chỉ muốn đặt bát Chư Tăng lớn tuổi. Đôi khi cũng tạo phước cúng dường vật thực bằng cách rút thăm thì vị nào có danh tiếng, hòa thượng hay thầy giáo thọ, bậc có học vị đến bất trúng thăm của mình thì lòng phấn khởi vui thích. Nếu vị sư bình thường trong chùa bất trúng thăm của mình thì không hài lòng.

Việc trình bày trên cho thấy rằng việc tạo phước cúng dường hoàn toàn đến Chư Tăng là việc khó làm thường thì chỉ thực hiện được việc tạo phước bố thí cúng dường đến cá nhân. Cho nên người nào cúng dường nương vào vật dụng... nên cúng dường đến Chư Tăng thì được nhận được quả báo nhiều hơn cúng dường khác.

Cúng dường đến Chư Tăng phân thành 3 loại:

1. Ārāṃikasāṅghadāna: Cúng dường vật dụng hay chỗ ngụ cho Chư Tăng ngụ trong ngôi chùa đó.

2. Sammukhībhūṭisāṅghikadāna: Cúng dường vật dụng hoặc chỗ ngụ hướng đến Chư Tăng đang hiện diện.

3. Catudisāsāṅghikadāna: Cúng dường vật dụng hoặc chỗ ngụ đem lợi ích cho khắp cả Chư Tăng mà không lựa chọn tỳ kheo ngụ trong chùa đó, Chư Tăng đến từ các nơi khắp cả bốn phương đến sử dụng vật đó cho được lợi ích.

Trong các việc cúng dường đến Chư Tăng này thì bậc Chánh Đẳng Giác tán thán cúng dường đến Tứ Phương Tăng (catudisāsaṅghikadāna) là cúng dường cao quý nhất. Như Đức Phật giáo thuyết cho bà Mahāpajāpatigotamī: “Saṅhe dinnam mahapphalam saṅhe tvam gotamī dehi”. Nay Gotamī sự cúng dường đến Chư Tăng có quả to lớn được nhiều quả phước, vì vậy người hãy cúng dường đến Chư Tăng.

Cúng Dường Thanh Tịnh (Dakkhīṇavisuddhidāna)
Có 4 Loại:

1. Người cho là người có giới người nhận là người không có giới.
2. Người nhận là người có giới người cho là người không có giới.
3. Người cho không có giới người nhận cũng không có giới.
4. Người cho có giới người nhận cũng có giới.

Trong nhóm bốn loại bố thí này, điều thứ tư là bố thí cao quý nhất. Bố thí điều thứ ba là bố thí thấp kém nhất, bố thí điều thứ hai và thứ nhất là bố thí trung bình.

Kết Thúc Bố Thí Nhóm 4



BỐ THÍ NHÓM 5 (Pañcakadāna)

Thời Thí Có 5 Loại

1. Āgantukadāna: Bố thí cho người từ nơi khác đến.
2. Gamikadāna: Bố thí cho người sẽ đi đến nơi khác.
3. Gilānadāna: Bố thí cho người đau ốm.
4. Dubbhikkhadāna: Bố thí cho người gặp tai nạn như sự đói.
5. Navaphaladāna: Bố thí trái cây... hoặc lúa gạo gặt hái từ đầu mùa.

Bố Thí Phi Pháp Có 5 Loại

1. Bố thí rượu để làm tăng hưng phấn trong khi ăn uống không phải để làm thuốc trị bệnh.
2. Bố thí sự múa hát để làm cho vui thú.
3. Bố thí bò đực đến bò cái để lai giống.
4. Bố thí nữ nhân đến nam nhân để thỏa mãn trong việc hưởng thụ dục.
5. Bố thí tranh ảnh gợi cảm để kích thích trong việc thụ hưởng dục.

(Trong Tăng Chi Kinh)

Việc cho vũ khí như dao và súng... để tiếp tay trong việc tạo ác hạnh và cho thuốc độc hoặc các chất gây nghiện đều xếp vào là bố thí phi pháp.

Tất cả nhóm bố thí pháp này là bất thiện cho nên quả nhận được các vật không tốt.

Kết Thúc Bố Thí Nhóm 5

BỐ THÍ NHÓM 6

(Chakkadāna)

1. Rūpadāna: Bố thí vật dụng xinh đẹp.

2. Saddadāna: Bố thí vật dụng có âm thanh như chuông, chiêng, đồng hồ báo thức, radio hoặc tụng kinh, kệ kinh liên quan với việc tán dương ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng. Hay hòa tấu nhạc trong các lễ hội... để cúng dường Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng.

3. Gandhadāna: Bố thí vật dụng có hương thơm như bông hoa, dầu thơm, xà bông thơm và phấn bột thơm.

4. Rasadāna: Bố thí vật thực có vị ngon.

5. Phoṭṭhabbadāna: Bố thí chăn mền, đệm nằm, thảm, y, gối, quạt máy...

6. Dhammadāna: Phóng sanh chim, cá để chúng thoát khỏi sự giam cầm, sợ hãi. Giúp đỡ, chữa bệnh... cho người bệnh như cho thuốc uống hoặc thuốc tiêm. Thuyết dạy pháp cho người khởi sanh sự hiểu biết về thiện, bất thiện hay điều lợi ích và không lợi ích.

Sáu loại bố thí này đề cập theo lý Thắng Pháp. Vì vậy người bố thí một loại thì cũng như bố thí đủ sáu

loại trong cùng một lúc. Như cụng dường một lá y thì bố thí này đủ cả sáu loại:

- Màu của y cũng là bố thí sắc.
- Khi mở y ra lâm thì có tiếng vang ra là bố thí thanh.
- Khi ngửi thì có mùi là bố thí mùi.
- Khi nếm thử khởi lên vị là bố thí vị.
- Khi lâm y vào có cảm giác mềm hoặc cứng là bố thí xúc.

Đem lại sự che kín thân thể để tránh khỏi hổ thẹn và để tránh khỏi sự nóng, lạnh, muỗi, mòng là pháp thí.

Cả sáu loại này thì một số điều rõ ràng, một số điều không được rõ ràng và diễn tiến bằng cách trực tiếp hay bằng cách gián tiếp cũng có. Như bố thí vật thực, thì bố thí vật thực là bố thí âm thanh sanh khởi bằng cách gián tiếp. Như người khi lúc đang đói thì lời nói khe khẽ không phát ra tiếng, khi nhận được đầy đủ vật thực rồi thì lời nói phát ra mạnh mẽ rõ ràng. Vì thế vật thực mới xếp vào là bố thí âm thanh nhưng không phải trực tiếp.

Còn bố thí thuốc thì người bệnh tiếng nói khàn đục khi nói không phát ra âm thanh rõ ràng. Nhưng khi nhận được thuốc trợ giúp cho có tiếng lúc nói thì tiếng nói rõ ràng. Thuốc được xếp vào bố thí âm thanh trực tiếp.

Trong điều khác cũng vậy nghĩa là một số bố thí hiện bày rõ ràng cả sáu điều, một số bố thí không hiện bày rõ chỉ hiện bày 2 - 3 - 4 - 5 loại mà thôi.

Lại nữa trong 6 loại bố thí này:

- Bố thí sắc cũng được gọi là bố thí cảnh sắc.
 - Bố thí âm thanh cũng được gọi là bố thí cảnh thanh.
 - Bố thí mùi cũng được gọi là bố thí cảnh khí.
 - Bố thí vị cũng được gọi là bố thí cảnh vị.
 - Bố thí xúc chạm cũng được gọi là bố thí cảnh xúc.
 - Bố thí pháp cũng được gọi là bố thí cảnh pháp.
- Thāvaradāna Bố Thí Nơi Vững Chắc (trường cứu thí).

Có 6 Loại

1. Ārāmo: Kiến tạo khuôn viên làm nơi an dưỡng, trồng vườn trái cây làm nơi nghỉ ngơi giải trí lành mạnh hoặc bố trí khuôn viên lâu dài để làm nơi cúng dường.

2. Setu: Xây dựng cầu hoặc đường sá để cho cộng đồng.

3. Vanappati: Trồng cây to để tạo bóng mát cho người và thú vật tạm dừng chân nghỉ ngơi.

4. Papā: Dụng lều để bố thí nước uống hoặc đặt bình nước cho người đi đường được giải khát.

5. Udapānam: Đào giếng nước hoặc đặt thùng nước trong các nơi như chùa, trường học.

6. Upassayo: Xây cất tăng xá, cốc liêu, lễ đường, giảng pháp đường và xây dựng trùng tu hang động với tinh thần chấn hưng Phật Giáo.

Người nào xây dựng cúng dường một trong sáu loại bố thí vững bền này thường nhận được quả như làm người có thân thể kiện toàn, trường thọ, thoát khỏi các điều tai họa liên quan đến mạng sống và tài sản, danh tiếng.

Như Phật Ngôn có thuyết: “Sadisaṃ pākaṃ janeti”. Nghĩa là ta tạo nhân nào thì được quả đó.

Vì vậy tất cả hàng Phật tử nên xây dựng cúng dường vật bền vững một loại nào để đem lại lợi ích tùy theo khả năng của mình.

(Trong Tăng Chi Kinh)

*Dighāyukadāna Bố Thí Làm Cho Trường Thọ.
Có 6 Loại*

1. Parisavanadāna: Tạo phước bằng cách bố thí vãi lọc nước.

2. Āvāsadāna: Cúng dường nơi trú ngụ như cốc liêu, nhà cửa...

3. Gilānavatthudāna: Bố thí các vật dụng... và thuốc trị bệnh cho người bệnh.

4. Jīṇṇāvāsapaṭisaṅkharadāna: Trùng tu bố tát đường, cốc liêu, tăng xá, trường học cũ kỹ hoặc hư hỏng cho hoàn chỉnh.

5. Pañcasīlasamādāna: Thọ trì năm giới.

6. Uposathasamādāna: Thọ trì tám giới.

(Trong Tăng Chi Bộ Kinh)

Kết Thúc Bố Thí Nhóm 6

BỔ THÍ NHÓM 7 (SATTAKADĀNA)

Cúng Dường Đến Chư Tăng. Có 5 Loại

1. Buddhapamukhabhikkhunisaṅghadāna: Tạo phước đến chư tỳ kheo tăng và chư tỳ kheo ni có Đức Phật đứng đầu.

2. Ubhatosaṅghadāna: Tạo phước cho lưỡng phái chư tỳ kheo tăng và chư tỳ kheo ni.

3. Bhikkhusaṅghadāna: Tạo phước cho chư tỳ kheo tăng.

4. Bhikkhunisaṅghadāna: Tạo phước cho chư tỳ kheo ni.

5. Ubhatoniddiṭṭhasaṅghadāna: Tạo phước cho chư tăng mà lưỡng phái tỳ kheo với tỳ kheo ni sắp xếp chỉ định.

6. Bhikkhuniddiṭṭhasaṅghadāna: Tạo phước cho chư tăng mà chư tỳ kheo sắp xếp chỉ định.

7. Bhikkhunīniddiṭṭhosasaṅghadāna: Tạo phước cho chư tăng mà chư tỳ kheo ni sắp xếp chỉ định.

(Trong Uparipaṇṇasapāli)

Bảy loại cúng dường đến chư tăng như đã đề cập trên thì cúng dường đến chư tăng điều thứ 1 - 2 - 4 - 5 - 7 tổng cộng năm loại cúng dường này đã không còn nữa từ lâu rồi. Chỉ còn lại cúng dường đến chư tăng điều thứ ba và điều thứ sáu mà chúng ta đang cùng nhau tạo trữ trong hiện tại này. Trong việc cúng

dường đến chư tăng điều thứ nhất trình bày rằng tạo phước cho lương phái chư tỳ kheo tăng và chư tỳ kheo ni có Đức Phật đứng đầu trong hiện tại đây chỉ cùng nhau tạo trữ theo lối gián tiếp. Tức tạo phước Tăng Chúng có Đức Phật đứng đầu như Đức Phật bậc đứng đầu tối thượng trong hiện tại này chính là kim thân Phật. Mặc dù là diễn tiến theo gián tiếp nhưng nếu người tạo phước có đức tin đến Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng hoàn hảo rồi cũng được quả báo bằng với lúc Đức Phật vẫn còn sanh tiền.

Kết Thúc Bồ Thí Nhóm 7

BỒ THÍ NHÓM 8 (Aṭṭhakadāna)

Bồ Thí Có Quả Sanh Lên Theo Như Ước Muốn
(Danuppattidāna). Có 8 Loại

1. Tạo phước ước muốn nhân sản khi cho quả thì được cho quả nhân sản.

2. Tạo phước ước muốn thiên sản tăng Tứ Thiên Vương khi cho quả thì được cho quả chư thiên Tứ Thiên Vương.

3. Tạo phước ước muốn chư thiên tăng Đạo Lợi khi cho quả thì cho quả nhận được chư thiên tăng Đạo Lợi.

4. Tạo phước ước muốn chư thiên tầng Dạ Ma khi cho quả thì cho quả nhận được chư thiên tầng Dạ Ma.

5. Tạo phước ước muốn chư thiên tầng Đâu Xuất khi cho quả thì cho quả nhận được chư thiên tầng Đâu Xuất.

6. Tạo phước ước muốn chư thiên tầng Hóa Lạc Thiên khi cho quả thì cho quả nhận được chư thiên tầng Hóa Lạc Thiên.

7. Tạo phước ước muốn chư thiên tầng Tha Hóa Tự Tại khi cho quả thì cho quả nhận được chư thiên tầng Tha Hóa Tự Tại.

8. Tạo phước ước muốn chư thiên tầng Phạm Thiên sắc giới, Phạm Thiên vô sắc giới khi cho quả thì cho quả nhận được phạm thiên sắc sắc giới, vô sắc giới theo tương ứng với thiên.

Trong tám loại bố thí này thì bố thí điều thứ 1 đến điều thứ 7 là tạo phước của phàm nhân và bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai không đắc thiên.

Bố thí điều thứ 8 là tạo phước của thiên giả tức bậc đắc được thiên mà thôi.

Phàm nhân hoặc bậc Dự Lưu hay bậc Nhất Lai không đắc thiên cho dù ước muốn phạm thiên sản cũng không thành tựu như ước muốn. Bởi vì thiện thí không thể cho quả đưa đến phạm thiên sản trực tiếp được, chỉ có tu tiến thiên cho quả đưa đến phạm thiên sản trực tiếp được mà thôi.

Cả tám điều bố thí này gọi là luân thí (vaṭṭanissitadāna) hoặc bố thí tầm thường (hīnadāna) cũng được.

Bố Thí Của Bậc Chân Nhân (Sappurisdāna)
Có 8 Loại

1. Sucim deti: Bố thí vật dụng đúng pháp và vật dụng đó cũng là vật sạch sẽ thơm tất không dơ bẩn xề xòa, không hư thúi.
2. Paṇītaṃ deti: Bố thí vật dụng hảo hạng.
3. Kālena deti: Bố thí vật dụng đúng thời.
4. Kappiyaṃ deti: Bố thí vật dụng thích hợp.
5. Viceyya deti: Bố thí lựa chọn vật dụng tốt và người thọ thí xứng đáng.
6. Abhinhaṃ deti: Bố thí thường xuyên.
7. Dadam̐pasādanacittena deti: Trong lúc đang tạo trữ bố thí có tâm tinh tín (có đức tin).
8. Datvāattamano deti: Khi tạo trữ bố thí rồi có tâm vui thích.

(Trong Tăng Chi Kinh)

Tướng Trạng Của Thiện Thí. Có 8 Loại:

1. Chandadāna: Bố thí bằng sự hài lòng thương mến.
2. Dosadāna: Tạo thiện thí bằng sự không hài lòng.
3. Mohadāna: Tạo thiện thí bằng sự không hiểu biết rằng vật mà mình đang cho này là thiện pháp và sẽ phải nhận được quả của thiện pháp này.
4. Bhayadāna: Tạo thiện thí bằng sự sợ hãi.
5. Kulavaṃsadāna: Tạo thiện thí theo dòng giống và theo truyền thống tập tục của gia tộc của mình.

6. Saggassadāna: Tạo thiện thí để mong muốn được sanh lên thiên giới.

7. Somanassadāna: Tạo thiện thí chỉ bởi vui thích.

8. Cittalaṅkāradāna: Tạo thiện thí bởi nhàm chán vòng sanh tử luân hồi.

(Trong Tăng Chi Kinh)

Kết Thúc Bồ Thí Nhóm 8

BỒ THÍ NHÓM 9 **(Navakadāna)**

Bồ Thí Phi Pháp. Có 9 Loại

1. Tạo phước cho người mà mình không tác ý đến.

2. Tạo phước cho Chư Tăng mà mình không tác ý đến.

3. Tạo phước đến bảo tháp Đức Phật mà trước đó mình đã tác ý đến người khác.

4. Tạo phước cho người mà trước kia mình đã nghĩ đến Chư Tăng..

5. Tạo phước đến Chư Tăng mà trước kia mình đã nghĩ đến Chư Tăng khác.

6. Tạo phước đến bảo tháp Đức Phật mà trước kia mình nghĩ đến Chư Tăng.

7. Tạo phước cho người mà trước kia mình tác ý đến Bảo Tháp Đức Phật.

8. Tạo phước cho Chu Tăng mà trước kia mình tác ý đến Bảo Tháp.

9. Tạo phước đến bảo tháp Đức Phật mà trước kia mình tác ý đến Bảo Tháp Đức Phật khác.

Kết Thúc Bố Thí Nhóm 9

BỐ THÍ NHÓM 10 (Dasakadāna)

Vật Thí (Vatthudāna). Có 10 Loại

1. Annadāna: Bố thí gạo.
2. Pānadāna: Bố thí các thức uống không có tội.
3. Gharadāna: Bố thí bằng sự cúng dường nhà để trở thành cọc liêu hoặc xây dựng cọc liêu cúng dường.
4. Vatthudāna: Bố thí vải.
5. Mālādāna: Bố thí bông hoa.
6. Gandhadāna: Bố thí các vật thơm.
7. Vilepanadāna: Bố thí các vật thoa (phấn).
8. Seyyadāna: Bố thí giường, chiếu, đệm, khăn trải giường.

9. Āvāsadāna: Bồ thí nhà nghỉ công cộng hay nhà an dưỡng.

10. Padīpeyyadāna: Bồ thí đèn đuốc như lửa, đèn cây, cái đèn.

(Trong Tăng Chi Kinh)

10 Loại Vật Thí Trình Bày Trong Supātheyya

1. Annadāna: Bồ thí gạo.

2. Pānadāna: Bồ thí các thức uống không có tội.

3. Vatthudāna: Bồ thí vải.

4. Yānadāna: Bồ thí phương tiện giao thông.

5. Mālādāna: Bồ thí bông hoa.

6. Gandhadāna: Bồ thí các vật thơm.

7. Vilepanadāna: Bồ thí các vật thoa.

8. Seyyadāna: Bồ thí giường, chiếu, đệm, khăn trải giường.

9. Āvāsadāna: Bồ thí bằng cách xây dựng cốc liêu cúng dường.

10. Padīpadāna: Bồ thí các ánh sáng.

Kết Thúc Bồ Thí Nhóm 10

BỐ THÍ NHÓM 14 (Catudasakadāna)

Vật Thí Cho Người. Có 14 Loại

1. Bố thí thức ăn cho bàng sanh như chó, mèo và chim.

2. Bố thí cho người ác giới như cho vật thực hoặc vật dụng đến người không giữ giới.

3. Bố thí cho người có giới như bậc hiền trí vào thời kỳ không có Phật Giáo.

4. Bố thí cho đạo sĩ đắc thiên, đắc thông vào thời kỳ không có Phật Giáo.

5. Bố thí cho người đang thực hành theo đạo lộ của bậc Dự Lưu hoặc người có tam quy là người sẽ đắc thiên hoặc không đắc thiên.

6. Bố thí cho bậc Dự Lưu.

7. Bố thí cho người đang thực hành theo đạo lộ của bậc Nhất Lai.

8. Bố thí cho bậc Nhất Lai.

9. Bố thí cho người đang thực hành theo đạo lộ của bậc Bất Lai.

10. Bố thí cho bậc Bất Lai.

11. Bố thí cho người đang thực hành theo đạo lộ của bậc A La Hán.

12. Bố thí cho bậc A La Hán.

13. Bố thí cho Đức Phật Độc Giác.

14. Bố thí cho Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Bố thí cho 14 hạng người này gọi là 14 nhóm thọ thí.

Trình Bày Quả Báo Tạo Trữ Bố Thí Cho. 14 Nhóm Thọ Thí

Việc bố thí cho 14 nhóm thọ thí có quả báo khác nhau theo tuần tự:

1. Bố thí cho bàng sanh được quả báo đến 100 kiếp.
2. Bố thí cho người ác giới được quả báo đến 1000 kiếp.

3. Bố thí cho người có giới vào thời kỳ không có Phật Giáo được quả báo 100 ngàn kiếp.

4. Bố thí cho đạo sĩ đăc thiên, đăc thông vào thời kỳ không có Phật Giáo được quả báo 1 tỷ kiếp.

5. Bố thí cho người tiến tu thực hành theo đạo lộ của bậc Dự Lưu lần tu sĩ phạm nhân sẽ đăc thiên hoặc không đăc thiên đi nữa mà có giới và Tam Quy được quả báo 1 a tăng kỳ kiếp (vô số kiếp).

6. Bố thí cho bậc Dự Lưu được quả báo nhiều hơn nữa.

7. Bố thí cho người đang tiến tu thực hành theo đạo lộ của bậc Nhất Lai được quả báo nhiều hơn nữa.

8. Bố thí cho bậc Nhất Lai được quả báo nhiều hơn nữa.

9. Bố thí cho người đang tiến tu thực hành theo đạo lộ của bậc Bất Lai được quả báo nhiều hơn nữa.

10. Bồ thí cho bậc Bất Lai được quả báo nhiều hơn nữa.

11. Bồ thí cho người đang tiến tu thực hành theo đạo lộ của bậc A La Hán được quả báo nhiều hơn nữa.

12. Bồ thí cho bậc A La Hán được quả báo nhiều hơn nữa.

13. Bồ thí cho Đức Phật Độc Giác được quả báo nhiều hơn nữa.

14. Bồ thí cho Đức Phật Chánh Đẳng Giác được quả báo nhiều hơn nữa.

Người có ước nguyện giải thoát khỏi luân hồi trong lúc xả thí cho 14 nhóm thọ thí này thì có thể sẽ giải thoát khỏi luân hồi được mau chóng tùy theo ước nguyện của người ấy.

***Trong Pāli Trung Bộ Kinh (uparipaṇṇāsapāli)
và Sớ Giải (aṭṭhakathā)***

QUẢ BÁO KHÁC NHAU CỦA BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, TU TIẾN MÀ BẬC CHÁNH ĐẲNG GIÁC THUYẾT TRONG

Velāmasaṃyuttanikāya

1. Một bà la môn tên Velama sống trong xứ Diêm Phù Đề là người có tâm tịnh tín đối với việc xả thí, ông đã sắp xếp xây dựng trạm bố thí nơi nhà của mình rồi thông báo khắp nơi:

- Tất cả mọi người sống trong xứ Diêm Phù Đề này hãy đến nhận thí vật thực nơi trạm bố thí này suốt 7 năm, 7 tháng, 7 ngày. Và nếu người nào không có nơi trú ngụ, không có y phục xin hãy đến nói lên ước muốn của mình cho bà la môn Velama thì sẽ được nhận thí được như ý muốn.

Việc bố thí của bà la môn Velama này được quả báo đến 1 a tăng kỳ kiếp.

2. Quả báo của bà la môn Velama nhận được cũng vẫn còn thấp hơn quả báo của người cúng dường vật thực dù chỉ một lần cho vị Dự Lưu.

3. Quả báo nhận được từ việc cúng dường vật thực cho 100 vị Dự Lưu cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc cúng dường vật thực chỉ một lần cho vị Nhất Lai.

4. Quả báo nhận được từ việc cúng dường vật thực cho 100 vị Nhất Lai cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc cúng dường vật thực chỉ một lần cho vị Bất Lai.

5. Quả báo nhận được từ việc cúng dường vật thực cho 100 vị Bất Lai cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc cúng dường vật thực chỉ một lần cho vị A La Hán.

6. Quả báo nhận được từ việc cúng dường vật thực cho 100 vị A La Hán cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc cúng dường vật thực chỉ một lần cho Đức Phật Độc Giác.

7. Quả báo nhận được từ việc cúng dường vật thực cho 100 vị Phật Độc Giác cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc cúng dường vật thực chỉ một lần cho vị Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

8. Quả báo nhận được từ việc cúng dường vật thực cho Đức Phật Chánh Đẳng Giác cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc cúng dường cho Chư Tăng có Đức Phật Chánh Đẳng Giác đứng đầu.

9. Quả báo nhận được từ việc cúng dường cho Chư Tăng có bậc Chánh Đẳng Giác đứng đầu cũng vẫn không sánh bằng quả báo của việc xây dựng tịnh xá cúng dường cho Chư Tăng ở khắp bốn phương hoặc tám hướng (catudisāsanghikavihāradāna).

10. Quả báo nhận được từ việc xây dựng tịnh xá cúng dường cho Tứ Phương Tăng cũng không sánh bằng quả báo của việc thọ trì Tam Quy.

11. Quả báo nhận được từ việc thọ trì Tam Quy cũng không sánh bằng quả báo của việc thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới cùng với Tam Quy.

12. Quả báo nhận được từ việc thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới cùng với Tam Quy cũng không sánh bằng quả báo của việc rải tâm từ đến tất cả chúng sanh được an lạc chỉ trong tạm thời.

13. Quả báo nhận được từ việc rải tâm từ đến tất cả chúng sanh được an lạc chỉ trong tạm thời cũng không sánh bằng việc tu tiến mình quán chỉ tạm thời.

Phần giải thích quả báo của việc tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiến theo tuần tự trên cho thấy quả báo của việc tu tiến mình quán là quả báo cao tột. Dù chỉ tu tiến mình quán với thời gian rất ngắn là một ngày hay một giờ cũng vẫn được tính là quả báo nhiều hơn. Nếu tu tiến thời gian lâu thì nhận được quả báo nhiều lên cho đến vô lượng.

Việc trình bày diễn tiến theo tuần tự của quả báo... như trên là trình bày theo quan kiến của bậc Chánh Đẳng Giác.

Nhân Làm Cho Bố Thí, Trì Giới, Tu Tiến Bậc Hạ, Bậc Trung, Bậc Thượng có 12

1. Hīnena chandena cittaena vīriyena vīmamsāya pavattaṃhīnaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến nương sanh từ dục, cần, tâm và trí tuệ yếu sức mạnh gọi là bậc hạ.

2. Majjhimehi chandādīhi pavattitaṃ majjhimaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến nương sanh từ dục, cần, tâm và trí tuệ có sức mạnh trung bình gọi là bậc trung.

3. Paṇitehi paṇitaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến nương sanh từ dục, cần, tâm và trí tuệ có sức mạnh mãnh liệt gọi là bậc thượng.

Một lý khác nữa:

1. Yasakāmatāya vā samādinnaṃ (diṇṇaṃ bhāvitaṃ) hīnaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến mà ước mong sẽ nhận được tán thán, danh tiếng từ người khác và mong muốn được nhiều tùy tùng gọi là bậc hạ.

2. Puññaphalakāmatāya majjhimaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến mà mong cầu được hưởng thụ an lạc trong ngũ dục quả của nhóm thiện này gọi là bậc trung.

3. Kattabbamevidanti ariyabhāvaṃ nissāya samādinnaṃ paṇitaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến do nương theo đường lối của bậc Thánh tức nhận thức rằng là pháp xứng đáng thực hành, như vậy gọi là bậc thượng.

Một lý khác nữa:

1. Ahamasmi sīlasampanno ime pana bhikkhū (puggalā) dussīlā pāpadhammāti evaṃ attukkaṃsana paravambhanādīhi upakkiliṭṭhaṃ va hīnaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến mà tự nâng cao mình lên và chê khinh người khác. Suy nghĩ rằng ta là người không bỏn xẻn keo kiệt, thường hoan hỷ trong việc bố thí, có giới đầy đủ, có niệm, định, tuệ trong việc tu tiến. Còn người khác như cư sĩ hay tu sĩ cũng đều là người bỏn xẻn, không có giới đầy đủ và mất niệm, định, tuệ trong việc tu tiến, trong thiện pháp. Với suy nghĩ như vậy gọi là thiện pháp bậc hạ.

2. Anupakkiliṭṭham lokīyasīlam (dānam bhāvanam) majjhimam

Bố thí, trì giới, tu tiến mà không tự khen mình chê người nhưng lại mong cầu tài sản dồi dào và sanh hữu đầy đủ. Thiện pháp như vậy gọi là thiện pháp bậc trung.

3. Lokuttaram paṇitam

Bố thí, trì giới, tu tiến ước nguyện Đạo: Quả, Níp Bàn như ước nguyện thành bậc Chánh Đẳng Giác, Đức Phật Độc Giác, Chí Thượng Thịnh Văn, Đại Thịnh Văn, Thịnh Văn Thường. Tạo trử thiện pháp như vậy gọi là thiện pháp bậc thượng.

Một lý khác nữa:

1- Taṇhāvasena bhavakogathāya pavattitam hīnam

Bố thí, trì giới, tu tiến để mong cầu sung túc về tài sản và viên mãn về sanh hữu bởi mãnh lực của ái dục. Thiện pháp này gọi là thiện pháp bậc hạ.

2. Attano vimokkhatthāya pavattitam majjhimam

Bố thí, trì giới, tu tiến để ước nguyện cho mình thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Thiện pháp này gọi là thiện pháp bậc trung.

3. Sabbasattavimokkhatthāya pavattitaṃ pāramitā sīlaṃ (dānaṃ bhāvanam) paṇītaṃ

Bố thí, trì giới, tu tiến để ước nguyện giúp cho tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi. Thiện pháp này gọi là thiện pháp bậc thượng.

Tóm lại, kệ ngôn bố thí này thì điều quan trọng trong tất cả thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến này thì bố thí là thiện pháp khởi đầu dẫn đến thiện pháp tiếp theo để được thuận lợi. Bố thí là loại thiện pháp hành dễ dàng nhưng cho quả vượt trội. Bố thí là loại thiện pháp hỗ trợ cho Phật Giáo tồn tại và phát triển. Bố thí là thiện pháp trợ giúp cho tất cả chúng sanh nhận được an lạc sung sướng cả đời này lẫn đời sau. Và chính bố thí này dẫn dắt tất cả hàng tín đồ đạt đến bờ Níp Bàn là nơi an lạc vắng lặng mà không loại an lạc nào có thể so sánh bằng. Cũng là lãnh vực tối thượng mà các bậc chân nhân hằng mong muốn.

Vì vậy, xin tất cả người có tâm tịnh tín với Phật Giáo hãy cùng nhau hân hoan tạo trử thiện thí để làm duyên cho các vị gặt được quả thiện tột cùng. Tức thiện siêu thế là tâm Đạo để đưa đến quả siêu thế là tâm Quả có trí tuệ liễu tri Tứ Thánh Đế thực chứng được Níp Bàn là an lạc tột đỉnh tương xứng với mọi ước nguyện.

Xin cho các thiện tín đọc được quyển sách này hãy:
Suvatthi hotu dīghāyuko hotu.
Idaṃ me puññaṃ sabbaññuttañānassa paccayo hotu.

Ngày 12-9-2010
nhằm ngày 5 - 8 năm Canh Dần
Tỳ Kheo: KHẢI MINH

MỤC LỤC

	Trang
Lời tựa.....	3

PHÁP KHÓ HIỆN HỮU TRÊN THẾ GIAN

Vấn đáp về pháp khó hiện hữu trên thế gian	6
Pháp an bình của thế gian	22
Pháp phụ lục.....	32

CẨM NANG TẠO TRỮ THIỆN THÍ

Trình Bày Việc Tạo Trữ Bố Thí, Trì Giới, Tu Tiến Thuộc Thiện Nhị Nhân và Tam Nhân.....	135
--	-----

Trình bày phân loại khác nhau của Bố Thí	143
---	-----

Quả Báo Khác Nhau Của Bố Thí, Trì Giới, Tu Tiến Mà Bạc Chánh Đẳng Giác Thuyết trong Velāmasaṃyuttanikāya.....	176
---	-----

Phương Danh Thí Chủ Ấn Tống

ĐĐ Phước Duyên

ĐĐ Pháp Hiếu

Vũ Văn Chính

Nguyễn Thị Mỹ Nhung

Nguyễn Trương Hòa Tâm

Đỗ Nguyễn Minh Anh

Nguyễn Thị Thanh Lựu

Đỗ Minh An

PT Diệu Hằng

PT Thân Dung

PT Vũ Minh Duyên

PT Diệu Ngọc

PT Đức Mẫn

Gia Đình Chị Hương

Gia Đình Chị Trinh

Gia Đình Chị Thuận

Gia Đình Cô Cẩm Nang



PHÁP KHÓ HIỆN HỮU TRÊN THẾ GIAN và CẨM NANG TẠO TRỮ THIỆN THÍ

Tỳ kheo KHẢI MINH dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản: **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

- Biên tập: CẨM HỒNG - Sửa bản in: HỒNG ANH

- Trình bày: MẠNH HẢI - Bìa: NGÔ XUÂN KIM BÍCH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

* 62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

* ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326

* Fax: 84.8.38222726 * Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

* www.nxbhcm.com.vn / www.fiditour.com

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm.

tại: Xí nghiệp in Fahasa

774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM

GPXB số: 1082-11/CXB/70-90/THTPHCM cấp ngày 3/10/2011.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2011.